

MỤC LỤC

STT	NỘI DUNG	TRANG
	TÊN ĐỀ ÁN	
	MỤC LỤC	
	TỔ TRÌNH	4
	ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT LIÊN KẾT ĐÀO TẠO	5
	ĐỀ ÁN	10
1	ĐẶT VẤN ĐỀ	11
2	CÁC CƠ SỞ PHÁP LÝ	12
3	MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN	14
4	NỘI DUNG CỦA ĐỀ ÁN	15
4.1	Đối tượng tuyển sinh	15
4.2	Chương trình đào tạo	14
4.3	Hình thức đào tạo	15
4.4	Thời gian và quy mô đào tạo	15
4.5	Văn bằng và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	16
4.5.1	Văn bằng	
4.5.2	Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo	
4.6	Kinh phí đào tạo	24
4.7	Trách nhiệm và quản lý tổ chức thực hiện của các bên liên quan	24
4.8	Kế hoạch tài chính	25
4.9	Website công khai chương trình	25
5	NĂNG LỰC THỰC HIỆN	25
5.1	Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp	25
5.2	Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc	27
6	CƠ CHẾ KIỂM SOÁT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC	28
7	QUẢN LÝ RỦI RO	28
8	KẾ HOẠCH THỰC HIỆN	29
9	KẾT LUẬN	30
	CÁC PHỤ LỤC	31
	A. Phụ lục 1: Khung chương trình đào tạo	32
	B. Phụ lục 2: Mô tả các môn học trong chương trình	38
	C. Phụ lục 3: Danh sách giảng viên và kế hoạch phân công giảng dạy	60
	D. Phụ lục 4: Sơ yếu lý lịch giảng viên	65
	E. Phụ lục 5: Kế hoạch tuyển sinh	193
	F. Phụ lục 6: Kế hoạch tài chính	194

G. Phụ lục 7: Văn bản pháp lý	197
H. Phụ lục 8: Danh sách ban quản lý	240
I. Phụ lục 9: Giới thiệu về trường đối tác	291
10.BẢN CAM ĐOAN	294

CHÚ THÍCH CÁC TỪ VIẾT TẮT

- DH: Đại học
- TNUT: Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên
(**Thai Nguyen University of Technology**)
- JJU: Đại học Jeonju – Hàn Quốc
(**Jeonju University**)
- CTĐT: Chương trình đào tạo
- CBVC: Cán bộ viên chức
- PTTH: Phổ thông trung học
- LHS: Lưu học sinh
- SV: Sinh viên
- CT LKĐTQT: Chương trình liên kết đào tạo quốc tế

TỜ TRÌNH

V/v phê duyet đề án liên kết đào tạo

Kính gửi: Ban Giám đốc Đại học Thái Nguyên

Thực hiện chủ trương của Nhà nước và chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, trong những năm qua, Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp đã tăng cường hợp tác với các trường đại học trong khu vực và trên thế giới, một trong những đối tác đó là Đại học Jeonju (JJU), Hàn Quốc.

Căn cứ vào nội dung văn bản hợp tác quốc tế giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên, Việt Nam và Đại học Jeonju, Hàn Quốc và nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập để phát triển kinh tế xã hội cho cả nước. Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên phối hợp với Đại học Jeonju xây dựng **“Đề án liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử theo mô hình 2+2 giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và Đại học Jeonju”**.

Kính đề nghị Đại học Thái Nguyên xem xét, phê duyệt đề án để nhà trường triển khai thực hiện chương trình.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, QLKH&TTHTĐTQT.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 4 năm 2020.

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Phê duyệt liên kết đào tạo với nước ngoài trình độ đại học
ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử**

Kính gửi: Đại học Thái Nguyên

Chúng tôi, những người ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết, gồm:

Bên Việt Nam: Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên (gọi tắt là TNUT)

- Trụ sở: 666 đường 3/2, Phường Tích Lương, Tp Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

- Điện thoại: (84)2083847145

- Fax: (84)2083847403

- Website: <http://www.tnut.edu.vn>

- Quyết định thành lập: quyết định số 164/CP Hội đồng Chính phủ ngày 19/8/1965

Bên nước ngoài: Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc (gọi tắt là JJU)

- Trụ sở: 303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju, Hàn Quốc

- Điện thoại: +82-1577-7177

- Fax: +82-63-220-2464

- Website: <http://www.jj.ac.kr>

- Giấy phép thành lập: Văn bản 1.041.1 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục ngày 9/1/1964

Đề nghị Giám đốc Đại học Thái Nguyên xem xét, phê duyệt liên kết đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật điện và điện tử giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc với các mục tiêu, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

1. Mục tiêu và phạm vi của liên kết:

- Đào tạo sinh viên có trình độ đại học thuộc các ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử; đạt chất lượng khu vực và quốc tế, đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

- Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và học hỏi, cập nhật chương trình, phương pháp giảng dạy hiện đại của trường đối tác.

- Xây dựng, củng cố, tạo cơ sở cho mối quan hệ hợp tác quốc tế về liên kết đào tạo, giao lưu văn hóa, trao đổi Khoa học Kỹ thuật giữa Đại học Thái Nguyên với các trường Đại học, Cao đẳng của Hàn Quốc.

- Quy mô đào tạo: 30 sinh viên/ năm (dự kiến)

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trong hệ thống giáo dục Việt Nam, đáp ứng điều kiện xét tuyển của Đại học Jeonju đều có thể tham gia.

- Đào tạo hệ chính quy, 04 năm, 08 học kỳ, cấp bằng Đại học chính quy (bằng cử nhân) do JJU cấp bằng.

2. Thời hạn hoạt động của liên kết:

Thời gian hoạt động của liên kết là 04 (bốn) năm, nếu tiếp tục thực hiện hoặc có điều chỉnh nội dung liên kết sẽ tiến hành gia hạn.

3. Nội dung liên kết:

Phối hợp cùng Đại học Jeonju, Hàn Quốc triển khai chương trình liên kết đào tạo quốc tế ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử.

Chúng tôi xin cam kết:

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và tài liệu kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

Các tài liệu gửi kèm Đơn này gồm:

1. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các Bên liên kết.

2. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm bản chính để đối chiếu quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác.

3. Giấy tờ chứng minh ngành, chuyên ngành được phép đào tạo của cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết.

4. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc giấy tờ công nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền.

5. Văn bản chấp thuận về chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của cơ quan chủ quản đối với cơ sở giáo dục Việt Nam.

6. Đề án thực hiện liên kết đào tạo.

7. Các văn bản khác (nếu có).

BÊN VIỆT NAM

Đã ký

PGS.TS Nguyễn Duy Cường

BÊN NƯỚC NGOÀI

Đã ký

TS. LEE Ho-In

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác nhận chữ ký của bà Trần Thị Bích Thảo Trung tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom – Happiness

Thai Nguyen, ...

PROPOSAL

Approving the joint training program with foreign countries with university degrees in Electrical and Electronics Engineering; Mechanical Engineering; SmartMedia; Logistics and International Trade

To: Director of Thai Nguyen University

We, the undersigned, representing the Parties to the association, include:

Vietnam Party: Thai Nguyen University of Technology (referred to as TNUT)

- Headquarters: 666 3/2 Street, Tich Luong Ward, Thai Nguyen City, Thai Nguyen Province, Vietnam

- Phone: (84) 2083847145

- Fax: (84) 2083847403

- Website: <http://www.tnut.edu.vn>

- Establishment decision: No. 164/CP of the Government Council of August 19, 1965.

Foreign Party: Jeonju University, Korea (referred to as JJU)

- Headquarters: 303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju, South Korea

- Phone: + 82-1577-7177

- Fax: + 82-63-220-2464

- Website: <http://www.jj.ac.kr>

- Establishment License: Document 1.041.1 of the Minister of Education dated January 9, 1964

Proposing the Director of Thai Nguyen University to consider and approve the joint training program for university degree in Electrical and Electronics Engineering; Mechanical Engineering; SmartMedia; Logistics and International Trade between TNUT and JJU with the objectives, scope and duration of operation are as follows:

1. Objectives and scope of the affiliate program:

- Training undergraduate students majoring in Electrical and Electronics Engineering; Mechanical Engineering; SmartMedia; Logistics and International Trade reached international quality.

- Formal training, 04 years, 08 semesters, regular university degree (bachelor's degree) by JJU.

2. Operation duration of the affiliate program:

The operation duration of the affiliate program is 04 (four) years, if continued implementation or adjustment of the affiliate content will be extended.

3. Contents of the affiliate program:

Coordinate with Jeonju University, South Korea to teach the affiliate program in Electrical and Electronics Engineering; Mechanical Engineering; SmartMedia; Logistics and International Trade.

We commit:

1. Take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the content of the Proposal and attached documents.
2. Strictly abiding by the provisions of Vietnamese law.

Documents attached to this Application include:

1. Memorandum of agreement: Articulation program between Jeonju university, republic of korea And Thai nguyen university of technology, vietnam.
2. Documents proving legal status of associated parties
3. Training license of affiliate majors.
4. Training quality certificate affiliate majors.
5. The document permitting training cooperation with foreign countries of Thai Nguyen University.
6. Scheme on implementation of joint training.
7. Other documents (if any).

ĐỀ ÁN

**LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ
GIỮA TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG
NGHIỆP – ĐH THÁI NGUYÊN VÀ ĐH
JEONJU, HÀN QUỐC**

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Đại học Thái Nguyên là Đại học vùng đa cấp, đa ngành, đào tạo nguồn nhân lực phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế, xã hội vùng trung du, miền núi phía Bắc và trên phạm vi cả nước. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là một trong những đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên. Đây là một trường Đại học kỹ thuật đa ngành, đào tạo các hệ đại học, cao học và tiến sĩ.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp có đội ngũ giảng viên - CBVC là 533 người (*trong đó có 21 Phó Giáo sư, 66 Tiến sĩ, 275 Thạc sĩ*), làm nhiệm vụ đào tạo cử nhân và kỹ sư cho các tỉnh miền núi phía Bắc cũng như trên phạm vi cả nước. Trải qua 54 năm xây dựng và phát triển, hiện tại, Nhà trường đang phục vụ đào tạo trên 11.000 sinh viên trong nước và quốc tế với 28 chuyên ngành đào tạo đại học và sau đại học, trong đó có 02 chương trình tiên tiến và 02 chương trình liên kết đào tạo quốc tế; trường là trung tâm nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ lớn ở phía Bắc Việt Nam.

Hiện nay, trường đã có quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ với nhiều trường đại học và các tổ chức giáo dục, xã hội trong khu vực cũng như trên thế giới, đặc biệt là với Hàn Quốc.

Trong nhiều năm qua, thực hiện chủ trương của Bộ Giáo dục và Đào tạo “Khuyến khích các trường đại học, cao đẳng liên kết đào tạo với các cơ sở đào tạo có chất lượng cao của nước ngoài...”. Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đã tăng cường mở rộng mối quan hệ hợp tác quốc tế về đào tạo và nghiên cứu với nhiều trường đại học và các cơ sở đào tạo trong khu vực và trên thế giới. Một trong số các đối tác được trường quan tâm là các trường đại học trong khu vực như: Đại học Khoa học Công nghệ Sơn Đông - Trung Quốc, Đại học Khoa học kỹ thuật và Điện tử Quế Lâm, Đại học Suranaree - Thái Lan, Đại học Quốc gia Kyungpook - Hàn Quốc..., gần đây nhất là **trường Đại học Jeonju - Hàn Quốc**.

Bên cạnh đó, tháng 3/2012, tập đoàn Samsung đã chính thức tổ chức lễ khởi công “Khu Tổ hợp Công nghệ cao” tại huyện Phổ Yên với tổng số vốn đầu tư bước đầu là 02 tỷ Đô la Mỹ, dự kiến khi đi vào hoạt động sẽ có công suất thiết kế đạt khoảng 100 triệu sản phẩm mỗi năm. Việc tổ chức liên kết đào tạo với một trường Đại học của Hàn Quốc có ý nghĩa kinh tế, chính trị, xã hội to lớn nhằm cung cấp lực lượng lao động kỹ thuật trình độ cao cho các dự án này nói riêng cũng như các dự án đầu tư nước ngoài khác nói chung.

Đại học Jeonju - Hàn Quốc (<http://www.jj.ac.kr>), được thành lập từ năm 1964, là trường đại học quốc tế lớn với 8 trường đại học thành viên, hơn 60 khoa đào tạo hệ đại học 4 năm, 68 hệ thạc sỹ, tiến sỹ.

Hiện tại trường có 12.000 sinh viên đang theo học, trong đó có 1.400 du học sinh nước ngoài đến từ 67 quốc gia trên thế giới, có 600 du học sinh đến từ Việt Nam. Trường đại học Jeonju là trường đại học đầu tiên trong các trường đại học Hàn Quốc đã ký kết với Bộ Lao động Thương binh Xã hội Việt Nam để cùng liên kết nghiên cứu, đào tạo nguồn lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp Hàn Quốc đang đầu tư tại Việt Nam.

Trong quá trình thực hiện các nội dung hợp tác, hai bên đã thống nhất đề xuất phối hợp ***“Liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử, Kỹ thuật cơ khí, Công nghệ thông tin, Logistics và Thương mại quốc tế theo mô hình 2+2”***.

Dựa trên nội dung chi tiết của biên bản hợp tác, điều kiện thực tế như trên; đồng thời căn cứ điều kiện cơ sở vật chất, năng lực của Nhà trường và tính khả thi của chương trình, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên đã hợp tác với Đại học Jeonju, Hàn Quốc thực hiện xây dựng ***“Đề án liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử theo mô hình 2 + 2”***. Đây là chương trình liên kết đào tạo do Đại học Jeonju cấp bằng cử nhân ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử. Sinh viên học 02 năm đầu tại Việt Nam và 02 năm cuối tại Đại học Jeonju, Hàn Quốc.

2. Các cơ sở pháp lý

Trên cơ sở kế thừa và phát triển các nội dung, định hướng về giáo dục, đào tạo trong Nghị quyết của các kỳ Đại hội X và XI, Nghị quyết Đại hội XII của Đảng xác định và nhấn mạnh vào một trong các mục tiêu, nhiệm vụ tổng quát phát triển đất nước 5 năm, giai đoạn 2016-2020 là: *“Thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội”*.

Trên cơ sở chủ trương và định hướng đó, ***“Đề án liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử theo mô hình 2 + 2”*** được xây dựng trên những cơ sở pháp lý sau:

- Luật Giáo dục Đại học số 08/2012/QH13 được Quốc hội Khóa XIII nước CHXHCN Việt Nam thông qua ngày 18/6/2012. Tại Điều 44. Các hình thức hợp tác quốc tế của cơ sở giáo dục đại học có quy định và cho phép các cơ sở giáo dục đại học thực hiện liên kết đào tạo với cơ sở giáo dục nước ngoài.

- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học số 34/2018/QH14 thông qua ngày 19/11/2018. Điều 45, Liên kết đào tạo với nước ngoài có ghi *“Liên kết đào tạo với nước ngoài là việc hợp tác đào tạo giữa cơ sở giáo dục đại học được thành lập ở Việt Nam với cơ sở giáo dục đại học nước ngoài nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng hoặc cấp chứng chỉ,... Chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài là chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng. Việc tổ chức đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài...”*.

- Nghị định 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019, Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học.

- Nghị định số 86/2018/NĐ – CP ngày 6 tháng 6 năm 2018, Quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục tại chương II, mục 2, Điều 15, Khoản 1, điểm b của Nghị định có nêu đối tượng và phạm vi liên kết đào tạo trình độ đại học: *“Cơ sở giáo dục đại học được thành lập, hoạt động hợp pháp ở nước ngoài, được cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền về giáo dục của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục và được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt nam công nhận”*.

- Tại Điều 17, Khoản 1, Nghị định quy định về Chương trình liên kết đào tạo: *“Liên kết đào tạo được thực hiện theo chương trình của nước ngoài hoặc chương trình do hai bên cùng xây dựng; chương trình đào tạo được thực hiện toàn bộ tại Việt Nam hoặc một phần tại Việt Nam và một phần tại nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của nước ngoài; cấp văn bằng, chứng chỉ của Việt Nam và của nước ngoài”*.

- Tại Điều 22, Khoản 2, Nghị định quy định Thẩm quyền phê duyệt đề án liên kết đào tạo: *“Giám đốc đại học quốc gia, đại học vùng, thủ trưởng các cơ sở giáo dục đại học được hoạt động theo cơ chế tự chủ phê duyệt liên kết đào tạo trực tiếp trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tổ chức tại những cơ sở này”*.

- Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên, tại Chương V, Điều 19, Mục 5 quy định Nhiệm vụ và quyền hạn của đại học vùng là *“1. Xây dựng và ban hành quy định quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của đại học vùng phù hợp với quy định của pháp luật; hướng dẫn các đơn vị thành viên thực hiện quy định về hoạt động hợp tác quốc tế. 2. Xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế của đại học vùng, đàm phán, ký kết và triển khai thực hiện các thỏa thuận hợp tác quốc*

tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ; quản lý và triển khai các chương trình, dự án hợp tác quốc tế theo quy định của pháp luật”.

- Quyết định số 2424/QĐ-ĐHTN ngày 22 tháng 10 năm 2015 về việc ban hành Quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Đại học Thái Nguyên, các cơ sở giáo dục đại học thành viên và đơn vị trực thuộc;

- Quyết định 668/QĐ-ĐHTN ngày 28/5/2014 về việc Quy định quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài tại Đại học Thái Nguyên.

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Đại học Thái Nguyên nhiệm kỳ 2015-2020 và 09 Chương trình Đề án toàn khóa, trong đó có *“Phát triển chương trình đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội và hội nhập quốc tế - Đề án số 4”*. Mục tiêu của chương trình Đề án là *“Phát triển thành công của một số chương trình đào tạo chất lượng cao theo tiêu chuẩn của khu vực Đông Nam Á góp phần phát triển nguồn nhân lực có chất lượng cao, phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và hội nhập quốc tế”*. Trong nội dung của đề án có đưa ra các chỉ tiêu thực hiện trong 5 năm 2015-2020, trong đó có đặt ra chỉ tiêu *“Năm 2017-2018 tất cả các trường đại học thành viên thuộc Đại học Thái Nguyên triển khai được ít nhất 01 chương trình tiên tiến mở rộng hoặc 01 chương trình đào tạo chất lượng cao bậc đại học”*.

- Quyết định 2453/QĐ-ĐHTN ngày 30 tháng 12 năm 2019 về việc ban hành Quy định tạm thời về liên kết đào tạo với nước ngoài tại Đại học Thái Nguyên.

- Biên bản ghi nhớ về triển khai các chương trình hợp tác trong giáo dục và đào tạo ký tháng 9/2019 giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và Đại học Jeonju, Hàn Quốc.

- Văn bản hợp tác triển khai chương trình đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử, ngành Kỹ thuật cơ khí, ngành Công nghệ thông tin và ngành Logistics và Thương mại quốc tế ký ngày 15/3/2020 giữa Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và Đại học Jeonju, Hàn Quốc.

3. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

“Đề án liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử” được xây dựng nhằm đạt được các mục tiêu chính sau:

- Đào tạo các cán bộ có trình độ đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử đạt chất lượng khu vực và quốc tế; cung cấp cho tỉnh Thái Nguyên nói riêng, các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc nói chung nguồn nhân lực chất lượng cao, phục vụ yêu cầu công nghiệp hóa – hiện đại hóa đất nước.

- Nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ giảng viên của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp và học hỏi, cập nhật chương trình, phương pháp giảng dạy hiện đại của trường đối tác.

- Thông qua Chương trình liên kết hợp tác giáo dục thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu hợp tác.

- Xây dựng, củng cố, tạo cơ sở cho mối quan hệ hợp tác quốc tế về liên kết đào tạo, giao lưu văn hóa, trao đổi Khoa học Kỹ thuật giữa Đại học Thái Nguyên với các trường Đại học, Cao đẳng của Hàn Quốc.

4. NỘI DUNG ĐỀ ÁN

4.1. Đối tượng tuyển sinh

Giai đoạn 1 (02 năm đầu học tại TNUT): Học sinh đã tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương trong hệ thống giáo dục Việt Nam có nguyện vọng học tập, lấy bằng tốt nghiệp của Đại học Jeonju đều có thể tham gia.

Giai đoạn 2 (02 năm cuối học tại JJU): đáp ứng điều kiện học thuật và ngoại ngữ tiếng Hàn (tối thiểu TOPIK3) có thể chuyển tiếp sang JJU để học tập 02 năm cuối và nhận bằng tốt nghiệp của JJU, nếu sinh viên không hoàn thành các điều về học thuật và ngôn ngữ tại TNUT vẫn có thể chuyển tiếp và hoàn thành các điều kiện này tại JJU trước khi học 02 năm cuối.

4.2. Chương trình đào tạo

- Chương trình đào tạo liên kết được tích hợp giữa chương trình đào tạo kỹ sư ngành Kỹ thuật điện của Trường đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên và chương trình đào tạo của nhân ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử của Đại học Jeonju.

- Chương trình đào tạo liên kết đã được các nhà quản lý, chuyên gia, giảng viên nghiên cứu và xây dựng, trong đó Đại học Jeonju công nhận các môn học trong 02 năm đầu tại Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp. Chương trình đào tạo liên kết chi tiết được thể hiện tại Phụ lục 01.

- Để tiếp tục học 02 năm cuối tại Đại học Jeonju, sinh viên phải đạt trình độ tiếng Hàn tối thiểu là TOPIK3.

4.3. Hình thức đào tạo

Liên kết đào tạo quốc tế bậc Đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử theo mô hình 2+2; với tổng thời gian đào tạo là 04 năm.

- Chương trình đào tạo thực hiện theo hình thức tích lũy tín chỉ tuân theo quy chế và quy định đào tạo tại trường nơi sinh viên học tập; Tổng số tín chỉ trong chương trình đào tạo là 134 tín chỉ; được chia thành 2 giai đoạn:

+ Giai đoạn 1: Trong 02 năm đầu sinh viên học tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên. Ngôn ngữ giảng dạy là tiếng Việt (song song được học tiếng Hàn). Nội dung học gồm: 32 môn học với tổng số 73 tín chỉ (trong đó số môn học bắt buộc là 30 môn chiếm 69 tín chỉ; số môn học tự chọn là 2 môn chiếm 4 tín chỉ)

+ Giai đoạn 2: Tất cả các sinh viên được yêu cầu hoàn thành chương trình đào tạo 02 năm cuối tại Đại học Jeonju, Hàn Quốc. Ngôn ngữ giảng dạy bằng tiếng Hàn. Nội dung học gồm: 23 môn học với tổng số tín chỉ 61 tín chỉ

(Thông tin chi tiết các môn học cho từng giai đoạn học tập được trình bày tại Phụ lục 01).

- Tuy nhiên, đối với sinh viên chưa hoàn thành 02 năm đầu học tại TNUT (cả về học thuật và ngôn ngữ) nhưng có nguyện vọng sang JJU học ngay thì có thể được chuyển tiếp sang JJU theo học. Những sinh viên này sẽ được học tiếng Hàn tại JJU để đạt điều kiện về ngôn ngữ trước khi học chuyên ngành và hoàn thành số tín chỉ học thuật còn lại trong chương trình đào tạo tại JJU (toàn bộ số tín chỉ học tại TNUT đều được JJU chấp nhận) để được JJU cấp bằng.

Để tạo điều kiện cho các sinh viên đạt được chứng chỉ TOPIK 3, sinh viên được học thêm tiếng Hàn do giáo viên người Hàn (trường đại học Jeonju cử sang) giảng dạy trực tiếp trong 02 năm học đầu tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp.

4.4. Thời gian và quy mô đào tạo

- Thời gian đào tạo dự kiến: 04 năm, trong đó 02 năm đầu học tại TNUT và 02 năm cuối học tại JJU.

- Tuy nhiên, các sinh viên chưa đủ điều kiện chuyên môn hoặc ngoại ngữ có thể kéo dài thời gian học tại TNUT để đạt tiêu chí xét tuyển; Hoặc sinh viên chưa đạt đủ điều kiện chuyên môn hoặc ngoại ngữ nhưng có nguyện vọng sang JJU học tập ngay thì cũng có thể được JJU chấp nhận và hoàn thiện các điều kiện đó tại JJU; Hoặc những sinh viên học trước, học vượt nếu đạt tiêu chuẩn xét tuyển có thể rút ngắn thời gian học tại TNUT.

- Thời gian học 02 năm tại JJU, bao gồm cả thời gian thực tập, sinh viên rút ngắn hoặc kéo dài thời gian học tập theo quy định của JJU.

- Quy mô đào tạo: 30 sinh viên/ khóa (dự kiến).

4.5. Văn bằng và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

4.5.1. Văn bằng

Sau khi hoàn thành chương trình, sinh viên được cấp bằng:

- Tên văn bằng: Bằng tốt nghiệp Đại học
- Loại văn bằng: Cử nhân
- Cơ sở giáo dục cấp bằng: Đại học Jeonju – Hàn Quốc

4.5.2. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Chuẩn đầu ra giai đoạn I:

Sau khi kết thúc 02 năm học đầu tiên tại TNUT, sinh viên được trang bị các kiến thức và vận dụng được kiến thức sau:

Khối kiến thức giáo dục đại cương

- Khái quát được những kiến thức cơ bản nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, văn hóa thế giới (L01)
- Đánh giá được những kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, pháp luật, an ninh quốc phòng (L02).
- Vận dụng được các kiến thức toán, vật lý để học tập các môn cơ sở ngành, chuyên ngành đào tạo (L03).

Khối kiến thức cơ sở ngành

- Vận dụng được các kiến thức cơ sở ngành để tiếp thu hiệu quả các kiến thức ngành, chuyên ngành (L04).
- Vận dụng các kiến thức về mạch điện, hệ thống điện, điện tử số để có thể thiết kế được các mạch điện đơn giản ứng dụng thực tế (L05)

Năng lực ngoại ngữ: đạt chuẩn năng lực tiếng Hàn TOPIK3.

Chuẩn đầu ra giai đoạn II:

Sau khi kết thúc năm học cuối tại JJU, sinh viên có những kiến thức và kỹ năng sau đây:

Khối kiến thức ngành, chuyên ngành

- Có khả năng phân tích, nghiên cứu, thiết kế và vận hành các hệ thống điện quốc gia bao gồm mạng cao áp, trung áp và hạ áp trong các lĩnh vực sản xuất, truyền tải, phân phối và sử dụng điện năng (L06)
- Thiết kế mạch điện, điện tử cho các hệ thống điều khiển tự động (L07)

*** Kỹ năng nghề nghiệp:**

+ *Kỹ năng chuyên môn:*

- Vận hành nhà máy và hệ thống điện; nhà máy điện và trạm biến áp, bảo vệ relay và tự động hóa, hệ thống cung cấp điện, các cách thức vận hành và lắp đặt cho

các hệ truyền động, kỹ thuật thiết kế chiếu sáng. Có khả năng sử dụng các công cụ hỗ trợ thiết kế và mô phỏng trên máy tính (L08);

- Quản lý và triển khai thiết kế, bảo trì, sửa chữa, cải tiến nâng cấp các hệ thống điện (L09);

- Cập nhật và thống kê thông tin về pháp luật, kỹ thuật và công nghệ mới; phương pháp quản lý, kinh nghiệm quốc tế liên quan đến điện – điện tử (L10).

- Đạt các yêu cầu chuẩn chất lượng tốt nghiệp đại học của Đại học Jeonju, Hàn Quốc (L11).

+ *Kỹ năng mềm (L12):*

Sinh viên tốt nghiệp chương trình này có những kỹ năng mềm cụ thể như sau: Kỹ năng viết và trình bày; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng đàm phán và thương lượng; Phương pháp học tập hiệu quả.

+ *Kỹ năng ngoại ngữ:*

Sử dụng tiếng Hàn hiệu quả trong giao tiếp và công việc, tiếng Anh chuyên ngành.

+ *Kỹ năng tin học (L13):*

Sử dụng tốt các phần mềm mô phỏng và thiết kế chuyên ngành (MATLAB, OrCAD, AutoCAD...).

*** Thái độ, ý thức xã hội (L14):**

+ *Thái độ và hành vi:*

- Tuân thủ các nguyên tắc an toàn nghề nghiệp;

- Nhận thức đúng về vai trò người làm kỹ thuật, đó là người tạo ra những sản phẩm góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống con người và hiệu quả sản xuất.

- Có tinh thần cầu tiến, học hỏi, luôn tự nghiên cứu để tiếp tục nâng cao kỹ năng nghề nghiệp;

- Có tinh thần trung thực và trách nhiệm cao trong học thuật và nghiên cứu.

+ *Ý thức về cộng đồng, xã hội*

- Có tinh thần tập thể, sẵn sàng tham gia các công tác ứng dụng kỹ thuật điện tử truyền thông để phục vụ nhà trường, cộng đồng xã hội, đoàn thể;

- Có ý thức ứng dụng kiến thức chuyên môn để giải quyết những vấn đề cấp thiết của cộng đồng, của xã hội;

- Có ý thức bảo vệ tài nguyên môi trường và xã hội khi nghiên cứu, thiết kế, chế tạo sản phẩm vì mục tiêu phát triển bền vững.

*** Khả năng phát triển chuyên môn:**

Sinh viên tham gia chương trình liên kết đào tạo quốc tế bậc đại học ngành Kỹ thuật điện và điện tử có thể học tiếp lên bậc học cao hơn bằng cách tham gia chương trình đào tạo Cao học tại JJU hoặc các trường Đại học, Viện nghiên cứu trong và ngoài nước khác.

	Học kỳ 2 (Semester 2)		19														
1	Vật lý 2 <i>General Physics 1</i>	R	3			2											
2	Cơ kỹ thuật <i>Engineering Mechanics</i>	R	2	2			1										
3	Kỹ thuật thủy khí <i>Fluid Engineering</i>	R	2			2	1										
4	Giải tích 1 <i>Calculus 1</i>	R	4	1		2											
5	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin <i>Political Economy Marxisim Leninism</i>	R	2	3													
6	Tiếng Hàn 2 <i>Korean 2</i>	R	3	3											2		
7	VN Giáo dục quốc phòng <i>Vietnamese military education</i>	R	0		3	3	3										
8	Tin học trong kỹ thuật <i>Engineering Informatics</i>	R	3				3								1		
	Học kỳ 3 (Semester 3)		18														
1	Môn tự chọn 2 <i>Elective Courses 2</i>	E	2	1		2									1		
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>Ho Chi Minh's ideology</i>	R	2		3												
3	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1	R	3				3	2				1					

	<i>Basic Circurt Theory 1</i>																
4	Vật liệu điện <i>Electrical Materials</i>	R	2				2	2				1					
5	Hình họa và vẽ kỹ thuật <i>Descriptive Geometry and Technical Drawing</i>	R	3				2									2	
6	Tiếng Hàn 3 <i>Korean 3</i>	R	3	3											2		
7	Giáo dục thể chất 2 <i>Physical Education 2</i>	R	0			2											
8	Giải tích 2 <i>Calculus 2</i>	R	3	1		2											
	Học kỳ 4 (Semester 4)		19														
1	Kỹ thuật điện tử số <i>Digital Electronics</i>	R	3				3	1									1
2	Truyền thông công nghiệp và SCADA <i>Industrial Communications and SCADA</i>	R	2				2										
3	Kỹ thuật đo lường điện <i>Electrical Measurement techniques</i>	R	3				3	2			2	2			1		2
4	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2 <i>Basic Circurt Theory 2</i>	R	3				3	1			1						1
5	Khí cụ điện	R	2					2					2				1

	<i>Electrical Instruments</i>																
6	Kỹ thuật điện tử tương tự <i>Analog Electronics</i>	R	3				2				2				2		
7	Tiếng Hàn 4 <i>Korean 4</i>	R	3	3											2		
8	Giáo dục thể chất 3 <i>Physical Education 3</i>	R	0			2											
	Khung chương trình đào tạo Giai đoạn 2 <i>Study Plan for TNUT students in Phase 2 in JJU</i>			Đáp ứng CĐR của JJU													

Chú thích môn học:

R: Môn học bắt buộc

E: Môn học tự chọn

GE: Môn học chung tự chọn

Chú thích: Mức độ đáp ứng chuẩn đầu ra

Giá trị	Giải thích
1	Đáp ứng CĐR ở mức THẤP
2	Đáp ứng CĐR ở mức TRUNG BÌNH
3	Đáp ứng CĐR ở mức CAO

4.6. Kinh phí đào tạo

Dự kiến mức học phí tính cho một sinh viên (có thể thay đổi hàng năm), như sau:

- *Học 02 năm đầu tại TNUT:*

+ Đối với sinh viên học đủ hai (02) năm đầu đào tạo tại TNUT: Số tín chỉ tối thiểu đạt là 65TC/2 năm, học phí là 620.000 đồng/ tín chỉ (khoảng 20.000.000 VNĐ/ năm tương đương 853 USD/ năm); Phí học tiếng Hàn 620.000 đồng/TC, sinh viên hoàn thành 12TC tiếng Hàn (khoảng 7.500.00 VNĐ, tương đương 320 USD); Phí hỗ trợ đi là 5.000.000 đồng (chưa bao gồm phí KTX, bảo hiểm...).

+ Đối với sinh viên học không đủ 02 năm tại TNUT: Số TC học được tính học phí là 620.000 đồng/ TC; Số TC tiếng Hàn đã học được tính phí là 620.000 đồng/ TC; Phí hỗ trợ đi là 30.000.000 đồng.

+ Đối với sinh viên vừa trúng tuyển vào TNUT hoặc học sinh tốt nghiệp THPT xét tuyển hồ sơ đủ điều kiện muốn sang JJU học tập ngay sẽ thu Phí hỗ trợ đi là 45.000.000 đồng/ 1 người.

- *Học 02 năm cuối tại JJU:*

+ Phí nhập học và học phí nộp tại Đại học Jeonju là: phí nhập học là 476 USD, phí bảo hiểm và lưu trú (phí giáo trình, chăn màn, đưa đón, làm chứng minh thư nước ngoài) là 400 USD, phí quản lý (đóng 01 lần) là 1000 USD, phí ký túc xá (6 tháng) là 1200 USD, học phí cho Khối ngành Kỹ thuật là 3.357 USD/ học kỳ (tương đương 77.883.000 VNĐ) và các chi phí khác. Tổng chi phí cho một năm học tại JJU khoảng 9.835 USD (tương đương 234.000.000 VNĐ/ năm theo tỷ giá chung tại thời điểm tháng 10/2019). Sinh viên đóng học phí theo từng kỳ học.

4.7. Trách nhiệm và quản lý tổ chức thực hiện của các bên tham gia

Đại học Thái Nguyên

Đại học Thái Nguyên là cơ quan quản lý, làm nhiệm vụ phê duyệt đề án, kiểm tra, giám sát việc các bên phối hợp triển khai tiến trình đào tạo đảm bảo đúng quy chế, chất lượng và thực hiện nghiêm túc các nội dung trong đề án.

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp

Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế thực hiện nhiệm vụ làm đơn vị đầu mối, liên kết các khâu thực hiện và tổ chức và quản lý các khóa học liên kết đào tạo.

Khoa Điện, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp là đơn vị triển khai đào tạo và chịu trách nhiệm chuyên môn học thuật đối với những sinh viên theo học chuyên ngành thuộc chương trình liên kết.

Phòng Quản lý Khoa học và Quan hệ Quốc tế, Phòng Đào tạo, Phòng CT-HSSV, Phòng Kế hoạch - Tài chính, Phòng Quản trị - Phục vụ có trách nhiệm phối hợp, hỗ

trợ, phục vụ các lớp đào tạo liên kết đào tạo trình độ đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử đáp ứng các yêu cầu về tổ chức đào tạo.

- Phòng Công tác HSSV của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp trực tiếp quản lý sinh viên trong thời gian sinh viên học tại Việt Nam.

Đại học Jeonju

- Trường Đại học Jeonju – Hàn Quốc trực tiếp tổ chức và quản lý sinh viên trong thời gian học tại Hàn Quốc, cho đến khi sinh viên tốt nghiệp về nước.

- Đại học Jeonju – Hàn Quốc chịu trách nhiệm chính trong việc tổ chức quản lý chất lượng chương trình này.

4.8. Kế hoạch tài chính

Theo thỏa thuận hợp tác giữa TNUT và JJU như sau:

+ 02 năm đầu Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp tự quản lý thu và chi học phí của sinh viên theo dự toán đã lập và theo quy định hiện hành của Nhà nước.

+ 02 năm cuối Đại học Jeonju tự quản lý mức thu và chi học phí của sinh viên với mức thu 3.357 USD/ học kỳ (mức học phí có thể thay đổi theo năm).

Kế hoạch tài chính cho triển khai chương trình được trình bày chi tiết trong Phụ lục 6.

4.9. Website công khai chương trình

Các nội dung trong đề án như: Tên đề án, mức học phí, thông báo tuyển sinh, tư cách pháp lý của chương trình, giới thiệu chương trình sẽ được đăng tải trên Website của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp: <http://www.tnut.edu.vn>; và Website của Đại học Jeonju, Hàn Quốc: <http://www.jj.ac.kr/>.

5. NĂNG LỰC THỰC HIỆN

5.1. Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp – Đại học Thái Nguyên

** Lịch sử hình thành và sứ mệnh*

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp được thành lập ngày 19/8/1965 theo quyết định số 164/CP Hội đồng Chính phủ với tên gọi đầu tiên là Phân hiệu Đại học Bách khoa tại Thái Nguyên, sau nhiều lần thay đổi tên gọi để phù hợp với tình hình, nhiệm vụ đào tạo mới thì với sự ra đời của đại học vùng - Đại học Thái Nguyên theo Nghị định 31/CP/1994 của Chính phủ, Đại học Công nghiệp Thái Nguyên trở thành một thành viên của Đại học Thái Nguyên và mang tên Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp – Đại học Thái Nguyên.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên là cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao; nghiên cứu khoa học; tư vấn, ứng dụng và chuyển giao công nghệ đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước và hội nhập quốc tế.

** Về cơ sở vật chất:*

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp được quy hoạch xây dựng trên diện tích đất 50 ha, trong đó 35 ha khuôn viên.

Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp đảm bảo cung cấp Ký túc xá, Giảng đường, Phòng thí nghiệm, Hướng dẫn tổng hợp, Thư viện, Máy vi tính, Phòng đa chức năng và các phương tiện khác trong 02 năm học tại TNUT cụ thể như sau:

- Hệ thống giảng đường được trang bị hiện đại như giảng đường: A7, A8, A9, A10, A16, TN với diện tích phòng học lên tới 16.317 m²

- Thư viện: Hệ thống thư viện của trường với tổng diện tích 2700m² bao gồm 08 phòng học, 02 phòng máy tính để giúp sinh viên tra cứu tài liệu học tập trên mạng Internet, với kho dữ liệu online được kết nối với các đại học của Hoa Kỳ, Hàn Quốc, Thái Lan, Đức, Pháp...

- Thí nghiệm: Hệ thống thí nghiệm của nhà trường được phía đối tác đánh giá cao và là nơi giúp sinh viên hiểu sâu hơn về các bài giảng lý thuyết với tổng diện tích 4.931 m² phòng thí nghiệm và 2.862 m² thực hành. Phòng thí nghiệm Điện – Điện tử, Kỹ thuật cơ khí...đáp ứng được cho sinh viên của chương trình.

- Khu KTX dành cho sinh viên với tổng diện tích 19.000 m² được trang bị với nhiều tiện ích, thuận lợi cho việc nghỉ ngơi và học tập của sinh viên.

- Ngoài ra, còn có 1.200 m² nhà ăn; 198 m² nhà Trạm xá; Hơn 10.000 m² sân giáo dục thể chất... Các hạng mục công trình luôn được nâng cấp và xây mới theo quy hoạch tổng thể của Trường.

** Về đội ngũ giảng viên:*

Giảng viên Việt Nam do phía TNUT lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu theo quy định hiện hành về liên kết đào tạo;

Các giảng viên tham gia chương trình là những người có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và có trình độ chuyên môn cao của trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, các đơn vị thành viên của Đại học Thái Nguyên.

** Về hợp tác Quốc tế*

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp không ngừng thúc đẩy công tác hợp tác quốc tế trong những năm gần đây. Trường đã thiết lập và phát triển nhiều mối quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức giáo dục và xã hội, với nhiều trường đại học trên thế giới nhằm đa dạng hóa mô hình đào tạo thông qua việc tiếp thu nền giáo dục tiên tiến của các nước trên thế giới như: Đại học Quốc gia Kyungpook, Đại học Jeonju (Hàn Quốc), Đại học Bang Oklahoma (USA), Đại học Sơn Đông (Trung Quốc)...

Trường đã đón nhiều đoàn khách nước ngoài đến thăm quan và làm việc đồng thời phối hợp đào tạo, nghiên cứu khoa học và mời các giáo sư nước ngoài giảng dạy cho Chương trình tiên tiến của trường. Mặt khác, Trường cũng cử các cán bộ, giảng viên, sinh viên của trường ra nước ngoài học tập, tham gia hội thảo khoa học, trao đổi về công tác hợp tác đào tạo, thực tập ngắn hạn...

Công tác hợp tác quốc tế đã đóng góp một phần không nhỏ trong công tác đào tạo và nghiên cứu khoa học của trường. Qua các chương trình hợp tác, nhiều cán bộ, giảng viên, sinh viên trong trường đã có cơ hội ra nước ngoài học tập, nghiên cứu, nâng cao chất lượng giảng dạy, học tập. Các kinh nghiệm về giáo dục đào tạo cũng như kinh nghiệm về các ngành nghề cũng được nâng cao đáng kể. Đặc biệt, Trường có kinh nghiệm trong việc quản lý và khai thác các chương trình liên kết đào tạo quốc tế. Cụ thể, Trường đã tiếp nhận và khai thác hiệu quả chương trình liên kết đào tạo bậc đại học ngành kỹ thuật điện tử liên kết với Đại học Kyungpook (Hàn Quốc), khai thác chương trình liên kết đào tạo bậc đại học ngành quản trị kinh doanh liên kết với Đại học Sơn Đông (Trung Quốc).

5.2. Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc

** Giới thiệu chung*

Trường đại học Jeonju được thành lập năm 1964, nằm tại miền trung Hàn Quốc, thuộc tỉnh Jeollabuk-do, cách thủ đô Seoul 2h nếu di chuyển bằng xe, 1h di chuyển bằng tàu cao tốc. Trường đại học Jeonju có 8 trường đại học thành viên, hơn 60 khoa, là trường đại học tổng hợp hệ 4 năm với 9 trường đào tạo sau đại học, 68 hệ thạc sĩ, tiến sĩ. Hiện tại có 12000 sinh viên đang theo học, trong đó có 1400 du học sinh nước ngoài đến từ 67 quốc gia trên thế giới, có 600 du học sinh đến từ Việt Nam.

** Về cơ sở vật chất:*

Trường Đại học Jeonju, Hàn Quốc với tổng diện tích cơ sở hạ tầng 30ha, không chỉ đầu tư xây dựng những khu giảng đường phù hợp với từng môn học, phòng thí nghiệm, thực hành với trang thiết bị hiện đại mà còn có rất nhiều các khu tiện ích khác như:

Ký túc xá riêng cho sinh viên quốc tế;

Hệ thống Thư viện mở đa dạng nguồn học liệu, cho sinh viên mượn tài liệu và tự học;

Khu dành cho sinh viên học tập và giải trí với đủ bàn ghế, sách báo, wifi...

Khu phục vụ các hội nghị, sự kiện của trường.

Trung tâm thể thao với sân bóng rổ, bóng chuyền...

Khu vực cung cấp các dịch vụ và hàng hóa cần thiết cho sinh viên gồm: cửa hàng tiện ích, quán Café, bưu điện,...

Khu nhà ăn cho sinh viên

Hệ thống Máy vi tính, Phòng đa chức năng và các phương tiện hiện đại cho sinh viên trong 02 năm học tại JJU.

** Về đội ngũ giảng viên:*

Giảng viên tại Hàn Quốc do phía JJU lựa chọn, đảm bảo các yêu cầu theo quy định hiện hành về liên kết đào tạo;

Các giảng viên tham gia chương trình là những người có nhiều kinh nghiệm giảng dạy và có trình độ chuyên môn cao của JJU.

6. CƠ CHẾ KIỂM SOÁT ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

- Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp có trách nhiệm kịp thời báo cáo các vấn đề phát sinh trong quá trình đào tạo để phối hợp giải quyết.

- Các Ban chức năng (Ban đào tạo, Ban kế hoạch – tài chính, Ban tổ chức cán bộ, Ban đảm bảo chất lượng giáo dục, Văn phòng Đại học Thái Nguyên) của Đại học Thái Nguyên có trách nhiệm tư vấn và xây dựng kế hoạch thanh tra, kiểm tra quá trình đào tạo, báo cáo thường xuyên, kịp thời cho Ban Giám đốc xử lý những trường hợp chưa đúng quy chế.

- Chỉ đạo, phối hợp với Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp, đối tác nước ngoài thống nhất quản lý đúng quy trình, đảm bảo chất lượng đào tạo

7. QUẢN LÝ RỦI RO

- Trong 02 năm học tại Việt Nam:

+ Đối với những sinh viên xét tuyển học bạ THPT hoặc xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT đủ điểm trúng tuyển vào TNUT (gọi tắt là ĐT1) tham gia Chương trình liên kết:

Sau 02 năm học đầu, sinh viên học tại TNUT không thể sang JJU học tiếp 02 năm cuối vì chưa đủ điều kiện chuyên môn hoặc ngoại ngữ thì có thể kéo dài thời gian học tại TNUT để đạt điều kiện chuyển tiếp;

Hoặc trong quá trình học tập, trường hợp sinh viên không thể tiếp tục theo học được Chương trình liên kết hoặc không đủ điều kiện chuyển tiếp sang JJU mà sinh viên có nguyện vọng tiếp tục theo học tại TNUT thì được Nhà trường và Đại học Thái Nguyên xem xét cho chuyển sang học theo chương trình đào tạo đại học hiện có. Sinh viên đó phải có điểm xét tuyển cao hơn hoặc bằng điểm trúng tuyển của ngành xin học ứng với năm nhập học Chương trình 2+2.

+ Đối với những sinh viên xét tuyển học bạ THPT hoặc xét tuyển điểm thi tốt nghiệp THPT không đủ điểm trúng tuyển vào TNUT (gọi tắt là ĐT2) nhưng tham gia Chương trình liên kết:

Nếu không đáp ứng các điều kiện để được tiếp tục học tập theo chương trình tại TNUT hoặc JJU, sẽ được thôi học và được cấp bằng điểm chứng nhận các môn đã theo học của Chương trình hoặc có thể học Hệ vừa làm vừa học của TNUT.

- Trong 02 năm học tại Hàn Quốc:

Nếu sinh viên không thể hoàn thành chương trình do một trong các vấn đề về học thuật, visa, vấn đề về sức khỏe hoặc những lý do khác như vi phạm nội quy, quy định của JJU nói riêng và pháp luật Hàn Quốc nói chung sẽ không được tiếp tục theo học tại JJU và bị buộc trả về nước.

Những sinh viên này, nếu bị buộc thôi học vì lý do học thuật hoặc visa, có thể được xem xét cho học tiếp chương trình đào tạo tại TNUT như với sinh viên không đủ điều kiện theo học tại TNUT trong 02 năm đầu (với ĐT1); hoặc học hệ Vừa làm vừa học tại TNUT (với ĐT2).

Sinh viên cần ký cam kết, hợp đồng trách nhiệm chi tiết trước khi tham dự chương trình.

8. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN

Chương trình liên kết đào tạo bậc đại học Ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử do Đại học Jeonju cấp bằng Khóa 01 (2020-2024).

Thời gian đào tạo Khóa I: từ 1/9/2020 – 15/7/2024

Dự kiến một số kế hoạch hoạt động như sau:

T T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số lượng sinh viên dự kiến tuyển	Người	30	30	30	30	
2	Số lớp dự kiến mở	Lớp	1	1	1	1	
3	Thời gian quảng bá chương trình	Ngày/tháng	1/6	1/4	1/4	1/4	
4	Thời gian dự kiến tuyển sinh	Ngày/tháng	15/8	15/7	15/7	15/7	
5	Thời gian dự kiến sang JJU	Ngày/tháng			1/9		
6	Thời gian dự kiến kết thúc						15/7

9. KẾT LUẬN

Để nâng cao chất lượng đào tạo của Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp nói riêng và Đại học Thái Nguyên (ĐHTN) nói chung, nhanh chóng tiếp cận nền giáo dục tiên tiến trên thế giới thì ngoài những cố gắng đổi mới các hoạt động đào tạo trong ĐHTN thì việc tiếp thu các chương trình giảng dạy quốc tế thông qua hợp tác đào tạo quốc tế là một trong những chiến lược phát triển ĐHTN trong thời gian tới.

Chương trình giáo dục Hàn Quốc được Tổ chức giáo dục quốc tế đánh giá là một trong những nước nền giáo dục tiên tiến và hiệu quả cao trên thế giới. Chương trình liên kết đào tạo quốc tế với Đại học Jeonju sẽ giúp Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp nói riêng và ĐHTN nói chung khai thác được nguồn lực và tiếp cận được kinh nghiệm từ nền giáo dục và đào tạo tiên tiến của Hàn Quốc, sẽ góp phần đẩy nhanh sự nghiệp đổi mới giáo dục, nhanh chóng nâng cao chất lượng đào tạo tại ĐHTN, tăng cường mối quan hệ hợp tác quốc tế, giao lưu văn hóa, học thuật giữa ĐHTN với các trường đại học của Hàn Quốc. Đồng thời cũng tạo cơ hội cho thanh niên trẻ Việt Nam

có nhiều lựa chọn các cơ hội đào tạo thông qua du học tại chỗ vừa nhận được bằng cấp đào tạo quốc tế vừa giảm chi phí. Qua đó Chương trình sẽ góp phần cung cấp nguồn lực có kỹ năng cao cho nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Chương trình liên kết đào tạo này cũng sẽ thúc đẩy nhu cầu dạy và học, đồng thời tiếp cận thêm một ngôn ngữ tiếng Hàn trong học tập cho sinh viên của TNUT nói riêng và của ĐHTN nói chung.

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp và Đại học Jeonju, Hàn Quốc xin cam kết thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm của mình như đã nêu trong đề án.

HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

CÁC PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1:

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Khung chương trình đào tạo Giai đoạn 1 <i>(Study Plan for TNUT students in Phase1)</i>				
No	Tên học phần (Course title)	Loại HP (Type)	Số tín chỉ (Credits)	Số TC được JJU chấp nhận
Học kỳ 1 (Semester 1)			17	
1	Kỹ thuật nhiệt <i>(Thermal Engineering)</i>	R	2	X
2	Đại số tuyến tính <i>(Linear Algebra)</i>	R	2	X
3	Tiếng Hàn 1 <i>(Korean 1)</i>	R	3	X
4	Triết học Mác - Lê Nin <i>(The Marxisim Leninism Philosophy)</i>	R	3	X
5	Vật lý 1 <i>(General Physics 1)</i>	R	3	X
6	Môn tự chọn 1 <i>(Elective Course 1)</i>	E	2	X
7	Giáo dục thể chất 1 <i>(Physical Education 1)</i>	R	0	X
8	Pháp luật đại cương <i>(General law)</i>	R	2	X
Học kỳ 2 (Semester 2)			19	
1	Vật lý 2 <i>(General Physics 1)</i>	R	3	X
2	Cơ kỹ thuật <i>(Engineering Mechanics)</i>	R	2	X
3	Kỹ thuật thủy khí <i>(Fluid Engineering)</i>	R	2	X
4	Giải tích 1 <i>(Calculus 1)</i>	R	4	X
5	Kinh tế chính trị Mác - Lê Nin <i>(Political Economy Marxisim Leninism)</i>	R	2	X
6	Tiếng Hàn 2 <i>(Korean 2)</i>	R	3	X
7	VN Giáo dục quốc phòng <i>(Vietnamese military education)</i>	R	0	X
8	Tin học trong kỹ thuật	R	3	X

	<i>(Engineering Informatics)</i>			
Học kỳ 3 (Semester 3)			18	
1	Môn tự chọn 2 <i>(Elective Course 2)</i>	E	2	X
2	Tư tưởng Hồ Chí Minh <i>(Ho Chi Minh's ideology)</i>	R	2	X
3	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1 <i>(Basic Circurt Theory 1)</i>	R	3	X
4	Vật liệu điện <i>(Electrical Materials)</i>	R	2	X
5	Hình họa và vẽ kỹ thuật <i>(Descriptive Geometry and Technical Drawing)</i>	R	3	X
6	Tiếng Hàn 3 <i>(Korean 3)</i>	R	3	X
7	Giáo dục thể chất 2 <i>(Physical Education 2)</i>	R	0	X
8	Giải tích 2 <i>(Calculus 2)</i>	R	3	X
Học kỳ 4 (Semester 4)			19	
1	Kỹ thuật điện tử số <i>(Digital Electronics)</i>	R	3	X
2	Truyền thông công nghiệp và SCADA <i>(Industrial Communications and SCADA)</i>	R	2	X
3	Kỹ thuật đo lường điện <i>(Electrical Measurement techniques)</i>	R	3	X
4	Cơ sở lý thuyết mạch điện 2 <i>(Basic Circurt Theory 2)</i>	R	3	X
5	Khí cụ điện <i>(Electrical Instruments)</i>	R	2	X
6	Kỹ thuật điện tử tương tự <i>(Analog Electronics)</i>	R	3	X
7	Tiếng Hàn 3 <i>(Korean 3)</i>	R	3	X
8	Giáo dục thể chất 2 <i>(Physical Education 2)</i>	R	0	X

Khung chương trình đào tạo Giai đoạn 2 tại JJU <i>(Study Plan for TNUT students in Phase 2 in JJU)</i>			
Học kỳ 5 (Semester 5)			16
1	Hội thảo phát triển nghề nghiệp (1) <i>(Career Development Seminar (1))</i>	GE	1
2	Mạch điện tử (1) <i>(Electronic Circuit (1))</i>	R	3
3	Hệ thống điều khiển tự động <i>(Automatic Control System)</i>	R	3
4	Kỹ thuật truyền tải điện <i>(Electrical Transmission Engineering)</i>	E	3
5	Máy điện <i>(Electrical Machines)</i>	E	3
6	Vi máy tính <i>(Microcomputer)</i>	E	3
Học kỳ 6 (Semester 6)			19
1	Hội thảo phát triển nghề nghiệp (2) <i>(Career Development Seminar (2))</i>	GE	1
2	Thí nghiệm mạch điện tử <i>(Electronic Circuit Lab)</i>	E	3
3	Mạch điện tử (2) <i>(Electronic Circuit (2))</i>	E	3
4	Lý thuyết điều khiển hiện đại <i>(Modern Control Theory)</i>	E	3
5	Kỹ thuật phân phối điện năng <i>(Electrical Distribution Engineering)</i>	E	3
6	Điều khiển máy điện <i>(Electrical Machines Control)</i>	E	3
7	Thực tập cơ sở <i>(Capstone Team Project)</i>		3
Học kỳ 7 (Semester 7)			13
1	Hội thảo thiết kế việc làm (1) <i>(Job Design Seminar (1))</i>	GE	1
2	Thí nghiệm mạch điện tử ứng dụng <i>(Applied Electronic Circuit Lab)</i>	E	3
3	Thiết kế mạch RF	E	3

	<i>(RF Circuit Design)</i>		
4	Điện tử công suất <i>(Power Electronics)</i>	E	3
5	Thực tập chuyên ngành <i>(Capstone Design)</i>	E	3
Học kỳ 8 (Semester 8)			13
1	Hội thảo thiết kế việc làm (2) <i>(Job Design Seminar (2))</i>	GE	1
2	Năng lượng tái tạo <i>(Renewable Energy)</i>	E	3
3	Kỹ thuật ứng dụng điện tử công suất <i>(Power Electronics Applicaion Engineering)</i>	E	3
4	Thiết kế mạch tích hợp cỡ lớn <i>(VLSI Design)</i>	E	3
5	Thí nghiệm kỹ thuật hệ thống điện <i>(Power System Engineering Lab)</i>	E	3

R: Môn học bắt buộc (Required course)

E: Môn học tự chọn (Elective course)

GE: Môn học tự chọn chung (General Electives)

DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN TỰ CHỌN

(List of Elective courses)

	HP tự chọn <i>(Elective courses)</i>
HP tự chọn 1 <i>(Elective course 1)</i>	Môi trường và Con người <i>Environment and Human</i>
	Logic <i>(Logic)</i>
	Giao tiếp kỹ thuật <i>(Technical communication)</i>
HP tự chọn 2 <i>(Elective course 2)</i>	Hóa học đại cương <i>(General chemistry)</i>
	Toán chuyên ngành điện <i>(Engineering Mathematics)</i>

PHỤ LỤC 2:

MÔ TẢ CÁC MÔN HỌC TRONG CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

A. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ 1

Triết học Mác – Lênin (Philosophy of Marxism – Leninism)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Triết học Mác - Lênin là học phần đầu tiên, bắt buộc trong hệ thống các môn học lý luận chính trị trong chương trình đào tạo. Nội dung của môn học bao gồm 03 chương, nghiên cứu những quy luật vận động, phát triển chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy; xây dựng thế giới quan, phương pháp luận khoa học, cách mạng, vận dụng vào hoạt động nhận thức khoa học và thực tiễn cách mạng.

This course is the first and required course among other political theory subjects in the program. Topics include: the most common laws of movement and development of nature, society, and thinking; building up the scientific methodology, revolution, and the world view; applying into scientific awareness activities and revolutionary practices

Đại số tuyến tính (Linear Algebra)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về Ma trận, định thức, hệ phương trình tuyến tính; Không gian véc tơ, không gian Euclid; Ánh xạ tuyến tính; Trị riêng, véc tơ riêng của toán tử tuyến tính, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật, kinh tế.

This subjects provides basic knowledge about matrices, determinants, systems of linear equations; Vector space, Euclidean space; Linear mapping; Specific values, specific vectors of linear operators, are the basic knowledge to apply and solve problems in Engineering and Economics.

Vật lý 1 (Physics 1)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về các đại lượng vật lý cơ bản và những quy luật liên quan như: vận tốc, gia tốc, động lượng, mô men động lượng, động năng, thế năng, cơ năng, lực... Vận dụng để khảo sát các dạng chuyển động của vật rắn; khảo sát và tìm các đại lượng liên quan đến các loại dao động cơ học, sóng cơ (dao động điều hòa, dao động tắt dần, dao động cưỡng bức); khảo sát và tìm các đại lượng liên quan đến hệ nhiệt động (các thông số trạng thái, các quá trình thay đổi trạng thái, các nguyên lý của nhiệt động lực học...)

This subjects provides students with knowledge of basic physical quantities and related laws such as velocity, acceleration, momentum, momentum torque, kinetic energy, potential energy, mechanical energy, and force. ... Applying to investigate the motion of solid objects; survey and find quantities related to mechanical oscillations, mechanical waves (harmonic oscillations, damping oscillations, forced oscillations); survey and find quantities related to thermodynamic systems (state parameters, processes of state changes, thermodynamic principles, etc.)

Pháp luật đại cương (Introduction to law)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần bao gồm những nội dung kiến thức cơ bản: Nguồn gốc, bản chất, khái niệm, hình thức, các kiểu nhà nước và pháp luật trong lịch sử; các khái niệm pháp lý và nội dung cơ bản về quy phạm pháp luật, quan hệ pháp luật, thực hiện pháp luật, vi phạm pháp luật, trách nhiệm pháp lý, pháp chế xã hội chủ nghĩa, hệ thống pháp luật Việt Nam; những nội dung cơ bản của một số ngành luật quan trọng trong hệ thống pháp luật Việt Nam như Luật Hiến pháp; Luật Hành chính; Luật Dân sự; Luật Hình sự; Luật Hôn nhân và Gia đình; Luật Phòng, chống tham nhũng.

The subject consists of basic contents: Origin, nature, concept, form, types of state and law in history; legal norms, legal relation, legal implications, law violations, legal responsibilities, socialist legislation, Vietnamese legal system; the basic contents of some important law branches in the Vietnamese legal system such as the Constitutional Law; Administrative Law; Civil law; Criminal Law; Marriage and Family Law; Anti-Corruption Law.

Tiếng Hàn 1 (Korean 1)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Tiếng Hàn 1 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ đầu tiên, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: con người, vật sở hữu, địa điểm, thời gian rảnh, đồ ăn, tiền bạc.

Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng ngữ pháp của học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản ở cấp độ đầu tiên.

Korean 1 provides learners with basic vocabulary and grammar skills at the first level, related to familiar topics in everyday life such as people, possessions , location, free time, food, money.

In addition, this module also provides a variety of exercises to help learners use their knowledge of grammar vocabulary to formulate and develop basic listening, speaking, reading and writing skills at the first level.

Kỹ thuật nhiệt (Thermal Engineering)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Giới thiệu các kiến thức cơ bản về nhiệt động học, truyền nhiệt và ứng dụng các kiến thức này vào việc nghiên cứu nguyên lý hoạt động của một số thiết bị nhiệt

This module introduces the basic knowledge of thermodynamics, heat transfer and apply this knowledge to the study of the operation principles of some thermal equipments.

Môi trường và Con người (Environment and Human)

Số tín chỉ: 0

Loại học phần: Tự chọn

Học phần Môi trường và con người bao gồm những nội dung kiến thức sau: Sự hình thành Trái đất; Lịch sử Trái đất và các dạng sống; Con người với tài nguyên thiên nhiên; Sự ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí cũng như các vấn đề ô nhiễm môi trường chính đối với một số ngành sản xuất công nghiệp điển hình (như ngành sản xuất giấy, ngành luyện kim, ngành chế biến thực phẩm...).

The Environment and People subjects covers the following knowledge: Formation of the Earth; Earth history and life forms; People with natural resources; Pollution of soil, water, air environment as well as major environmental pollution issues for some typical industrial production industries (such as paper production, metallurgy, food processing ...).

Giao tiếp kỹ thuật (Technical communication)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Tự chọn

Giao tiếp kỹ thuật là học phần thuộc khối kiến thức tự chọn trong chương trình đào tạo kỹ sư, cử nhân thuộc lĩnh vực kỹ thuật. Học phần cung cấp các kiến thức và rèn luyện các kỹ năng cơ bản giúp sinh viên (SV) kỹ thuật tổ chức tốt quá trình học tập, rèn luyện ở bậc đại học và định hướng cho SV trong việc chuẩn bị kiến thức, kỹ năng đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng. Nội dung chính của học phần gồm: Kỹ năng giao tiếp; Kỹ năng làm việc nhóm; Kỹ năng nghe, ghi chép; Kỹ năng đọc tài liệu kỹ thuật; Kỹ năng thuyết trình; Kỹ năng viết (viết thư trao đổi công việc, email, CV,

bản ghi nhớ, viết báo cáo khoa học, đề cương, đề án, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật, đồ án...); và kỹ năng phỏng vấn, xin việc.

Technical communication is a part of elective knowledge block in the training program for engineers, bachelor in technical fields. The subjects provides knowledge and training of basic skills to help technical students organize the learning and training process at university level and orient students in preparing knowledge and techniques. ability to meet employers' requirements. The main content of the subjects includes: Communication skills; Teamwork skill; Listening and writing skills; Technical document reading skills; Presentation skills; Writing skills (writing letters to exchange jobs, emails, CVs, memos, writing scientific reports, outlines, schemes, technical guidelines, blueprints ...); and interviewing skills, applying for jobs.

Logic (Logic)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Tự chọn

Học phần Logic học là học phần tự chọn, thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương đối với sinh viên kỹ thuật. Logic học là khoa học về các hình thức và quy luật của tư duy. Logic học giúp phát triển tư duy chính xác, thông minh.

Học phần trang bị kiến thức về tư duy và các quy luật của tư duy; các hình thức tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận, chứng minh và bác bỏ) để hình thành và phát triển năng lực tư duy logic, khả năng nhận biết và tránh các sai lầm logic, phục vụ trong quá trình học tập và nghiên cứu khoa học trong trường đại học cũng như trong quá trình sống và hoạt động nghề nghiệp sau khi ra trường.

Logic course is an elective subjects, belonging to the general education knowledge block for technical students. Logic is the science of forms and the laws of thought. Logic helps to develop accurate and intelligent thinking.

The subjects equips knowledge of thinking and the laws of thinking; forms of thinking (concepts, judgments, reasoning, proofs and refutations) to formulate and develop the capacity of logical thinking, the ability to identify and avoid logical mistakes, serve in the learning process internships and scientific research in university as well as in the course of life and career activities after graduation.

B. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ II

Kinh tế chính trị Mác – Lênin (Political economics of marxism and Leninism)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Nội dung học phần gồm 6 chương: Trong đó, chương 1 bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin. Từ chương 2 đến chương 6, trình bày nội dung cốt lõi của Kinh tế chính trị Mác - Lênin theo mục tiêu của môn học. Cụ thể như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường. Sản xuất giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt Nam; Công nghiệp hóa hiện, đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam

Topics include six chapters: chapter 1 discuss about the objects, research methods, and functions of Political economics of marxism and Leninism. From chapter 2 to chapter 6, following the course purposes, the fundamental contents of the course are discovered. They encompass: commodities, market and the roles of the subjects in the market economy; creating the surplus value in the market economy; competition and monopoly in the market economy; Socialist-oriented market economy and economic benefit relationships in Vietnam; Industrialization, modernization and international economic integration of Vietnam.

Giải tích 1 (Mathematical analysis 1)

Số tín chỉ: 04

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về hàm số một biến số thực; giới hạn và sự liên tục của hàm số một biến số; đạo hàm và vi phân của hàm số một biến số; tích phân; chuỗi, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật, kinh tế.

This course provides the elementary introduction to the function of a real variable; limit and continuity of a function of a variable; differentiation, integration. It is useful in seeking the solutions for problems in Technologies and Economics.

Vật lý 2 (Physics 2)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp cho sinh viên kiến thức về tương tác tĩnh điện, các đại lượng vật lý đặc trưng cho trường tĩnh điện (véc tơ cường độ điện trường, véc tơ cảm ứng điện, điện thế, năng lượng...); kiến thức về tương tác tĩnh từ, các đại lượng vật lý đặc trưng cho từ trường không đổi (véc tơ cường độ từ trường, véc tơ cảm ứng từ, từ thông, năng lượng...); một số kiến thức về cơ học tương đối (phép biến đổi Lorentz, động lực học tương đối...); một số kiến thức về lý thuyết lượng tử (Thuyết photon, hiện tượng quang điện, hiệu ứng Compton...). Vận dụng các kiến thức để giải thích

các hiện tượng vật lý và giải các bài toán về trường tĩnh điện, từ trường không đổi, cơ học tương đối, lượng tử ánh sáng.

This subjects provides students with knowledge of basic physical quantities and related laws such as velocity, acceleration, momentum, momentum torque, kinetic energy, potential energy, mechanical energy, and force. ... Applying to investigate the motion of solid objects; survey and find quantities related to mechanical oscillations, mechanical waves (harmonic oscillations, damping oscillations, forced oscillations); survey and find quantities related to thermodynamic systems (state parameters, processes of state changes, thermodynamic principles, etc.)

Tiếng Hàn 2 (Korean 2)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Tiếng Hàn 2 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như những cuộc hành trình, diện mạo, phim và loại hình nghệ thuật, khoa học, du lịch, Trái Đất...

Ngoài ra, học phần này còn cung cấp đa dạng các bài luyện tập giúp người học vận dụng các kiến thức từ và vựng ngữ pháp của học phần để hình thành, phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết cơ bản.

The Korean 2 provides learners with basic vocabulary and grammar related to familiar topics in everyday life such as journeys, appearances, movies and art forms, faculties. study, travel, Earth ...

In addition, this module also provides a variety of exercises to help learners use the vocabulary and grammar knowledge of the module to formulate and develop basic listening, speaking, reading and writing skills.

Tin học trong kỹ thuật (Engineering Informatics)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp các kiến thức cơ bản về sử dụng các phần mềm Word, Excel, Powerpoint. Phương pháp xây dựng và biểu diễn thuật toán. Phương pháp khai báo và sử dụng các kiểu dữ liệu trong ngôn ngữ C++, kỹ thuật lập trình sử dụng các cấu trúc lệnh điều khiển chương trình, kỹ thuật xây dựng hàm trong C++. Từ đó giúp sinh viên có thể ứng dụng ngôn ngữ C++ để phát triển các phần mềm phục vụ cho các bài toán kinh tế, kỹ thuật.

This module provides basic knowledge about using Word, Excel and Powerpoint softwares. Construction method and algorithm performance Method of declaring and

using data types in C ++ language, programming techniques using program control command structures, function building techniques in C ++. Therefore, students can apply the C ++ language to develop software for economic and technical problems.

Cơ kỹ thuật (Engineering Mechanics)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Cơ kỹ thuật bao gồm các nội dung kiến thức sau đây: Các khái niệm cơ bản và hệ tiên đề, các đặc trưng chuyển động chất điểm và vật rắn, các phương pháp giải bài toán động lực học chất điểm và vật rắn (Phương pháp D'Alembert, phương pháp Lagrange)

This module provides the following content of knowledge: Basic concepts and axiomatic systems, characteristics of point and solid object motion, methods of solving problems of point and solid object dynamics. (D'Alembert method, Lagrange method)

Kỹ thuật thủy khí (Fluid Engineering)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Gồm các kiến thức cơ bản cơ học chất lỏng trong kỹ thuật: các tính chất vật lý cơ bản của chất lỏng, thủy tĩnh học; cơ sở thủy động học, năng lượng trong dòng chảy ổn định, lực tác dụng lên vật chìm, phân tích thứ nguyên và tương tự, dòng chảy qua lỗ và vòi.

This module provides basic knowledge of fluid mechanics in engineering: basic physical properties of liquids, hydrostatics; hydrodynamic basis, energy in steady flow, forces acting on sinks, dimensional and similar analysis, flow through holes and taps.

C. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ III

Tư tưởng Hồ Chí Minh (Ho Chi Minh's Ideology)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Nội dung học phần bao gồm 6 chương: chương 1: trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn Tư tưởng Hồ Chí Minh; chương 2 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 3 đến chương 6 trình bày những nội dung cơ bản của tư tưởng Hồ Chí Minh và sự vận dụng của Đảng về: độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản Việt Nam và Nhà nước của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; về đại đoàn kết toàn dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức con người. Là học phần bắt buộc được giảng dạy trong chương trình đào tạo

cho sinh viên đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Các học phần tiên quyết gồm: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam.

The content of the subjects includes 6 chapters: chapter 1: presenting basic issues of Ho Chi Minh Thought; Chapter 2 presents the basis and process of forming and developing Ho Chi Minh's thought; chapters 3 to 6 present the basic contents of Ho Chi Minh's thought and the Party's application of: national independence and socialism; about the Communist Party of Vietnam and the State of the people, by the people and for the people; on great national unity and international solidarity; about human culture and morals. It is a compulsory module taught in a training program for Marxist and Leninist students of Ho Chi Minh University. The prerequisite modules include: Marxist - Leninist Philosophy, Marxist Marxist - Leninist Political Economy, Scientific Socialism, Vietnamese Communist Party History

Giải tích 2 (Mathematical analysis 2)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Môn học này cung cấp kiến thức cơ bản về đạo hàm riêng, vi phân toàn phần, đạo hàm theo hướng, cực trị, giá trị lớn nhất và giá trị nhỏ nhất của hàm số nhiều biến; khái niệm, cách tính và các ứng dụng của tích phân bội, tích phân đường, tích phân mặt; phương trình vi phân, là kiến thức cơ bản để vận dụng giải quyết các bài toán trong Kỹ thuật.

This subjects provides basic knowledge of specific derivative, total differential, derivative derivative, maximal value, maximum value and minimum value of multivariate functions; concepts, calculations and applications of multiplication integral, sugar integral, surface integral; differential equations, is the basic knowledge to apply and solve problems in Engineering.

Tiếng Hàn 3 (Korean 3)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Tiếng Hàn 3 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp cơ bản ở cấp độ 2 của trình độ TOPIK I, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong đời sống hàng ngày như: quê nhà và thói quen, cuộc sống thường ngày của học sinh - sinh viên, thời gian rảnh, thể giới, cách sống khỏe mạnh...

Học phần này cũng cung cấp các bài luyện tập đa dạng giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp được học trong học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết.

The Korean 3 provides learners with basic vocabulary and grammar skills at the second level of TOPIK I level, related to familiar topics in everyday life such as home and habits, daily life of students - students, free time, the world, healthy ways of life ...

This module also provides a variety of practice exercises that help learners use the vocabulary and grammar knowledge learned in the module to build and develop listening, speaking, reading and writing skills.

Toán chuyên ngành điện (Engineering Mathematics)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Tự chọn

Học phần này cung cấp các kiến thức về các phép biến đổi; phương pháp tính gần đúng nghiệm thực của phương trình đại số và siêu việt; mô tả toán học các phần tử và thiết bị điện trong hệ thống điện, hệ thống điều khiển và tự động hóa... Từ đó áp dụng để tính toán và phân tích mạch điện, mạch điều khiển và hệ thống điện.

This course provides the knowledge of some transformations; approximation of variables of some kinds of equations such as: Method of approximating real solutions of algebra and transcendental equations; Mathematically describe the electrical components and devices in electrical systems, control systems and automation ... From there, apply to calculate and analyze electrical circuits, control circuits and electrical systems.

Hóa học đại cương (General chemistry)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Tự chọn

Học phần cung cấp những kiến thức đại cương về cơ sở lý thuyết hóa học như: Năng lượng và phản ứng hóa học; Cân bằng hóa học, các yếu tố ảnh hưởng đến cân bằng hóa học, cân bằng pha(trong hệ một cấu tử); Tốc độ phản ứng hóa học, các yếu tố ảnh hưởng đến tốc độ phản ứng; Dung dịch và tính chất của dung dịch; Kiến thức về điện hóa học: Quá trình biến đổi hóa năng thành điện năng và ngược lại, sự biến đổi hóa học trên bề mặt. Vận dụng để xác định được năng lượng của phản ứng hóa học, giải thích được các qui luật điều khiển sự trao đổi năng lượng, đặc biệt những qui luật có liên quan đến các biến đổi nhiệt năng thành các dạng năng lượng khác.

The module provides general knowledge about the basis of chemical theory such as: Energy and chemical reactions; Chemical equilibrium, factors affecting chemical

balance, phase balance (in the system of one component); Chemical reaction rate, factors affecting the reaction rate; Solution and properties of solution; Knowledge of electrochemistry: The process of converting chemical energy into electricity and vice versa, chemical transformation on the surface. Apply to determine the energy of a chemical reaction, explain the laws governing the exchange of energy, especially those related to the conversion of heat into other forms of energy.

Hình họa và Vẽ kỹ thuật (Descriptive Geometry and Technical Drawing)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Hình họa và Vẽ kỹ thuật cung cấp các kiến thức về: Những tiêu chuẩn Việt Nam về trình bày bản vẽ; Các phép chiếu; Đồ thức của điểm, đường thẳng, mặt phẳng và của các khối hình học; Giao của mặt phẳng với các mặt và giao của hai mặt.

Các hình biểu diễn của vật thể (Hình chiếu cơ bản, hình chiếu phụ, hình chiếu riêng phần, hình cắt, mặt cắt, hình chiếu trục đo, hình trích).

Cách tìm hình chiếu thứ 3 từ 2 hình chiếu cho trước; cách vẽ các hình chiếu của vật thể; cách lập bản vẽ và cách đọc hiểu bản vẽ của vật thể.

This module provides knowledge of: Vietnamese standards for drawing presentation; Projections; The graphics for points, lines, planes and geometric blocks; Intersection of planes with faces and intersections of two faces.

Projections of Objects representations (Basic views, secondary views, partial views, sectional views, cross sections, measuring axis views, extracted images).

How to find the 3rd view from 2 given views; how to draw projections of objects; how to draw and how to read and draw objects.

Cơ sở Lý thuyết mạch 1 (Basic Circuits Theory 1)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Cơ sở Lý thuyết mạch 1 bao gồm những nội dung kiến thức sau: Các khái niệm cơ bản và các phương pháp phân tích mạch 1 pha không có hồ cảm, có hồ cảm; mạch điện có dòng hình sin, không hình sin. Các tính chất cơ bản và các phép biến đổi tương đương mạch điện tuyến tính. Các khái niệm cơ bản và phương pháp phân tích mạch điện 1, 2 cửa. Phương pháp phân tích mạch điện ở chế độ xác lập bằng máy tính.

This module provides the following knowledge: Basic concepts and methods for analyzing 1-phase circuits without mutual inductance and with mutual inductance; electrical circuits with sinusoidal currents and none sinusoidal currents. Basic

properties and transformations equivalent to linear circuits. Basic concepts and methods of analyzing 1, 2-door circuits. Method of analyzing electric circuits in steady state by computer.

Vật liệu điện (Electrical Materials)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Vật liệu điện bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Các tính chất điện, nhiệt, cơ học, hóa học cơ bản của các loại vật liệu cách điện, vật liệu dẫn điện, vật liệu từ và những đặc điểm, ứng dụng của các vật liệu này trong kỹ thuật điện. Nội dung học phần cũng đề cập đến ảnh hưởng của các yếu tố như nhiệt độ, độ ẩm, các tác động cơ học, hóa học của môi trường làm việc đến các đặc tính điện và tuổi thọ sử dụng của chúng trong các kết cấu thiết bị điện và hệ thống điện, đồng thời cũng đề ra các biện pháp nhằm hạn chế các ảnh hưởng đó.

The Electrical Materials module covers the following knowledge: Electrical, thermal, mechanical and basic chemical properties of insulating materials, conductive materials, magnetic materials and characteristics, Application of these materials in electrical engineering. The module also deals with the influence of factors such as temperature, humidity, mechanical and chemical impacts of the working environment on the electrical characteristics and life time of electrical equipments.

D. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ IV

Kỹ thuật điện tử tương tự (Analog Electronics)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần giới thiệu về các linh kiện điện tử như: Diode, Transistor BJT, Transistor FET, Thyristor, Triac, IC khuếch đại thuật toán...bao gồm: Cấu tạo, ký hiệu, nguyên lý làm việc, đặc tuyến làm việc, phân loại và ứng dụng.

Học phần cũng giới thiệu cách thức thiết kế một số mạch điện tử tương tự thông dụng như: Mạch chỉnh lưu, mạch hạn chế, mạch nguồn 1 chiều, mạch chỉnh lưu có điều khiển, mạch khuếch đại sử dụng Transistor và Khuếch đại thuật toán.

Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các mạch điện sử dụng Transistor và Khuếch đại thuật toán làm việc ở chế độ khóa, như các mạch: so sánh một ngưỡng, so sánh 2 ngưỡng, mạch so sánh lấy tổng, mạch đa hài tự kích...

The module introduces the knowledge of electronic components such as: Diode, Transistor BJT, Transistor FET, Thyristor, Triac, operational Amplifier IC... includes: Structure, symbols, working principles, working characteristics and application.

The module also introduced how to design some common similar electronic

circuits such as: Rectifier circuit, threshold circuit, DC source circuit, controlled rectifier circuit, amplifier circuit using Transistor and operational Amplifier.

Besides, the module also introduces circuits using Transistor and operational Amplifier working in some modes, such as circuits: comparing a threshold, comparing two thresholds, comparing sum circuits, multi-harmonic circuits.

Cơ sở Lý thuyết mạch 2 (Basic Circuits Theory 2)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Cơ sở Lý thuyết mạch 2 bao gồm những nội dung kiến thức sau: Các phương pháp phân tích mạch ba pha đối xứng, không đối xứng, tải tĩnh, tải động, mạch ba pha đối xứng không sin và mạch ba pha bị sự cố. Các khái niệm cơ bản, tính chất và các phương pháp phân tích mạch điện phi tuyến ở chế độ xác lập có dòng không đổi, dòng xoay chiều. Quá trình quá độ trong mạch điện tuyến tính. Phương pháp tích phân kinh điển; phương pháp toán tử Laplace để phân tích mạch điện quá độ tuyến tính.

This module provides the following knowledge: Methods for analyzing symmetric, non-symmetric, three-phase circuits, static loads, dynamic loads, non-sin symmetric three-phase circuits, and three-phase circuits in fault cases. Basic concepts, properties and methods of non-linear circuit analysis in a steady state with constant current and alternating current. Transition process in linear electrical circuits. Method of canonical integration; Laplace operator method for linear transient circuit analysis.

Kỹ thuật điện tử số (Digital Electronics)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần giới thiệu về các hệ thống số đếm; đại số Boolean; kỹ thuật tối giản; các cổng logic cơ bản; kỹ thuật thiết kế mạch logic tổ hợp và tuần tự để làm cơ sở cho việc biểu diễn các bài toán trong thực tế thành các hàm logic tối giản và thực hiện bài toán dựa trên các cổng logic.

Học phần cũng giới thiệu cách thức thiết kế một số mạch logic và tổ hợp thông dụng trong thực tế như: các mạch logic số học, mạch mã hóa, mạch giải mã, mạch ghép kênh, mạch phân kênh, bộ đếm, thanh ghi, bộ nhớ.

Bên cạnh đó, học phần cũng giới thiệu các phương pháp chuyển đổi AD/DA nhằm cung cấp phương tiện để giải quyết các bài toán điện tử theo cả hai hướng tương tự và số.

This module introduces about counting systems; Boolean algebra; minimalist engineering; basic logic ports; techniques for designing combinatorial and sequential

logic circuits to formulate real-world problems into minimal logical functions and perform problems based on logic gates.

It also introduces how to design some common logic and combination circuits in practice such as: arithmetic logic circuits, coding circuits, decoding circuits, multiplexing circuits, demultiplexing circuits, counters, registers, memory.

In addition, the module introduces AD / DA conversion methods that provide a means to solve electronic problems in both analog and digital side.

Truyền thông công nghiệp và SCADA (Industrial Communications and SCADA)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Môn học này cung cấp kiến thức về: Truyền thông tín hiệu đo dùng dòng điện, điện áp và tín hiệu quang; các chuẩn truyền thông sử dụng trong công nghiệp; Hệ thống SCADA và các thành phần; Các trạm từ xa, Các trạm kỹ thuật và trạm vận hành trong hệ thống SCADA; Các hệ thống truyền thông dùng trong hệ thống SCADA; Ứng dụng hệ thống SCADA trong hệ thống cung cấp điện.

This course provides knowledge of: Communication measuring signals using current, voltage and optical signals; communication standards used in industry; SCADA system and components; Remote stations, technical stations and operating stations in SCADA system; Communication systems used in SCADA system; Application of SCADA system in power system.

Kỹ thuật đo lường điện (Electrical Measurement techniques)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần này cung cấp kiến thức cơ bản về kỹ thuật đo lường bao gồm các khái niệm về đo lường; thiết bị đo và các đặc tính của thiết bị đo, các loại sai số trong quá trình đo lường, các phương pháp đánh giá sai số của phép đo và các phương pháp giảm bớt sai số trong quá trình đo.

Cung cấp kiến thức về các mạch biến đổi tín hiệu đo cơ bản trong đo lường, các nguyên lý cơ bản của chuyển đổi đo lường nhằm biến đổi các đại lượng không điện thành tín hiệu điện phục vụ cho quá trình đo.

Cung cấp kỹ năng đo và đánh giá sai số của các phép đo cơ bản thông qua thực hành trong quá trình học.

Cung cấp những kiến thức về kỹ thuật đo lường các đại lượng điện như đo dòng

điện, điện áp, công suất, năng lượng, tần số, góc pha và các thông số của mạch điện như điện trở, điện cảm, điện dung.

This module provides basic knowledge of measurement techniques including the concepts of measurement; measuring equipment and characteristics of measuring equipment, types of errors in the measurement process, methods of measuring error of measurement and methods of reducing errors during measurement.

Provide knowledge of the basic measurement signal conversion circuits, the basic principles of measurement conversion to convert non-electrical quantities into electrical signals.

Provide skills to measure and evaluate errors of basic measurements through hands-on learning.

Provides technical knowledge to measure electrical quantities such as current, voltage, power, energy, frequency, phase angle and circuit parameters such as resistors, inductors, capacitance.

Khí cụ điện (Electrical Instruments)

Số tín chỉ: 02

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Khí cụ điện bao gồm những nội dung kiến thức sau đây: Những lý luận cơ bản, các nguyên lý làm việc, cấu tạo và công dụng của các khí cụ điện cơ bản. Nội dung học phần cũng phân biệt rõ các khí cụ đóng cắt và bảo vệ hạ áp, rơ le, các khí cụ điều khiển và các khí cụ điện trong mạng điện áp cao được sử dụng trong kỹ thuật điện. Học phần kế thừa và có liên hệ chặt chẽ với các kiến thức đã được học trong các môn học cơ sở lý thuyết mạch 1, cơ sở lý thuyết mạch 2, kỹ thuật điện tử tương tự và kỹ thuật điện tử số.

The Electrical Instruments module consists of the following knowledge: Basic theories, working principles, composition and uses of basic electrical devices. The content of the module also clearly distinguishes the low-voltage switching and protective devices, relays, control devices and electrical tools in the high-voltage network used in electrical engineering. The module inherits and is closely related to the knowledge learned in the basic subjects of basis circuit theory 1, the basis of circuit theory 2, analog electronics and digital electronics.

Tiếng Hàn 4 (Korean 4)

Số tín chỉ: 03

Loại học phần: Bắt buộc

Học phần Tiếng Hàn 4 cung cấp cho người học kiến thức về từ vựng và ngữ pháp ở cấp độ 3 của trình độ TOPIK II, liên quan tới các chủ đề quen thuộc trong bài thi kiểm tra năng lực tiếng Hàn cấp độ 3.

Học phần này cũng cung cấp các bài luyện tập đa dạng giúp người học vận dụng kiến thức từ vựng và ngữ pháp được học trong học phần để hình thành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết, luyện thi TOPIK cấp độ 3.

The Korean 4 provides learners with basic vocabulary and grammar skills at the third level of TOPIK II level, related to familiar topics in the third level of TOPIK II test.

This module also provides a variety of practice exercises that help learners use the vocabulary and grammar knowledge learned in the module to build and develop listening, speaking, reading and writing skills, preparing for third level of TOPIK II test.

E. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ V

Mạch điện tử (1) (Electronic Circuit (1))

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Bắt buộc

Khóa học cung cấp kiến thức về các linh kiện cơ bản và các mạch ứng dụng sử dụng điốt. Các khái niệm cơ bản và không chỉ các kỹ thuật phân tích mạch khuếch đại mà còn chú trọng tới các mạch tích hợp. Nhấn mạnh tới các phân tích hỗ trợ trên máy tính của các mạch ứng dụng.

The concept of amplifiers and their equivalent circuits are shown and the basic 4 types of amplifiers are studied. Learn about diode and rectifier circuit using it. This course deals with operational amplifier, differential amplifier, differentiator and integrator circuit using it.

Hệ thống điều khiển tự động (Automatic Control Systems)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Bắt buộc

Môn học cung cấp một quá trình xử lý toàn diện về phân tích và thiết kế hệ thống điều khiển tự động. Mô hình hóa các đại lượng sinh học và thông tin bằng cách sử dụng phương trình vi phân tuyến tính và phi tuyến, thể hiện tính ổn định và hiệu suất của các hệ thống có liên quan.

Control systems presents a comprehensive treatment of the analysis and design of automatic control systems. Plant modeling, transient and steady state response analyses, frequency response analyses, stability analysis will be learned.

Kỹ thuật truyền tải điện (Electrical Transmission Engineering)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Khóa học này là một khóa học mở đầu trong lĩnh vực hệ thống điện và bộ máy của hệ thống điện. Các học liệu trong chủ đề này bao gồm: Cơ sở về mạch điện điều khiển năng lượng và thiết bị điện cơ. Mô hình hóa các thiết bị từ trường và mô tả hành vi của chúng bằng các mô hình thích hợp. Mô hình đường dây truyền tải với các tham số tập trung và tham số phân tán. Mô hình hóa máy điện đồng bộ, không đồng bộ và máy điện một chiều.

This course is an introductory course in the field of electric power systems and power system apparatus. Materials encountered in the subject includes: Fundamentals of energy-handling electric circuits and electro-mechanical apparatus. Modeling of magnetic field devices and description of their behavior using appropriate models. Transmission line model with lumped parameters and distributed parameters. Modeling of synchronous, induction and DC machinery.

Máy điện (Electrical Machines)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Khóa học này xem xét quá trình chuyển đổi năng lượng từ cơ năng thành điện năng và ngược lại. Trong quá trình biến đổi năng lượng, cơ sở về máy điện và máy biến áp sẽ được dạy.

This course inspects a process of energy conversion from mechanical energy to electrical energy and vice versa. During a energy conversion process, electric machinery and transformer fundamentals will be taught.

Vi máy tính (Microcomputer)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Môn học này cung cấp sự hiểu biết rộng rãi về các lựa chọn và tính năng của vi điều khiển. Các chủ đề này được chọn để tạo điều kiện thuận lợi cho hiểu biết về các tính năng chung được sử dụng rộng rãi trong các bộ điều khiển thời gian thực và được kèm theo các bài tập trong phòng thí nghiệm. Sau phần tổng quan ngắn gọn về trình biên dịch C, các chủ đề bao gồm các kỹ thuật phát triển phần cứng và phần mềm, ngắt, bộ định thời gian, giao tiếp bus bộ nhớ, truyền thông nối tiếp đồng bộ & không đồng

bộ, chuyển đổi A/D, giao tiếp I / O của bàn phím & màn hình LCD, truyền thông giữa các vi xử lý, và điều khiển logic mờ.

This course provides a broad understanding of microcontroller features and options. These topics have been selected to facilitate the comprehension of the general functions most widely used in real-time controllers and are accompanied by lab exercises. After a brief overview of the C compiler, topics include hardware and software development techniques, interrupts, timers, memory bus interfacing, synchronous & asynchronous serial communications, A/D conversion, I/O interfacing of a keypad & LCD panel, inter-processor communication, and fuzzy logic control.

F. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ VI

Thí nghiệm mạch điện tử (Electronic Circuit Lab)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Khóa học này đưa ra cho sinh viên một phương tiện để thực hiện thiết kế và thí nghiệm mạch tương tự sử dụng các thành phần gián đoạn và mạch tích hợp. Thí nghiệm được thiết kế nhằm giúp sinh viên trải nghiệm các thiết bị thí nghiệm thực trong khi lắp ráp và thí nghiệm một bộ nguồn điện kép dựa trên bo mạch in PCB.

This course offers students a facility to perform the design and test of analog circuits using discrete components and integrated circuits. The lab is designed to give the students experience with real test equipment while assembling and testing a working, PCB based, dual power supply.

Mạch điện tử (2) (Electronic Circuit (2))

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Học về các phần tử tích cực, BJT, FET và nghiên cứu các bộ khuếch đại sử dụng các transistor này. Học về mạch khuếch đại sử dụng BJT có cấu trúc cực nguồn chung, cực cổng chung, cực góp chung và mạch khuếch đại sử dụng FET cấu trúc chung cực máng.

Learn about active elements, BJT and FET, and study amplifier circuits composed of these transistors. Learn about the common emitter, common base, common collector structure for BJT amplifiers. and common source, common gate, and common drain structure for FET amplifiers.

Lý thuyết điều khiển hiện đại (Modern Control Theory)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Bài giảng này nghiên cứu về điều khiển số sử dụng phương pháp mô hình hóa và lý thuyết điều khiển đã được học trong môn học lý thuyết điều khiển. Biến đổi Z, phương pháp hệ gián đoạn cũng sẽ được học.

This lecture studies a digital control using a modeling method and a control theory which was learned in a control theory course. Z-transform, a discrete time system method also will be learned.

Kỹ thuật phân phối điện năng (Electrical Distribution Engineering)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Kỹ thuật phân phối điện năng: Khóa học này là một khóa học mở đầu trong lĩnh vực hệ thống phân phối điện. Học liệu trong môn học bao gồm: Cơ sở về mạch điện phân phối công suất và các cơ cấu điện cơ. Mạch công suất, mạch từ, bảo vệ rơle và cấu hình trạm biến áp phân phối.

This course is an introductory course in the field of electric power distribution systems. Material encountered in the subject includes: Fundamentals of power distribution electric circuits and electromechanical apparatus. Power electric circuits, magnetic circuits, protective relays, and distribution substation configuration.

Điều khiển máy điện (Electrical Machines Control)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Để áp dụng một máy điện một chiều trong cuộc sống hàng ngày, khóa học này sẽ dạy về phương pháp điều khiển máy điện một chiều. Do đó, bài giảng này thực hiện mô hình hóa, phân tích và mô phỏng máy điện một chiều.

In order to apply a direct current machine in a daily life, this course will be taught the control method of DC-machines. Therefore, this lecture performs a modeling, analysis and simulation of the DC-machines.

G. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ VII

Thí nghiệm mạch điện tử ứng dụng (Applied Electronic Circuit Lab)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Thí nghiệm trong phòng thí nghiệm củng cố các khái niệm: Phân tích và thiết kế mạch khuếch đại; Đáp ứng tần số của bộ khuếch đại sử dụng transistor; khuếch đại

phản hồi; Khuếch đại thuật toán: cấu trúc bên trong, đặc tính và ứng dụng; Ổn định và bù.

Laboratory experiments reinforce concepts: Analysis and design of amplifier circuits; Frequency response of transistor amplifiers; Feedback amplifiers; Operational amplifiers: internal structure, characteristics, and applications; Stability and compensation.

Thiết kế mạch RF (RF Circuit Design)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Sinh viên sẽ học các thiết kế bộ khuếch đại, thành phần quan trọng của truyền thông không dây như truyền thông di động và truyền thông vệ tinh trên cơ sở Lý thuyết mạch và Mạch điện tử. Học cách sử dụng biểu đồ Smith và phương pháp kết hợp trở kháng.

Students will learn how to design amplifiers, which are essential parts of wireless communication such as mobile communication and satellite communication on the basis of Circuit Theory and Electronic Circuit. Study how to use Smith chart and impedance matching method.

Điện tử công suất (Power Electronics)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Nguyên tắc cơ bản và ứng dụng của các thiết bị bán dẫn công suất, mạch điện và bộ điều khiển được sử dụng trong các hệ thống để biến đổi công suất điện tử.

- Xác định các đặc tính và ứng dụng của các thiết bị bán dẫn công suất.

- Hoạt động cơ bản và phân tích về mạch chỉnh lưu AC-DC và mạch chuyển đổi DC-DC cho các ứng dụng biến đổi công suất

Fundamentals and applications of power semiconductor devices, circuits and controllers used in systems for electronic power processing.

- Identify the characteristics and applications of power semiconductor devices.

- Operation fundamentals and analyze of AC-DC rectifier circuits and DC-DC converter circuits for power converter applications

Thực tập chuyên ngành (Capstone Design)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Thông qua tất cả các khóa học thí nghiệm và thiết kế được cung cấp bởi khoa phân điện và điện tử, khóa học này cải thiện khả năng thiết kế hệ thống được áp dụng kịp thời trong lĩnh vực này.

Through all the experiment and design courses offered by the electrical and electronics department, this course improves a system design capability which is promptly applicable in the field.

H. CÁC HỌC PHẦN CỦA HỌC KỲ VIII

Năng lượng tái tạo (Renewable Energy)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Nghiên cứu về các nguồn năng lượng mới và năng lượng tái tạo do sự cạn kiệt năng lượng hóa thạch và để giải quyết các vấn đề môi trường. Tìm hiểu về sản xuất năng lượng quang điện, phát điện bằng nhiệt mặt trời, phát điện bằng sức gió, phát điện bằng địa nhiệt, sản xuất năng lượng sinh học và pin nhiên liệu.

Study on new and renewable energy sources because of a depletion of fossil energy and for solving environmental problems. Learn about a photovoltaic power generation, a solar heat power generation, a wind power generation, a geothermal power generation, a bio power generation, and fuel cells

Kỹ thuật ứng dụng điện tử công suất (Power Electronics Application Engineering)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Trong khóa học này, thiết kế và thí nghiệm bộ nguồn điện không cách ly (bộ chuyển đổi tăng, giảm áp) và nguồn cách ly (chuyển tiếp, bộ biến đổi hình cầu) và xác định cấu trúc liên kết biến đổi công suất phù hợp và ứng dụng DSP.

In this course, design and experiment of the non-isolated power supply (buck, boost converter) and the isolated power supply (forward, full-bridge converter), and identify the application of appropriate power conversion topologies, and DSP applications.

Thiết kế mạch tích hợp cỡ lớn (VLSI Design)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Thiết kế mạch tích hợp được thiết kế để giới thiệu cho sinh viên về lĩnh vực thiết kế và bố trí mạch tích hợp. Sinh viên được giới thiệu về quy trình thiết kế và sản xuất

tích hợp, cơ bản về công nghệ CMOS, biểu tượng và sơ đồ của các mạch cơ bản, khái niệm bố cục và sử dụng các công cụ thiết kế dựa trên PC.

Integrated Circuit Design is designed to introduce the student to the integrated circuit design and layout field. The student is introduced to the integrated design and manufacturing process, CMOS technology basics, symbols and schematics of basic circuits, layout concepts and the use of PC-based design tools.

Thí nghiệm kỹ thuật hệ thống điện (Power System Engineering Lab)

Số tín chỉ: 3

Loại học phần: Tự chọn

Thí nghiệm kỹ thuật hệ thống điện: Trong khóa học này, hệ thống điện được lắp ráp với mô hình hệ thống điện nhỏ như máy phát đồng bộ, máy biến áp, động cơ đồng bộ, động cơ không đồng bộ và động cơ một chiều, và các thí nghiệm vận hành và bảo vệ của chúng được tiến hành.

In this course, power system is assembled with small power system apparatus model such as synchronous generator, transformer, synchronous motor, induction motor, and DC motor, and their operation and protection experiments are conducted.

PHỤ LỤC 3:

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN VÀ KẾ HOẠCH PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY

DANH SÁCH GIẢNG VIÊN VÀ KẾ HOẠCH PHÂN CÔNG GIẢNG DẠY
(Chương trình liên kết đào tạo bậc đại học ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử với
Đại học Jeonju, Hàn Quốc)

STT	Họ và	Tên	Chuyên ngành	Học hàm, Học vị	Môn học dự kiến giảng dạy
1.	Lê Thị Thu	Hà	Tự động hóa	Tiến sỹ	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1,2
2.	Đặng Ngọc	Trung	Tự động hóa	Tiến sỹ	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1,2
3.	Lê Thị Huyền	Linh	Tự động hóa	Tiến sỹ	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1,2
4.	Dương Quỳnh	Nga	Tự động hóa	Thạc sỹ	Cơ sở lý thuyết mạch điện 1,2
5.	Cao Xuân	Tuyền	Tự động hóa	Tiến sỹ	Vật liệu điện; Khí cụ điện
6.	Vũ Ngọc	Kiên	Tự động hóa	Tiến sỹ	Vật liệu điện; Khí cụ điện
7.	Ngô Phương	Thanh	Tự động hóa	Thạc sỹ	Kỹ thuật đo lường điện
8.	Nguyễn Nam	Trung	Kỹ thuật	Thạc sỹ	Kỹ thuật đo lường điện
9.	Nguyễn Văn	Chí	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	Thạc sỹ	Truyền thông công nghiệp và SCADA
10.	Nguyễn Văn	Chí	Điều khiển và tự động hóa	Tiến sỹ	Truyền thông công nghiệp và SCADA
11.	Nguyễn Phương	Huy	Kỹ thuật viễn thông	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử số
12.	Mai Trung	Thái	Tự động hóa	Tiến sỹ	Kỹ thuật điện tử tương tự
13.	Bạch Văn	Nam	Kỹ thuật điện tử	Thạc sỹ	Kỹ thuật điện tử tương tự
14.	Phạm Duy	Khánh	Kỹ thuật điện tử	Thạc sỹ	Kỹ thuật điện tử số
15.	Hwang In	Gab	Wireless Power Transfer, RFIC	Giáo sư	Mạch điện tử, Năng lượng tái tạo, Điều

					khởi máy điện
16.	Jeon Yong	Seok	Applied Physics, Solid State Physics, Applications of Micro-controller	Giáo sư	Vi máy tính, Thí nghiệm mạch điện tử, Thiết kế mạch tích hợp cỡ lớn, Thiết kế mạch RF
17.	Choi Joon	Young	Smartgrid, Power Economics	Giáo sư	Thiết kế mạch tích hợp cỡ lớn, Thí nghiệm kỹ thuật hệ thống điện
18.	Lee Song	Keun	Artificial Intelligence, Eclectic Vehicle	Giáo sư	Hệ thống điều khiển tự động, Máy điện, Lý thuyết điều khiển hiện đại
19.	Kim Eun	Soo	Switching Mode Power Supply, Power Converters for Renewable Energy, Wireless Charging System for Eclectic Vehicle	Giáo sư	Kỹ thuật truyền tải điện, Kỹ thuật phân phối điện năng, Thí nghiệm mạch điện tử ứng dụng, Điện tử công suất, Kỹ thuật ứng dụng điện tử công suất
20.	Mo Eun	Young	Korean Language and Literature	Tiến sỹ	Tiếng Hàn
21.	Choi Kyeong	Bok	Korean Language and Literature	Tiến sỹ	Tiếng Hàn
22.	Song Jee	Young	Korean Language and Literature	Tiến sỹ	Tiếng Hàn
23.	Hong Ro	Ra	Korean Language and	Tiến sỹ	Tiếng Hàn

			Literature		
24.	Hoàng Thị Hải	Yến	Kinh tế chính trị	Thạc sỹ	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
25.	Ngô Minh	Thương	Triết học	Tiến sĩ	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
26.	Dương Thị	Nhân	Triết học	Tiến sĩ	Triết học Mác – Lênin
27.	Nguyễn Thị Thu	Thủy	Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học	Tiến sĩ	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
28.	Trương Vũ	Long	Kinh tế chính trị	Thạc sỹ	Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
29.	Nguyễn Nam	Hung	Triết học	Thạc sỹ	Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học
30.	Lương Thị Thúy	Nga	TT HCM	Tiến sĩ	Tư tưởng HCM
31.	Nguyễn Thị Thu	Hằng	Chính trị học	Thạc sỹ	Tư tưởng HCM
32.	Phạm Thị Cẩm	Ly	Chính trị học	Thạc sỹ	Tư tưởng HCM
33.	Ngô Thị Phương	Thảo	TT HCM	Thạc sỹ	Tư tưởng HCM
34.	Phạm Minh	Tân	Vật lý chất rắn	Tiến sĩ	Các học phần Vật lý
35.	Phạm Thị Ngọc	Dung	Phương pháp giảng dạy	Thạc sỹ	Các học phần Vật lý
36.	Đông Thị	Linh	Quang học	Thạc sỹ	Các học phần Vật lý

37.	Nguyễn Thị Thu	Hoàn	Quang học	Thạc sĩ	Các học phần Vật lý
38.	Nguyễn Thanh	Tùng	Vật lý chất rắn	Thạc sĩ	Các học phần Vật lý
39.	Kiều Thị	Khánh	Phương pháp giảng dạy	Thạc sĩ	Thí nghiệm Vật lý
40.	Phạm Thị Thu	Hằng	Toán Giải tích	Thạc sĩ	Các học phần Toán
41.	Ngô Văn	Giang	Toán Giải tích	Thạc sĩ - NCS	Các học phần Toán
42.	Nguyễn Thị	Phương	Toán Giải tích	Thạc sĩ	Các học phần Toán
43.	Lê Bích	Ngọc	Toán Giải tích	Thạc sĩ	Các học phần Toán

PHỤ LỤC 4:

SƠ YẾU LÝ LỊCH CỦA GIẢNG VIÊN

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hoàng Thị Hải Yến

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Lý luận Chính trị

Tel: 0987 692 148

E-Mail : hoangyen@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 6 - P. Tích Lương - TP Thái Nguyên – Thái

Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm, Tiến sĩ, ngành đào tạo, Trường đào tạo;

- Năm, Thạc sĩ, ngành đào tạo, Trường đào tạo;

Từ 2013 - 2015, Thạc sĩ ngành Kinh tế Chính trị, tại Học viện Chính trị Khu vực I, Hà Nội.

- Năm, Đại học, ngành đào tạo, Trường đào tạo.

Từ 2006 – 2010, Cử nhân ngành Kinh tế Chính trị, tại trường Đại học Sư phạm Hà Nội.

Quá trình công tác

- 11/2010 - nay, Giảng viên - Bộ môn Lý luận Chính trị
- 12/2011 – 9/2013, Trợ lý CT HS-SV, Khoa KHCB
- 4/2014 - 10/2017, Trợ lý Đào tạo, Bộ môn Lý luận Chính trị
- 4/2014 - nay, Phó BT Chi đoàn GV, Bộ môn Lý luận Chính trị

Môn học giảng dạy

- Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, HP 1
- Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, HP 2
- Triết học Mác – Lênin
- Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
- Chủ nghĩa xã hội khoa học

Lĩnh vực nghiên cứu: Kinh tế Chính trị

Công bố khoa học tiêu biểu

1. *Nâng cao thu nhập kinh tế hộ gia đình trong chuỗi giá trị chè tỉnh Thái Nguyên*, Hoàng Thị Hải Yến, Tạp chí Dân tộc, 41-42, 2016.
2. *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức trong việc xây dựng đạo đức, lối sống cho sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên hiện nay*, Hoàng Thị Hải Yến, Tạp chí Khoa học & Công nghệ, 79-84, 2017.

3. *Improving quality in scientific research activities for the force of teachers in universities nowadays*, Hoàng Thị Hải Yến, Ngô Thị Phương Thảo, Hội thảo khoa học quốc tế, trang 877-886, 2018.

4. *Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận chính trị tại trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên theo Nghị quyết XII của Đảng*, Hoàng Thị Hải Yến, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, trang 158-160, 2019.

Người khai

Hoàng Thị Hải Yến

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

DIRECTOR

ACADEMY OF POLITICS REGION I

confers

THE DEGREE OF MASTER

POLITICAL ECONOMICS

HOANG THI HAI YEN

Upport: (Mr, Ms) 23/11/1988

Born on: 23/11/1988

Given under the seal of

ACADEMY OF POLITICS REGION I

Ha Noi, 08th, March 2017

Serial number: A160937

Reference number: K94

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ KHU VỰC I

cấp

BẰNG THẠC SĨ

KINH TẾ CHÍNH TRỊ

HOÀNG THI HẢI YẾN

Sinh ngày 23/11/1988

Cho:

Hà Nội, ngày 08 tháng 03 năm 2017

Số hiệu: **A 160937**

Số vào sổ cấp bằng: K94

PGS.TS. Nguyễn Tiến Thành

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Ngô Minh Thương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Lý luận Chính trị

Tel: 0962.005.163

E-Mail: ngominhthuong@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 5 - P. Tích Lương - TP Thái Nguyên – Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Từ 2015 – 2018 tại Ngành Triết học, Trường ĐHKHXH & NV Hà Nội.
- Từ 2011 - 2013, Thạc sĩ ngành Triết học Mác – Lênin tại Học viện Báo chí, Hà Nội.
- Từ 2006 – 2010, ngành Triết học Mác – Lênin tại Học viện Báo chí, Hà Nội.

Quá trình công tác

11/2010 - nay, Giảng viên - Bộ môn Lý luận Chính trị

Môn học giảng dạy

- Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, HP 1
- Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, HP 2
- Triết học Mác – Lênin
- Kinh tế Chính trị Mác – Lênin
- Chủ nghĩa xã hội khoa học

Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học Mác – Lênin

Công bố khoa học tiêu biểu

1. 45 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh về sự đoàn kết thống nhất trong Đảng, Hội thảo KH BM LLCT, tháng 12 – 2014.
2. Vận dụng công nghệ thông tin vào việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị ở bậc đại học hiện nay, Hội thảo KH Trường ĐHSP, tháng 05 – 2015.
3. Những giải pháp nhằm phát triển bền vững các khu công nghiệp trong quá trình công nghiệp hóa hiện đại hóa ở tỉnh Thái Nguyên hiện nay, Hội thảo KH BM LLCT, tháng 06 – 2015.

4. Ngô Minh Thương, "Từ quan điểm của Hồ Chí Minh đến quá trình nhận thức của Đảng ta về xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam", Tạp chí Giáo dục Lý luận, số 231, 7/2015, tr. 17 -19.
5. "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN", Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT, tr.17-25.
6. "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 2015, tr.171-176.
7. Nhà nước pháp quyền khái niệm và đặc trưng cơ bản, Tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật số 409, Tháng 7/2018, Tr. 116 – 118.
8. Nhận thức về xây dựng Nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, Tạp chí Văn hóa – Nghệ thuật số 410, Tháng 8/2018, tr.116 – 118.

Người khai

Ngô Minh Thương

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE DIRECTOR OF
ACADEMY OF JOURNALISM AND COMMUNICATION

confers
THE DEGREE OF MASTER
IN PHILOSOPHY

Upon: (Mr. Ms) *Ngô Minh Thương*
Born on: 16 / 3 / 1988

Given under the seal of
Academy of Journalism and Communication

Serial number:
Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

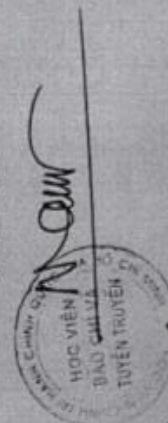
GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

cấp
BẰNG THẠC SĨ
TRIẾT HỌC

Cho: *Ngô Minh Thương*
Sinh ngày 16 / 3 / 1988

Hà Nội, ngày 27 tháng 02 năm 2013

GIÁM ĐỐC



Số hiệu: A 047103
Số vào sổ cấp bằng: 535/2013

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC
XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Số: 124/QĐ-XHNV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 10 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

Căn cứ Quy định về tổ chức và hoạt động của các đơn vị thành viên và các đơn vị trực thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội được ban hành theo Quyết định số 3568/QĐ – TCCB ngày 08/10/2014 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy định về tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn được ban hành kèm theo Quyết định số 510/QĐ-XHNV ngày 05/03/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học được ban hành theo Quyết định số 1555/QĐ-ĐHQGHN ngày 25/5/2011 và sửa đổi, bổ sung theo Quyết định số 3050/QĐ-ĐHQGHN ngày 17/9/2012 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo sau đại học được ban hành theo Quyết định số 4555/QĐ-ĐHQGHN ngày 24/11/2017 của Giám đốc Đại học Quốc gia Hà Nội;

Xét đề nghị của Trường phòng Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ cho 04 nghiên cứu sinh được đào tạo tại Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn đã bảo vệ thành công luận án tiến sĩ trước Hội đồng cấp Đại học Quốc gia.

Danh sách các nghiên cứu sinh được công nhận học vị và cấp bằng tiến sĩ kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Trường phòng Đào tạo, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan và các nghiên cứu sinh có tên trong danh sách kèm theo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như điều 2;
- Lưu: HC-TH, ĐT.



KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Hoàng Anh Tuấn

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Dương Thị Nhân

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Bộ môn Lý luận Chính trị

Tel: 0911231866

E-Mail : duongnhan@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn Lý luận Chính trị, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp



Quá trình đào tạo

- Năm 2017, Tiến sĩ, ngành đào tạo: CNDVBC&VNDVLS, Trường đào tạo: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Năm 2012, Thạc sĩ, ngành đào tạo: Triết học, Trường đào tạo: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.
- Năm 2010, Đại học, ngành đào tạo: Triết học, Trường đào tạo: Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình công tác

Từ 06/2011 đến 08/2013, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản – ĐHKTCN

Từ 09/2013 đến 03/2014, Giảng viên, Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐHKTCN

Từ 01/2017 đến 5/2017, Chuyên viên, giảng viên kiêm nhiệm, Phòng Hành chính Tổ chức

Từ 6/2017 đến nay, Giảng viên, Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐHKTCN

Môn học giảng dạy

Hệ đại học:

- Những nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin, Học phần I và II
- Triết học Mác – Lênin

Hệ cao học:

- Triết học Mác – Lênin

Lĩnh vực nghiên cứu: Khoa học Xã hội và Nhân văn

Công bố khoa học tiêu biểu

- Sách chuyên khảo:

Tư tưởng giáo dục của Fukuzawa Yukichi và ảnh hưởng của nó đến Việt Nam đầu thế kỷ XX, Nhà xuất bản Khoa học Xã hội, 2017

- Bài báo, hội thảo trong nước

1. Dương Thị Nhẫn, Tư tưởng con người độc lập của Fukuzawa Yukichi trong tác phẩm “Khuyến học”, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 41-49, 2012.

2. Dương Thị Nhẫn, Tư tưởng giáo dục chủ yếu của Fukuzawa Yukichi trong tác phẩm “Khuyến học”, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 70-78, 2013.

3. Dương Thị Nhẫn, Nâng cao tính thực tiễn trong bài giảng môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học trường ĐH Sư phạm, 2013.

4. Dương Thị Nhẫn, Từ “dân” đến “dân vận” trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo Bộ môn LLCT “Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận và công tác dân vận trong nhà trường”, 18-22, 2013.

5. Dương Thị Nhẫn, Giá trị nhân văn cao cả trong “Di chúc” của chủ tịch Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo Bộ môn LLCT “45 năm thực hiện Di chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh”, 12-18, 2014.

6. Dương Thị Nhẫn, Ảnh hưởng của tư tưởng duy tân về giáo dục của Yukichi Fukuzawa đối với xã hội Nhật Bản, 70-77, 2015.

7. Dương Thị Nhẫn, Nguyễn Thị Thu Hằng, Fukuzawa Yukichi và tư tưởng Thoát Á của ông, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 55-62, 2015.

8. Dương Thị Nhẫn, Ngô Thị Phương Thảo, Tính cấp thiết của việc đổi mới tư duy kinh tế, Kỷ yếu Hội thảo Bộ môn LLCT “Quá trình đổi mới tư duy kinh tế tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn từ năm 2001 đến nay”, 05-08, 2015.

9. Dương Thị Nhẫn, Vận dụng tư tưởng của Fukuzawa Yukichi về nội dung giáo dục trong tác phẩm “Khuyến học” nhằm phát triển năng lực người học ở Việt Nam hiện nay, Tri thức xanh, 68-73, 2015.

10. Dương Thị Nhẫn, Những thành tựu từ quá trình đổi mới tư duy kinh tế của tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2005 – 2015, Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2015.

11. Dương Thị Nhẫn, Ảnh hưởng của tư tưởng giáo dục của Fukuzawa Yukichi đến một số phong trào duy tân ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 62-69, 2016.

12. Dương Thị Nhẫn, Hữu Thị Hồng Hoa, Hà Thị Thu Hồng, Ảnh hưởng tư tưởng giáo dục của Fukuzawa Yukichi đến quá trình chuyển biến tư tưởng của tầng lớp nho sĩ ở Việt Nam đầu thế kỷ XX, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 51-58, 2016.

13. Dương Thị Nhẫn, Đông kinh Nghĩa thực của Việt Nam: Từ mô hình trường Đại học Keio ở Nhật Bản, Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 9-14, 2016.

14. Dương Thị Nhẫn, Đỗ Duy Tú, Phương pháp học tập trong tác phẩm “Khuyến học” của Fukuzawa Yukichi và ý nghĩa đương thời của nó, Nghiên cứu Đông Bắc Á, 53-59, 2018.

- Đề tài NCKH

1. Tác động của đổi mới tư duy kinh tế đến phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020, Cấp Tỉnh Thái Nguyên, 2015-2017.

2. Tư tưởng duy tân về giáo dục của Fukuzawa Yukichi và bài học kinh nghiệm đối với công cuộc cải cách giáo dục Việt Nam hiện nay, Cấp Đại học, 2015-2017.

3. Nâng cao chất lượng đào tạo theo hình thức tín chỉ tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên qua 10 năm thực hiện (2006-2016), mã số: T2016-79, Cấp Trường, 2016-2018.

Người khai

Dương Thị Nhẫn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR

VNU University of Social Sciences and Humanities

Confers

THE DEGREE OF

DOCTOR OF PHILOSOPHY

In: *Philosophy*

Upon: *Ms Duong Thi Nhan*

Date of birth: *23 March 1987*

Place of birth: *Thai Nguyen*



Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Cấp

BẰNG TIẾN SĨ

Ngành: *Triết học*

Cbo: *Bà Duong Thi Nhan*

Sinh ngày: *23/03/1987*

Tại: *Thai Nguyen*

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Quang Minh

ngày 28/03/2017

Quyết định công nhận học vị và cấp bằng số: 392/QĐ-VNU

Số báo đăng: QT 001488

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Thu Thủy

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Bộ môn: Lý luận Chính trị, Trường

Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Tel: 0989310394

E-Mail : ntthuthuy@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 1, Phường Tân Lập, TP

Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm 2019, Tiến sĩ, chuyên ngành Chủ nghĩa Xã hội khoa học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.

- Năm 2009, Thạc sĩ, Ngành Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

- Năm 2005, Đại học Ngành Triết học, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội.

Quá trình công tác

- 13/10/2005- 30/05/2006, Giảng viên, Khoa Giáo dục Chính trị - Trường ĐH Sư phạm

- 01/06/2006- 06/01/2010, Giảng viên, Khoa KHCB-Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

- 07/01/2010- 26/09/2013, Giảng viên, Trưởng Bộ môn Lý luận Chính trị, Khoa KHCB – Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

- 27/09/2013-24/12/2019, Giảng viên, Bí thư Chi bộ, Trưởng Bộ môn trực thuộc Trường, Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Hoạt động

Giảng dạy, nghiên cứu khoa học, tự bồi dưỡng

Môn học giảng dạy

- Triết học cho học viên cao học

- Triết học Mác - Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin học phần 1, Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin học phần 2, Xã hội học.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Các vấn đề liên quan đến các học phần giảng dạy Lý luận Chính trị

Công bố khoa học tiêu biểu

- Đề tài KH&CN các cấp đã và đang chủ trì

1. Một số nội dung cơ bản của đạo đức Nho giáo và vai trò, ý nghĩa của nó với việc hoàn thiện con người Việt Nam hiện nay, Cấp cơ sở, 2009, Tốt.

2. Quan niệm về con người trong lịch sử triết học Trung Quốc cổ đại giai đoạn Xuân Thu - Chiến Quốc và ý nghĩa của nó trong việc xây dựng con người mới Việt Nam hiện nay, Cấp cơ sở, 2010, Tốt.

3. Phép biện chứng duy vật trong tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức cách mạng, Cấp cơ sở, 2011, Khá.

4. Vai trò của giá trị đạo đức truyền thống trong việc xây dựng đạo đức con người mới ở Việt Nam hiện nay, Cấp cơ sở, 2012, tốt.

- Các bài báo và báo cáo khoa học trong nước

1. Nguyễn Thị Thu Thủy, Đổi mới phương pháp giảng dạy các môn lý luận chính trị tại trường đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Hội thảo khoa học Khoa KHCB, 2011.

2. Nguyễn Thị Thu Thủy, Giữ gìn và phát huy truyền thống "Tôn sư trọng đạo", Tạp chí Dân tộc. Mã số ISSN 1859-1345, số 143, 19-21, 2012.

3. Nguyễn Thị Thu Thủy, Thực trạng và giải pháp nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy môn Những NLCB của CNML tại trường ĐH KTCN, Hội thảo khoa học Khoa KHCB 2012, 95-102, 2012.

4. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nâng cao chất lượng đội ngũ Đảng viên, Cán bộ viên chức – một giải pháp cơ bản để làm tốt công tác Dân vận trong Nhà trường, Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận và vận dụng tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Thái Nguyên – HTKH cấp Trường, 87- 92, 2013.

5. Nguyễn Thị Thu Thủy, Một số giải pháp cơ bản nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy các môn LLCT tại Trường ĐH KTCN, Hội thảo KH Trường ĐH Sư phạm Thái Nguyên, 153-160, 2013.

6. Nguyễn Thị Thu Thủy, Tinh thần tin vào dân, dựa vào dân trong tác phẩm “Di chúc” của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 45 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh, 54-59, 2014.

7. Nguyễn Thị Thu Thủy, Giảm thiểu, ngăn chặn bạo lực học đường từ giáo dục gia đình, Thông tin Chủ nghĩa Xã hội – Lý luận và thực tiễn, số 46, tháng 06 – 2015, 17-19, 27, 2015.

8. Nguyễn Thị Thu Thủy; Hoàng Thị Hải Yến, Một số phương hướng, giải pháp để tiếp tục đẩy mạnh quá trình đổi mới tư duy lý luận ở nước ta trong thời gian tới, Quá trình đổi mới tư duy kinh tế tại tỉnh Thái Nguyên từ năm 2001 đến nay, 72-79, 2015.

9. Nguyễn Nam Hưng; Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát huy vai trò người Thầy trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị, Dạy học các môn Lý luận chính trị trong trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông – ĐH Sư phạm, 70-73, 2015.

10. Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát huy giá trị văn hóa gia đình trong bối cảnh hiện nay, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 390, 12/2016 mã số ISSN: 0866-8655, 49-51, 2016.

11. Nguyễn Thị Thu Thủy, Yếu tố ảnh hưởng đến việc phát huy giá trị gia đình truyền thống trong xây dựng gia đình văn hóa Việt Nam hiện nay, Tạp chí Dân tộc, số 184, 7/2016, mã số ISSN: 1859-1345, 53-55, 2016.

12. Nguyễn Thị Thu Thủy, Kế thừa và phát huy giá trị gia đình truyền thống trong xây dựng gia đình văn hóa, Tạp chí Lao động và Công đoàn, số 599, 7/2016, mã số ISSN: 0866-7578, 14-15, 2016.

13. Nguyễn Thị Thu Thủy, Lễ hội Kỳ Yên với đời sống người dân Nam Bộ: Quá khứ và hiện tại, Câu lạc bộ Khoa học công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật lần thứ 48 với sự phát triển bền vững Tây Nam Bộ, 413-419, 2016.

14. Nguyễn Thị Thu Thủy; Nguyễn Nam Hưng, Phát huy vai trò của cán bộ cấp xã trong xây dựng đời sống văn hóa nông thôn ở Vĩnh Phúc, Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển kinh tế-xã hội và an ninh quốc phòng tỉnh Vĩnh Phúc, 342-348, 2016.

15. Nguyễn Thị Thu Thủy, Xây dựng gia đình văn hóa ở vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay, Tạp chí Lao động và Công đoàn, số 630, 10/2017, mã số ISSN: 0866-7578, 42-43, 2017.

16. Nguyễn Thị Thu Thủy, Đạo đức truyền thống trong xây dựng văn hóa ở đồng bằng sông Hồng, Tạp chí Văn hóa Nghệ thuật, số 400, 10/2017, mã số ISSN: 0866-8655, 27-29, 2017.

17. Nguyễn Thị Thu Thủy, Tăng cường giáo dục giá trị truyền thống của gia đình trong xây dựng gia đình văn hóa ở vùng đồng bằng sông Hồng hiện nay, Tạp chí Giáo dục lý luận, số 266, 10/2017, mã số ISSN: 0868-3492, 65-69, 2017.

18. Trương Vũ Long; Nguyễn Thị Thu Thủy, Quan niệm của G. Rút-xô về mục đích và đối tượng của giáo dục trong tác phẩm "Emile hay là về giáo dục", Tinh thần khai sáng Pháp thế kỷ XVIII Trường Đại học KHXH và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM, 20-29, 2017.

19. Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát huy vai trò văn hóa gia đình trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng Tháp, Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Tháp, 407-412, 2017.

20. Nguyễn Thị Thu Thủy, Chủ nghĩa Mác - Lênin về gia đình và vận dụng của

Đảng ta thời kỳ đổi mới, Quan điểm của Chủ nghĩa Mác - Lênin về Chủ nghĩa xã hội khoa học-Những giá trị bền vững và những vấn đề cần tiếp tục bổ sung, phát triển - Viện Chủ nghĩa xã hội khoa học - Học viện CTQG Hồ Chí Minh, 393-397, 2017.

21. Nguyễn Thị Thu Thủy, Tăng cường giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh cho sinh viên các trường đại học, cao đẳng hiện nay, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số tháng 11/2018, ISSN: 1859-2694, 33-34, 2018.

22. Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát triển văn hóa Việt Nam trong điều kiện hiện nay, Tạp chí Văn hóa nghệ thuật, số 414 tháng 12/2018, ISSN: 0866-8655, 27-29, 2018.

23. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nâng cao hiệu quả giáo dục tư tưởng đạo đức Hồ Chí Minh trong xây dựng lối sống cho sinh viên, Tạp chí Dạy và Học ngày nay, số Kỳ 1- 12/2019, ISSN: 1859-2694, 19-20, 2019.

Người khai

Nguyễn Thị Thu Thủy

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH
cấp

BẰNG TIẾN SĨ

Ngành: CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Cho: Nguyễn Thị Thu Thủy

Ngày sinh: 25/5/1982

Hà Nội, ngày 03 tháng 6 năm 2019

GIÁM ĐỐC



GS.TS Nguyễn Xuân Thắng

Số hiệu bằng: H-PhD 000004

Số vào sổ cấp bằng: 582

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Trương Vũ Long

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Lý luận Chính trị

Tel: 0977 559 588

E-Mail : truongvulong1988@gmail.com

Địa chỉ: Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường
ĐH Kỹ thuật Công nghiệp



Quá trình đào tạo

- Năm: 2013 - 2015, Thạc sỹ, ngành đào tạo: Kinh tế Chính trị học, Trường đào tạo: Học viện Báo chí & Tuyên truyền

- Năm: 2007 - 2011, Đại học, ngành : Kinh tế Chính trị học, Trường đào tạo: Học viện Báo chí & Tuyên truyền

Quá trình công tác

- Từ 02/2012 – 8/2013: Công tác giảng dạy tại khoa Khoa học cơ bản – ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

- Từ 9/2013 – 8/2015: Công tác giảng dạy tại Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

- Từ 9/2015 – 8/2017: Công tác giảng dạy, Bí thư LCD, Trợ lý CNTT tại Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

- Từ 9/2017 – 8/2019: Công tác giảng dạy, Bí thư LCD, Trợ lý CNTT tại Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

- Từ năm 2019 đến nay: Công tác giảng dạy, Bí thư LCD, Trợ lý CNTT tại Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐH Kỹ thuật Công nghiệp

Môn học giảng dạy: Kinh tế chính trị Mác – Lênin

Lĩnh vực nghiên cứu: Triết học Mác – Lênin, Kinh tế chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Thực hiện tốt hơn Di chúc Hồ Chí Minh trong việc xây dựng đoàn thanh niên và công tác thanh niên tại Bộ môn Lý luận Chính trị Trường Đại học Kỹ thuật Công

nghiệp - Kỷ yếu Hội thảo KH BM LLCT: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận và công tác dân vận trong nhà trường” – 2014

2. Nâng cao tính khoa học và thực tiễn trong nội dung giảng dạy môn "Những Nguyên lý cơ bản của Chủ nghĩa Mác – Lênin - Kỷ yếu Hội thảo KH Trường ĐHSP Thái Nguyên: “Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại các trường Đại học và Cao đẳng hiện nay” – 2015

3. Cơ sở của việc đổi mới tư duy đối với quá trình phát triển kinh tế - xã hội - Kỷ yếu Hội thảo KH BM LLCT “Tác động của đổi mới tư duy kinh tế tới phát triển kinh tế xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020” – 2015

4. Tính dân chủ trong việc tự giáo dục qua tấm gương tự học của chủ tịch Hồ Chí Minh - Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN" - 2015

5. Tìm hiểu đôi nét về triết lý giáo dục của John Dewey và vận dụng tư tưởng giáo dục của ông vào công tác dạy và học tại trường ĐHKTCNTN - Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN" – 2015

6. Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và giáo dục tại bộ môn LLCT, trường ĐHKTCN hiện nay - Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN" – 2015

7. Một số dẫn chứng lịch sử về việc xác lập chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa từ đầu thế kỷ XVII đến khi thực dân Pháp xâm lược và đô hộ Việt Nam - Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay" – 2015

8. Tính dân chủ trong việc tự học qua tấm tự học của Chủ tịch Hồ Chí Minh - Tạp chí Dân tộc, số ra tháng 6/2017 – 2017

9. Cơ hội và thách thức đối với nền kinh tế Việt Nam từ các hiệp định tự do thương mại mới - Tạp chí Khoa học & Công nghệ, quý II/2017 – 2017

10. Phát triển hàng hóa nông nghiệp gắn với xây dựng môi trường văn hóa ở Đồng Tháp hiện nay - Kỷ yếu Hội thảo Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Tháp, Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 51 – 2017

Các nước tiểu vùng sông Mê Kông: Nỗ lực về một khu vực an toàn - Tạp chí Cảnh sát, số 5 (101) - 2018

11. Tìm hiểu phong cách làm việc quần chúng của Hồ Chí Minh và vận dụng vào công tác Đoàn thanh niên tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên - Kỷ yếu Hội thảo KH trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, ĐH Thái Nguyên “Xây dựng

phong cách, tác phong của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. – 2018

12. Tìm hiểu phong cách làm việc quần chúng của Hồ Chí Minh- vận dụng vào công tác Đoàn thanh niên tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên - Tạp chí Giáo dục và Xã hội, số Đặc biệt tháng 1/2019. – 2019

13. Online training and its basic benefits in education, Online Education: Opportunities and Challenges - NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh, tháng 3/2019 - 2019

Người khai

Trương Vũ Long

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN



Cho:

Sinh ngày

Trương Vũ Long

24/11/1988

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2015

GIÁM ĐỐC



Số hiệu: **A 129249**

PGS.TS. Trương Ngọc Nam

Số vào sổ cấp bằng: 1541/2015

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Nam Hưng

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Lý luận Chính trị

Tel: 0979319204

E-Mail: namhung1987@gmail.com

Địa chỉ: P. Phú Xá, Tp. Thái Nguyên.



Quá trình đào tạo

2014, Thạc sỹ, Triết học, Đại học KHXH& NV- Việt Nam;

2011, Cử nhân, Triết học, Đại học KHXH& NV- Việt Nam.

Quá trình công tác

2012 – 2013, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản – ĐHKTCN

2013 – nay, Giảng viên, Bộ môn Lý luận Chính trị - ĐHKTCN

Môn học giảng dạy: Những NLCB của CNML hp2, Triết học Mác – Lênin, Kinh tế Chính trị Mác – Lênin, Chủ nghĩa xã hội khoa học

Lĩnh vực nghiên cứu: Chính trị, Khoa học xã hội và nhân văn

Công bố khoa học tiêu biểu:

1. Nguyễn Nam Hưng, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp với sự nghiệp chăm lo, bồi dưỡng thế hệ trẻ dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo KH BM LLCT: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân vận và công tác dân vận trong nhà trường”, 6-61, 2014.

2. Nguyễn Nam Hưng, Nguyễn Thị Thu Thủy, Phát huy vai trò người Thầy trong việc nâng cao chất lượng giảng dạy các môn lý luận chính trị, Kỷ yếu Hội thảo KH Trường ĐHSP Thái Nguyên: “Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận Chính trị tại các trường Đại học và Cao đẳng hiện nay”, 37-42, 2014.

3. Nguyễn Nam Hưng, Khai thác tiềm năng du lịch của di sản văn hóa Thành nhà Hồ phục vụ du lịch văn hóa xứ Thanh, Kỷ yếu Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật lần thứ 45, 289-295, 2014.

4. Nguyễn Nam Hưng, Dân chủ trong giáo dục tại trường Đại học Kỹ thuật Công

nghiệp dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN, 72-75, 2015.

5. Nguyễn Nam Hưng, Vấn đề "Là chủ" và "Làm chủ" ở biển Đông hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 78-82, 2015.

6. Trương Vũ Long, Nguyễn Nam Hưng, Vận dụng tư tưởng ngoại giao của Hồ Chí Minh về đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển, đảo trong giai đoạn hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 141-151, 2015.

7. Nguyễn Nam Hưng, Nguyễn Thị Thu Hoàn, Phạm Thị Thu, Quan niệm của Hồ Chí Minh về chủ thể và phương pháp bảo vệ chủ quyền, an ninh biên giới quốc gia, Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 88-92, 2015.

8. Nguyễn Nam Hưng, Phát huy vai trò của đồng bào Công giáo trong xây dựng nông thôn mới ở Tây Nam Bộ", Kỷ yếu Hội thảo Câu lạc bộ Khoa học - Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật lần thứ 48 với sự phát triển bền vững Tây Nam Bộ, 369-374, 2016.

9. Nguyễn Nam Hưng, Vị trí vấn đề đoàn kết trong tư duy và hành động thực tiễn của Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học "Hồ Chí Minh tầm nhìn thời đại", 495-508, 2016.

10. Nguyễn Nam Hưng, Phát huy vai trò người có uy tín trong xây dựng nông thôn mới vùng Tây Bắc, Kỷ yếu Hội thảo: "Lý luận và thực tiễn về chính sách đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số nhằm phát triển bền vững vùng Tây Bắc", Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 198-204, 2016.

11. Nguyễn Nam Hưng, Vai trò của ý thức hệ trong mối quan hệ Việt – Trung. Một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Kỷ yếu Hội nghị khoa học – sáng tạo trẻ Đại học Thái Nguyên, lần thứ III năm 2016, 62-69, 2016.

12. Nguyễn Nam Hưng, Vũ Văn Đạt, Một số yêu cầu trong công tác dân vận theo tư tưởng Hồ Chí Minh và vận dụng vào cuộc vận động xây dựng đời sống văn hoá cơ sở gắn với xây dựng nông thôn mới tại các tỉnh miền núi phía Bắc, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: "Xây dựng đời sống văn hóa Nông thôn mới – khu vực Vùng núi phía

Bắc”, Bộ Văn hóa thể thao và du lịch - Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La, 51-58, 2016.

13. Nguyễn Nam Hưng, Phạm Thị Hạnh, Đẩy mạnh công tác dân vận trong quá trình xây dựng nông thôn mới ở Hà Giang dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học: “Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển kinh tế-xã hội và an ninh quốc phòng tỉnh Hà Giang”. Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 49, 9-14, 2016.

14. Nguyễn Thị Thu Thủy, Nguyễn Nam Hưng, Phát huy vai trò của cán bộ cấp xã trong xây dựng đời sống văn hóa nông thôn ở Vĩnh Phúc hiện nay, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học: “Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển kinh tế-xã hội và an ninh quốc phòng tỉnh Vĩnh Phúc”. Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 50, 53-59, 2017.

15. Nguyễn Nam Hưng, Dương Thị Hòa Nghĩa, Văn Thị Lý, Phát triển du lịch gắn với xây dựng nông thôn mới ở Đồng Tháp hiện nay, Hội thảo Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Tháp, Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 51, 390-395, 2017.

16. Nguyễn Nam Hưng, Du lịch nông nghiệp - nông thôn trong xây dựng nông thôn mới ở Đồng Tháp hiện nay, Kỷ yếu Hội thảo Các trường Đại học Kỹ thuật với sự phát triển bền vững của tỉnh Đồng Tháp, Câu lạc bộ Khoa học – Công nghệ các trường đại học Kỹ thuật – Hội thảo lần 51, 396-400, 2017.

17. Nguyễn Nam Hưng, Quan niệm của G. Rút-xô về tự do và bình đẳng ở trạng thái xã hội dân sự trong tác phẩm BÀN VỀ KHẾ ƯỚC XÃ HỘI, Kỷ yếu hội thảo khoa học "Tinh thần khai sáng Pháp thế kỷ XVIII", Đại học KHXH và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP HCM, 30-38, 2017.

18. Nguyễn Nam Hưng, Dương Thị Hòa Nghĩa, Bàn về dân chủ trong Hương ước của Làng Việt truyền thống, Đại học Sư phạm Hà Nội 2, Kỷ yếu Hội thảo khoa học "NGHIÊN CỨU VÀ GIẢNG DẠY LỊCH SỬ TRƯỚC YÊU CẦU ĐỔI MỚI GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO", 123-130, 2017.

19. Nguyễn Nam Hưng, Phong cách độc lập - tự chủ trong tư duy và hoạt động thực tiễn của Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội nghị Khoa học Công nghệ Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp 2017, 233-237, 2017.

20. Nguyễn Nam Hưng, Phát huy vai trò người Thầy nhằm nâng cao chất lượng các môn Lý luận Chính trị tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên, Tạp chí Kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương, 65-69, 2018.

21. Nguyễn Nam Hưng, Một số yêu cầu đối với người đứng đầu trong công tác cán bộ theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu, của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Trường Đại học KTCN, 61-71, 2018.

Người khai

Nguyễn Nam Hưng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR

VNU University of Social Sciences and Humanities

Confers

THE DEGREE OF MASTER

In: *Philosophy*

Upon: *Mr. Nguyen Nam Hung*

Date of birth: *10 July 1987*

Place of birth: *Thanh Hoa*



Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

Ngành: *Triết học*

Cho: *Ông Nguyễn Nam Hưng*

Sinh ngày: *10/7/1987*

Tại: *Thanh Hoá*

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2015

HỮU TRƯỞNG



QĐ công nhận học vị và cấp bằng: TS. Nguyễn Văn Khánh
Số: 1000/TH-VN.3.0 ngày 08/12/2014

Số vào sổ: 2014/TH-VN

Số hiệu bằng: 0M 022158

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Lương Thị Thúy Nga

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Bộ môn: Lý luận Chính trị

Tel: 0974.957.187

E-Mail: thuyngadtt@gmail.com

Địa chỉ: Ngõ 408, đường 3/2, P.

Tích Lương, Tp.Thái Nguyên.



Quá trình đào tạo

- 2019, Tiến sĩ, Hồ Chí Minh học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh
- 2012, Thạc sĩ, Hồ Chí Minh học, Học viện Báo chí và Tuyên truyền.
- 2010, Đại học, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Học viện Báo chí và Tuyên truyền

Quá trình công tác

2010 – 2013, Giảng viên, Bộ môn Lý luận Chính Trị - Trường Đại học Kỹ Thuật Công nghiệp;

2013 – 2015, Giảng viên, Bí thư Liên Chi đoàn, Bộ môn Lý luận Chính Trị - Trường Đại học Kỹ Thuật Công nghiệp;

2014 - 11/2016, Giảng viên, Bí thư Liên Chi đoàn, Tổ trưởng tổ chuyên môn, Bộ môn Lý luận Chính Trị - Trường Đại học Kỹ Thuật Công nghiệp;

12/2016 – nay, Giảng viên, Tổ trưởng tổ chuyên môn, Bộ môn Lý luận Chính Trị - Trường Đại học Kỹ Thuật Công nghiệp.

Môn học giảng dạy: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực nghiên cứu: Chính trị, Khoa học xã hội và nhân văn.

Công bố khoa học tiêu biểu:

- *Sách tham gia biên soạn:*
 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập, tự do”- Giá trị dân tộc và thời đại, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2016, Loại sách chuyên khảo.
 2. Đường cách mệnh – Giá trị lý luận và thực tiễn, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018, Loại sách chuyên khảo.
- *Các bài báo và báo cáo khoa học trong nước:*
 1. Lương Thị Thúy Nga, Văn hóa “Công bộc” Hồ Chí Minh soi đường thực hiện thắng lợi Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung Ương Đảng (Khóa XI), Tạp chí Dân tộc, Số 141(9/2012), 2012.
 2. Lương Thị Thúy Nga, Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy nhân tố con người với tư cách là thực thể thống nhất giữa cá nhân và xã hội, Hội nghị khoa học trẻ Đại học Thái Nguyên lần thứ II - năm 2014, tháng 6 năm 2014, 2014.

3. Lương Thị Thúy Nga, Trường Đại học KTCN Thái Nguyên - Những quyết tâm mới cho chiến lược phát triển nguồn nhân lực, Tạp chí Lao động và Công đoàn số 580(tháng 9/2015), 2015.
4. Lương Thị Thúy Nga, Quán triệt quan điểm về tuyên truyền, vận động của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng, Tạp chí Dân tộc (4/2016), 2016.
5. Lương Thị Thúy Nga, Vận dụng cách thức Hồ Chí Minh để giai cấp công nhân nắm vững tinh thần Nghị quyết, Tạp chí lao động và công đoàn, 2016.
6. Lương Thị Thúy Nga, Đạo lý uống nước nhớ nguồn của dân tộc ta, Tạp chí Dân tộc (7/2016), 2016.
7. Lương Thị Thúy Nga, Mục tiêu và con đường cách mạng Việt Nam trong tác phẩm Đường cách mệnh Cách mệnh”, Tạp chí Lý luận Chính trị (6/2017), 2017.
8. Lương Thị Thúy Nga, Nâng cao chất lượng giáo dục đức Hồ Chí Minh cho sinh viên Việt Nam hiện nay, Tạp chí Giáo dục Lý luận Chính trị, số tháng 10/2017, 2017.
9. Nguyễn Thị Kim Dung, Lương Thị Thúy Nga Xây dựng lối sống mới trong thanh niên qua tác phẩm Đời sống mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh”, Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia: 70 năm tác phẩm Đời sống mới của Chủ tịch Hồ Chí Minh – Giá trị lý luận và thực tiễn trong phong trào xây dựng nông thôn mới và đô thị văn minh, năm 2017, 2017.
10. Lương Thị Thúy Nga, Học tập và làm theo phong cách nêu gương trong tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh, Tạp chí Dân tộc Số 210(9/2018), 2018.

Người khai

Lương Thị Thúy Nga

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

PRESIDENT
OF HO CHI MINH NATIONAL ACADEMY OF POLITICS

has conferred

**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**

In: POLITICAL SCIENCE

Upon: Luong Thi Thuy Nga

Date of birth: 25 July 1988

Given under the seal of

Ho Chi Minh National Academy of Politics



Serial number: **H-PHD 000037**

Reference number: 622_31/12/2019

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG TIẾN SĨ

Ngành: KHOA HỌC CHÍNH TRỊ

Cho: Lương Thị Thúy Nga

Ngày sinh: 25/7/1988

Hà Nội, ngày 20 tháng 1 năm 2019

GIÁM ĐỐC



GS.TS Nguyễn Xuân Thắng

Số hiệu bằng: **H-PHD 000037**

Số vào sổ cấp bằng: 622

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Thu Hằng

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: LLCT

E-Mail: ntthuhang@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Trường ĐH KTCN



Quá trình đào tạo

- 2008; Thạc sỹ, Khoa học Chính trị, chuyên ngành Hồ Chí Minh học; Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – ĐHQGHN.
- 2005; Cử nhân, Triết học; Trường Đại học Khoa học xã hội và nhân văn – ĐHQGHN.

Quá trình công tác

- Từ 2006 – 2003: Bộ môn LLCT – Khoa KHCB, Trường ĐHKTCN.
- Từ 2013 – 2017: Bộ môn LLCT – Trường ĐHKTCN.
- Từ 2017 – nay: Phòng HCTC – Trường ĐHKTCN; giảng viên kiêm nhiệm Bộ môn LLCT.

Hoạt động

- Giảng dạy; Nghiên cứu khoa học; tự bồi dưỡng.

Môn học giảng dạy

- Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Các vấn đề, nội dung trong tư tưởng Hồ Chí Minh.
- Tư tưởng về nhà nước, nhà nước pháp quyền.

Công bố khoa học tiêu biểu

- *Các đề tài nghiên cứu khoa học đã tham gia:*
 1. Sự thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của dân, do dân và vì dân giai đoạn 1945 – 1946, 2008 – 2008, Cấp cơ sở, Chủ nhiệm, Nghiệm thu loại tốt.
 2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đại đoàn kết dân tộc và sự vận dụng của Đảng ta trong giai đoạn hiện nay, 2009 – 2009, Cấp cơ sở, Chủ nhiệm, Nghiệm thu loại tốt.
 3. Tư tưởng Hồ Chí Minh về đạo đức và ý nghĩa của nó với việc xây dựng đạo đức cho sinh viên hiện nay, 2010 – 2010, Cấp cơ sở, Chủ nhiệm, Nghiệm thu loại tốt.
 4. Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp, 2016- 2016, Cấp cơ sở, Chủ nhiệm, Nghiệm thu loại tốt.
- *Các bài báo/ báo cáo khoa học trong nước và quốc tế đã công bố*

1. Nguyễn Thị Thu Hằng, Hồ Chí Minh với việc xây dựng nền pháp quyền của dân, do dân và vì dân quan sự ra đời của cơ quan quyền lực và cơ quan hành chính cao nhất nước Việt nam Dân chủ Cộng hòa, Tạp chí KH&CN Đại học Thái Nguyên, Số 143, tr 61 – 66, 2015.
2. Nguyễn Thị Thu Hằng, Hồ Chí Minh với Hiến pháp 1946 và các quy định về các quyền cơ bản của nhân dân, Tạp chí KH&CN Đại học Thái Nguyên, Số 145, tr. 123 – 128, 2015.
3. Nguyễn Thị Thu Hằng, Tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ và vai trò của dân chủ với việc nâng cao chất lượng giáo dục Việt Nam, Tạp chí KH&CN Đại học Thái Nguyên, Số 154, tr. 155 – 163, 2016.
4. Nguyễn Thị Thu Hằng, Xây dựng môi trường giáo dục dân chủ để phát triển giáo dục Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0
Developing comretency for Viet Nam educational mannagers in the context of industrial revolution 4.0, ISBN: 978-604-946-333-4, Page: 71-80, 2017.
5. Nguyễn Thị Thu Hằng, Pháp quyền dân chủ - nét đặc sắc trong tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền, Hội thảo QG: Chính trị - xã hội trong thời kỳ Hội nhập những vấn đề lý luận và thực tiễn, ISBN: 978-604-65-3201-9, tr. 569-577, 2017.
6. Nguyễn Thị Thu Hằng, Học tập và làm theo phong cách làm việc dân chủ của Hồ Chí Minh, Tạp chí KH&CN Đại học Thái Nguyên, Tập 186, số 10, tr. 41 – 47, 2018.
7. Nguyễn Thị Thu Hằng, Innovation of management activities of Rectors towards the democratic work style of Ho Chi Minh in the current context of Viet Nam's educational innovation The Quality of teachers ang education managers in the current context: the trend in Viet Nam and the world, ISBN: 978-604-946-493-5. Page: 109 – 118, 2018.
8. Nguyễn Thị Thu Hằng, Application of information technology in administrative reform – basic solutions to build electronic government in Viet Nam for industry 4.0 Industrial revolution 4.0: Opportunities anh challenges to Viet Nam's economic development, ISBN: 978-604-55-3230-0, page: 177-186, 2018.
9. Nguyễn Thị Thu Hằng, Dialectical relationship between democracy and law in Ho Chi Minh thought for the rule of law IJRDO- Journal Of Education Research, Volum – 3/ Issue -7/ July,2018, ISSN : 2456-2947, page : 12-21, 2018
10. Nguyễn Thị Thu Hằng, People's rights in the 1946 Constitution and the Deverlopment of the 2013 Constitution in Viet nam, Journal of Educational Research/ Volume – 4/Issue-3/April,2019/ ISSN : 2456-2947, page : 25-33, 2019.
11. Nguyễn Thị Thu Hằng, Ho Chi Minh's Ideology on a Democratic State, SSHJ - VOL-03, ISSUE-05, 2019 Page no. 1142-1145, page: 1142-1145, 2019.

- *Các sách phục vụ đào tạo đã xuất bản*

1. Nguyên lý kinh tế chính trị của chủ nghĩa Mác – Lênin, Loại sách chuyên khảo, ISBN 978-604-65-4225-4, Năm XB 2019, NXB Lao động – xã hội, Đồng chủ biên.

2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về cách mạng giải phóng dân tộc – một số vấn đề lý luận và thực tiễn, Loại sách chuyên khảo, Năm XB 2019, NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật, Đồng chủ biên.

Người khai

Nguyễn Thị Thu Hằng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR

College of Social Sciences and Humanities

Confers

THE DEGREE OF MASTER

In:

Politics Science

Upon:

Nguyen Thi Thu Hang

Date of birth:

July 10, 1983

Place of birth:

Ha Noi



Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

Ngành:

Chính trị học

Cho:

Nguyễn Thị Thu Hằng

Sinh ngày:

10/07/1983

Tại:

Ha Noi

Date of birth:

July 10, 1983

Place of birth:

Ha Noi

Hà Nội, ngày 02 tháng 06 năm 2009

HIỆU TRƯỞNG



GS. TS. Nguyễn Văn Khánh

140472009

Số QĐ cấp bằng: 567/QĐ-ĐHVN-CH&SH

Số hiệu bằng: QM 008636

140472009

Số vào sổ: 02/CT/2009

Số hiệu bằng: QM 008636

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Phạm Thị Cẩm Ly

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Lý luận Chính trị

Tel:0978171666

E-Mail :ptcamly80@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Số 16, tổ 7, phường Đồng

Quang, tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- 2009, Thạc sỹ, Chính trị học, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh;
- 2005 – 2007, Cử nhân (văn bằng 2) Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, Học viện Báo Chí & Tuyên truyền.

Quá trình công tác

Năm 2003: Cán bộ VP khoa Mác-Lênin ĐH Sư phạm TN;

Năm 2005-2007: học văn bằng 2 (chính quy tập trung) chuyên ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền nhà nước, tại Học viện Báo Chí & Tuyên truyền HN;

Tháng 12/2007 đến nay: giảng viên bộ môn LLCT .

Môn học giảng dạy: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Lĩnh vực nghiên cứu: triết học, kinh tế, chính trị, văn hóa, lịch sử, pháp luật...

Công bố khoa học tiêu biểu:

- *Sách tham gia biên soạn:*
 1. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Giáo dục và Đào tạo, NXB Lao Động -Xã hội, 2011, Loại sách chuyên khảo.
- *Các bài báo và báo cáo khoa học quốc tế:*
 1. Phạm Thị Cẩm Ly, Morals of Vietnamese student in the context of market economy and international integration, IJRDO – Journal of Educational Research, p. 7-12, 2018.
- *Các bài báo và báo cáo khoa học trong nước*
 1. Phạm Thị Cẩm Ly, Tìm hiểu tư tưởng về con người trong Di chúc để vận dụng xây dựng chính sách xã hội trong thời kỳ đổi mới, Hội thảo KH BM LLCT, tháng 12 – 2014, 2014.
 2. Phạm Thị Cẩm Ly , Tiếp tục áp dụng phương pháp dạy học lấy người học làm trung tâm trong giảng dạy lý luận chính trị, Hội thảo KH Trường ĐHSP, tháng 05 – 2015, 2015.
 3. Phạm Thị Cẩm Ly, Chủ động hội nhập kinh tế quốc tế của nước ta trong tình hình mới, Hội thảo KH BM LLCT, tháng 06 – 2015, 2015.

4. Phạm Thị Cẩm Ly, "Tư tưởng Hồ Chí Minh về phát huy dân chủ trong môi trường giáo dục", Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN", 11/2015, tr.45-49, 2015.

5. Lương Thị Thúy Nga, Phạm Thị Cẩm Ly, "Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả việc thực hiện dân chủ trong hoạt động giảng dạy và học tập tại trường ĐHKTCN", Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN", 11/2015, tr.101-104, 2015.

6. Phạm Thị Cẩm Ly, "Phát huy tinh thần yêu nước của thanh niên trong xây dựng và bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc", Kỷ yếu Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 12/2015, tr.152-158, 2015.

7. Phạm Thị Cẩm Ly, Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí ở trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học Công nghệ 2017, tr. 281-285, 2017.

8. Phạm Thị Cẩm Ly, Triết học Mác-Lênin: Từ con người đến con người và ý nghĩa của vấn đề này trong việc phát triển nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay, Tạp chí Môi Trường và Xã hội, T6/2018.

9. Phạm Thị Cẩm Ly, Tìm hiểu một số nguyên tắc hoạt động của bộ máy Nhà nước trong Hiến pháp 1946, Tạp chí Dân tộc số 207, T6/ 2018.

10. Phạm Thị Cẩm Ly, *Vận dụng tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục đạo đức cho thanh niên trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*, Tạp Chí Khoa học Đại học Tân Trào (Số 09 – 9/2018), T9/ 2018.

Người khai

Phạm Thị Cẩm Ly

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE DIRECTOR OF

HO CHI MINH NATIONAL ACADEMY OF POLITICS AND
PUBLIC ADMINISTRATION

confers

THE DEGREE OF MASTER

OF ARTS IN POLITICS

Upon: (Mr./Ms)

Phạm Thị Cẩm Ly

Born on:

06 / 5 / 1980

Given under the seal of

Hồ Chí Minh National Academy of Politics and Public Administration

Serial number:

Reference number:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIAM ĐỐC

HỌC VIỆN CHÍNH TRỊ - HÀNH CHÍNH QUỐC GIA HỒ CHÍ MINH

cấp

BẰNG THẠC SĨ

CHÍNH TRỊ HỌC

Cho:

Phạm Thị Cẩm Ly

Sinh ngày

06 / 5 / 1980

Hà Nội, ngày 06 tháng 7 năm 2012

GIÁM ĐỐC



Số hiệu: **A 033929**

Số vào sổ cấp bằng: 2012/704

GS.TS. Trần Ngọc Tấn

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Ngô Thị Phương Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Bộ môn Lý luận Chính trị

Tel: 098 1155282

E-Mail : ngophuongthao@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Bộ môn LLCT – Trường

ĐHKTCN - ĐHTN



Quá trình đào tạo

- Năm 2013 – 2015; Thạc sĩ, ngành Hồ Chí Minh học; Trường đào tạo: Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Năm 2017 – 2011; Đại học, chuyên ngành đào tạo Tư tưởng Hồ Chí Minh, Trường đào tạo: Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Quá trình công tác:

T9/2012 – T8/2013: Giảng viên - Khoa Khoa học cơ bản - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên;

T9/2013 – nay: Giảng viên - Bộ môn Lý luận Chính trị - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Đại học Thái Nguyên.

Lĩnh vực nghiên cứu: Hồ Chí Minh học – Chuyên ngành TTHCM.

Công bố khoa học tiêu biểu

- *Sách tham gia biên soạn:*

TTHCM về cách mạng giải phóng dân tộc – một số vấn đề lý luận và thực tiễn, NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2019, Loại sách chuyên khảo.

- *Các bài báo và báo cáo khoa học quốc tế:*

1. Ngô Thị Phương Thảo, Bản thân nhà giáo dục cần phải được giáo dục trước xu thế hội nhập của giáo dục Việt Nam, Hội thảo quốc tế “ Phát triển năng lực nghề nghiệp cho GV và cán bộ quản lý giáo dục: xu hướng Việt Nam và thế giới”, 197 – 208, 2016.

2. Ngô Thị Phương Thảo, Developing high quality labour force in Viet Nam in the 4th industrial revolution’s background, Hội thảo khoa học quốc tế: “Cách mạng công nghiệp 4.0: cơ hội và thách thức đối với phát triển kinh tế Việt Nam”, tập 2, 282 –293, 2018.

3. Ngô Thị Phương Thảo, Ho Chi Minh’s political perspective on the Viet Nam – Americal relationship for the purpose of independence and freedom in the period of 1945 – 1946, IJRDO-Journal of Educational Research, 16 -25, 2018.

4. Ngô Thị Phương Thảo và cộng sự, Improving quality in scientific research activities for the force of teachers in universities nowadays, Hội thảo khoa học quốc tế: Chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục trong bối cảnh hiện nay: xu hướng Việt Nam và thế giới”, tr. 877 – tr. 885, 2018.

5. Ngô Thị Phương Thảo, Using e-learning in higher education in vietnam in the context of the fourth industrial revolution, Hội thảo khoa học quốc tế: Tự chủ hoạt động khoa học công nghệ tại các trường đại học đáp ứng yêu cầu của cách mạng công nghiệp 4.0”, tr. 451 – tr. 459, 2019.

- Các bài báo và báo cáo khoa học trong nước:

1. Ngô Thị Phương Thảo, Cơ sở hình thành tư tưởng Hồ Chí Minh về dân tộc, Hội thảo BMLLCT: “Tư tưởng Hồ Chí Minh về công tác dân vận và vận dụng trong nhà trường”, 13 – 21, 2013.

2. Ngô Thị Phương Thảo, Vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành lập Đảng Cộng Sản Việt Nam, Hội nghị khoa học trẻ Đại học Thái Nguyên lần thứ II - năm 2014, 1-4, 2014.

3. Ngô Thị Phương Thảo, Tư tưởng nhân văn đạo đức trong "Di chúc" của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Hội thảo BMLLCT: “ 45 năm thực hiện Di chúc của chủ tịch Hồ Chí Minh”, 26-32, 2014.

4. Ngô Thị Phương Thảo, Đổi mới phương pháp dạy và học các môn lý luận chính trị, Hội thảo khoa học : “Dạy học các môn LLCT trong trường đại học đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông”, 143 -145, 2015.

5. Ngô Thị Phương Thảo, Tính cấp thiết của việc đổi mới tư duy kinh tế, Hội thảo khoa học: “ Quá trình đổi mới tư duy kinh tế tại tỉnh Thái Nguyên giai đoạn từ năm 2001 đến nay, 5-8, 2015.

6. Ngô Thị Phương Thảo, "Quán triệt tinh thần dân chủ trong giáo dục của Hồ Chí Minh tại trường ĐHKTCN, Hội thảo BM LLCT "Những giải pháp nhằm nâng cao việc thực hiện dân chủ trong giáo dục tại trường ĐHKTCNTN", 68-71, 2015.

7. Ngô Thị Phương Thảo, "Quán triệt tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và toàn vẹn lãnh thổ trong xây dựng, bảo vệ biển đảo hiện nay", Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 125-131, 2015.

8. Ngô Thị Phương Thảo, "Trung Quốc tiến hành hoạt động tôn tạo, xây dựng phi pháp trên các bãi đá ngầm ở quần đảo Trường Sa", Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 65-77, 2015.

9. Ngô Thị Phương Thảo và cộng sự, "Kinh tế biển Việt Nam với quá trình hội nhập và phát triển của đất nước", Hội thảo BM LLCT "Vấn đề biển đảo và việc giáo

dục chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay", 108 – 115, 2015.

10. Ngô Thị Phương Thảo, Tư tưởng Hồ Chí Minh về lợi ích quốc gia dân tộc, Tạp chí Cộng sản điện tử, 2016.

11. Ngô Thị Phương Thảo, Tìm hiểu ý nghĩa Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến với sự nghiệp bảo vệ Tổ Quốc hiện nay, Tạp chí Lịch sử Đảng, 77-81, 2016.

12. Ngô Thị Phương Thảo, Tính biện chứng giữa mục tiêu và phương pháp cách mạng trong “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến”, Tạp chí Cộng sản điện tử, 2016.

13. Ngô Thị Phương Thảo và cộng sự, Tầm nhìn của Chủ tịch Hồ Chí Minh trong giải quyết lợi ích chính trị giữa Việt Nam - Hoa Kỳ giai đoạn 1945 – 1946, Tạp chí Cộng sản điện tử, 2017.

14. Ngô Thị Phương Thảo, Xây dựng phong cách tư duy Hồ Chí Minh cho giảng viên trẻ trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên, Hội nghị Khoa học công nghệ trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp, 276 -280, 2017.

15. Ngô Thị Phương Thảo, Quan điểm Hồ Chí Minh về quan hệ giữa phẩm chất chính trị và trình độ chuyên môn của người cán bộ, Hội thảo “ Xây dựng phong cách, tác phong công tác của người đứng đầu của cán bộ, đảng viên trong học tập và làm theo tư tưởng đạo đức, phong cách HCM”, 44-60, 2018.

- *Đề tài KH và CN cấp cơ sở:*

1. “Ý nghĩa của “Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến” (19/12/1946 – 19/12/2016) với việc phát huy tinh thần yêu nước của sinh viên trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp hiện nay, Cấp cơ sở, 2016 2017, Nghiệm thu loại tốt.

Người khai

Ngô Thị Phương Thảo

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

THE DIRECTOR OF
ACADEMY OF JOURNALISM AND COMMUNICATION

confers

THE DEGREE OF MASTER

IN HOCHIMINH STUDIES

Upon: (Mr, Ms) *Ngô Thị Phương Thảo*

Born on: 06 / 09 / 1989

Given under the seal of

Academy of Journalism and Communication

Serial number:
Reference number:

HỮNG THỨC SÀO ĐỎNG BAN CHỈNH
Số chứng thực: 1020 Quyển số: 01
Ngày 19 Tháng 7 Năm 2016
CHỦ TỊCH ỦY BAN XÃ TÂN ĐỨC



ĐÀO VĂN KHƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC
HỌC VIỆN BÁO CHÍ VÀ TUYÊN TRUYỀN

cấp

BẰNG THẠC SĨ

HỒ CHÍ MINH HỌC

Cho: *Ngô Thị Phương Thảo*

Sinh ngày 06 / 09 / 1989

Hà Nội, ngày 24 tháng 04 năm 2015

GIÁM ĐỐC



Số hiệu: A 108711 PGS.TS. Trương Ngọc Nam
Số vào sổ cấp bằng: 1231/2015

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Đồng Thị Linh

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0972994832

E-Mail : dongthilinh.dhktcn@gmail.com

Địa chỉ: An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội



Quá trình đào tạo

2009 - 2011, Thạc sỹ, Thạc sỹ Quang học, ĐH KHTN Hà Nội, Việt Nam;

2003 – 2007, Cử nhân Vật lý, Đại học sư phạm Thái Nguyên, Việt Nam.

Quá trình công tác

8/2007 đến nay, Giảng viên Vật lý, Khoa KHCB – Trường ĐHKTCN

Môn học giảng dạy: Vật lý

Người khai

Đồng Thị Linh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI

RECTOR

VNU University of Science

Confers

THE DEGREE OF MASTER

In: *Physics*

Upon: *Ms. Dong Thi Linh*

Date of birth: *30 March 1985*

Place of birth: *Thai Nguyen*



Award holder's signature

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI

HIỆU TRƯỞNG

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
Cấp

BẰNG THẠC SĨ

Ngành: *Vật lý*

Cho: *Bà Đông Thị Linh*

Sinh ngày: *30/03/1985* Tại: *Thai Nguyen*

Hà Nội, ngày 16 tháng 05 năm 2012



PGS. TS. Bùi Duy Cam

QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: *15005-2012* ngày *22/02/2012*

Số vào sổ: *209/12.TN* Số hiệu bằng: *0N 013521*

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Kiều Thị Khánh

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel:

E-Mail: kieukhanh1981@tnut.edu.vn

Địa chỉ: P Gia Sàng, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2008-2010, Thạc sỹ, Vật lý, ĐH Sư phạm Thái Nguyên;

2010 – 2012, Đại học, Ngôn ngữ Anh, ĐH Ngoại Ngữ - ĐHTN;

2000 – 2004, Đại học, Vật lý, ĐH Sư phạm Thái Nguyên.

Quá trình công tác

2004-2008, Giáo viên, Trường THPTBC Việt Bắc;

2008- nay, GVTH, Trường ĐHKTCN.

Môn học giảng dạy: Vật lý

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Kiều Thị Khánh, Một số giải pháp góp phần nâng cao chất lượng thực hành vật lý đại cương cho sinh viên trường ĐHKTCN-ĐHTN, Tạp chí KH&CN ĐHTN, 2010.
2. Kiều Thị Khánh, Một số biện pháp phát huy tính tự lực của sinh viên khi thực hành thí nghiệm vật lý đại cương, Tạp chí KH&CN ĐHTN, 2011.
3. Kiều Thị Khánh, Tổ chức hoạt động trải nghiệm trong dạy học vật lý 6 theo định hướng giáo dục Stem, Hội thảo khoa học, 2018.
4. Kiều Thị Khánh, Tổng quan về giải pháp dùng pin sạc dung lượng cao để tiết kiệm năng lượng, Tạp chí KH&CN ĐHTN, 77-80, 2017.

Người khai

Kiều Thị Khánh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. Kieu Thi Khanh

Born on **03 September 1981** in *Thai Nguyen*

THE DEGREE OF

MASTER OF EDUCATION

Major: Theory and Methods of Teaching Physics



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **01973**

Reference number: **2815**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

GIÁO DỤC HỌC

Chuyên ngành: Lý luận & Phương pháp dạy học bộ môn Vật lý

Cho bà *Kieu Thi Khanh*

Sinh ngày **03 / 09 / 1981** tại *Thai Nguyen*

Thai Nguyen, ngày 29 tháng 12 năm 2010
GIÁM ĐỐC



Số bìa: **01973**

Nº. **2815**

GS. TS. *Từ Quang Hiến*

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Lê Bích Ngọc

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0978437966

E-Mail: hongngoc966@gmail.com

Địa chỉ: Trung Thành, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2012, thạc sỹ, Toán giải tích, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên;

2007, đại học, cử nhân Toán, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên;

Quá trình công tác

2007-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy: Toán

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Lê Bích Ngọc

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE PRESIDENT OF
THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
MASTER OF MATHEMATICS
Major: Analytics

Upon: Ms. **LE BICH NGOC**
Born on: *08 July 1985* in *Thai Nguyen*

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: 4551

Reference number: **5304**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

TOÁN HỌC
Chuyên ngành: Toán giải tích

Cho bà: **LÊ BÍCH NGỌC**
Sinh ngày: *08/07/1985* tại *Thai Nguyen*

Thai Nguyen, ngày 05 tháng 08 năm 2013
GIÁM ĐỐC



Số học: 4551

Số vào sổ cấp bằng: **5304**

PGS.TS. Đặng Kim Vui

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Ngô Văn Giang

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0979343995

E-Mail: Ngogiangtcn@gmail.com

Địa chỉ: Tổ 24, P Hoàng Văn Thụ, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2011, thạc sỹ, Toán giải tích, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên;

2009, đại học, cử nhân Toán, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

Quá trình công tác

2008-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy: Giải tích cổ điển, Đại số tuyến tính.

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán học.

Công bố khoa học tiêu biểu

- Đăng thức năng lượng và độ trơn cho nghiệm của phương trình Navier – Stokes, Đề tài cấp trường, 2016 – 2017.

- Độ trơn của nghiệm cho phương trình đạo hàm riêng, Đề tài cấp nhà nước, 2014

- Sự tồn tại và độ trơn của nghiệm cho một số lớp phương trình đạo hàm riêng, Đề tài KH&CN cấp nhà nước, 2017.

-

Người khai

Ngô Văn Giang

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE PRESIDENT OF
THAI NGUYEN UNIVERSITY
Confers

THE DEGREE OF
MASTER OF SCIENCE IN MATHEMATICS
Major: Analytics

Upon: Mr. *Ngô Văn Giang*
Born on: *09 December 1986* in *Bắc Giang*

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **2773**
Reference number: **3615**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN
Cấp

BẰNG THẠC SĨ

TOÁN HỌC
Chuyên ngành: Toán Giải tích

Cho ông: *Ngô Văn Giang*
Sinh ngày: *09 / 12 / 1986* tại *Bắc Giang*

Thái Nguyên, ngày 23 tháng 03 năm 2012
GIÁM ĐỐC



Số hiệu: **2773**
Số vào sổ cấp bằng: **3615**

PGS.TS. Đặng Kim Vui

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thanh Tùng

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0982656588

E-Mail: Thanhtung.dhcn@gmail.com

Địa chỉ: P Hoàng Văn Thụ, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2018, thạc sỹ, Vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên;

2009, đại học, Sư phạm vật lý, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

Quá trình công tác

2009-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy: Vật lý.

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý.

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Nguyễn Thanh Tùng

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE RECTOR
THAI NGUYEN UNIVERSITY
UNIVERSITY OF EDUCATION

confers

THE DEGREE OF MASTER OF

SCIENCE IN PHYSICS

Solid State Physics

Upon: Mr. NGUYEN THANH TUNG

Born on: 21 March 1987

Given under the seal of Thai Nguyen University -
University of Education

Serial number: A 5763

Reference number: 332/18

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

cấp

BẰNG THẠC SĨ

VẬT LÝ

Vật lý chất rắn

Cho ông: NGUYỄN THANH TÙNG

Sinh ngày: 21 / 3 / 1987

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 8 năm 2018

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Nguyễn Thị Tính

Số hiệu: A 5763

Số vào sổ cấp bằng: 332/18

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Phương

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0979472770

E-Mail: phuongnt1812@gmail.com

Địa chỉ: P Tân Lập, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2010, thạc sỹ, Toán giải tích, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên;

2006, đại học, Toán, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên.

Quá trình công tác

2006-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy: Toán 1, 2, 3.

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán giải tích.

Công bố khoa học tiêu biểu

- Nguyen Thi Mai Huong, Nguyen Thi Phuong, Combination of Receding Horizon Control and LQR for Twin Rotor MIMO System, SSRG-IJEEE, 2017.

Người khai

Nguyễn Thị Phương

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. Nguyen Thi Phuong
Born on 18 December 1984 in Thai Nguyen

THE DEGREE OF
MASTER OF SCIENCE IN MATHEMATICS
Major: Analytics



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: 01941
Reference number: 2783

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN

Cha mẹ đẻ nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp

BẰNG THẠC SĨ
TOÁN HỌC

Chuyên ngành: Toán Giải tích

Cho bà *Nguyễn Thị Phương*
Sinh ngày 18/12/1984 tại Thai Nguyen

Thai Nguyen, ngày 29 tháng 12 năm 2010

GIÁM ĐỐC



GS. TS. Tô Quang Hiến

Số Mảng: 01941
Nº: 2783

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Thị Thu Hoàn

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0986 681 529

E-Mail: nguyenthithuhoan88@gmail.com

Địa chỉ: P Trung Thành, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2015, thạc sỹ, Vật lý, Trường ĐHKHTN – ĐHQGHN;

2011, đại học, Vật lý, Trường ĐHKHTN – ĐHQGHN.

Quá trình công tác

2012-Nay, Giảng viên, Khoa Khoa học Cơ bản- Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy: Vật lý.

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý.

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Nguyễn Thị Thu Hoàn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



VIETNAM NATIONAL UNIVERSITY, HANOI
RECTOR
VNU University of Science
Confers

ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
HIỆU TRƯỞNG
Trường Đại học Khoa học Tự nhiên
Cấp

THE DEGREE OF MASTER

BẰNG THẠC SĨ

In: Physics
Upon: Ms. Nguyen Thi Thu Hoan
Date of birth: 03 December 1988
Place of birth: Ha Noi

Ngành: Vật lý
Cho: Bà Nguyễn Thị Thu Hoàn
Sinh ngày: 03/12/1988 Tại: Hà Nội



Hà Nội ngày 06 tháng 4 năm 2015
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN
HIỆU TRƯỞNG

Award holder's signature

PGS.TS Nguyễn Văn Nội
QĐ công nhận học vị và cấp bằng số: 491/15/ĐH-KHTN ngày 06/02/2015
Số vào sổ: 449/15/ĐHKTN Số hiệu bằng: 0N 022648

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Phạm Minh Tân

Học vị: Tiến sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0989057446

E-Mail: tanpm@tnu.edu.vn

Địa chỉ: X. Quyết Thắng, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2016, tiến sỹ, Vật lý chất rắn, Viện Vật lý – Viện HLKH&CN VN;

2005, thạc sỹ, Vật lý vô tuyến, Trường ĐHKHTN – ĐHQGHN;

2001, đại học, Vật lý, Trường ĐH Sư phạm – ĐHTN.

Quá trình công tác

09/2001-02/2003, Giáo viên, Trường THPT Lê Hồng Phong - Thái Nguyên;

03/2003-05/2006, Giảng viên, Khoa Khoa học Tự nhiên - Đại học Thái Nguyên;

06/2006-11/2008, Phó Trưởng bộ môn, Khoa Khoa học Tự nhiên và Xã hội - Đại học Thái Nguyên;

11/2008-08/2011, Phó Trưởng bộ môn, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên;

09/2011-09/2017, Phó Trưởng phòng Đào tạo, Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên;

09/2017-10/2017, Giảng viên, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên;

10/2017-Nay, Trưởng khoa, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy: Vật lý đại cương 1, Vật lý đại cương 2, Kỹ thuật số, Vật lý kỹ thuật, Vẽ kỹ thuật, Công nghệ nano và ứng dụng, Ứng dụng công nghệ nano trong y - sinh học, Công nghệ nano và ứng dụng.

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Sách tham khảo, Tài liệu hướng dẫn Thí nghiệm Vật lý đại cương, NXB Đại học Thái Nguyên, 2019.

2. P.T. Tho, C.T.A. Xuan, T.N. Bach, D.N.H. Nam, P.M. Tan, L.T. Ha, Microwave absorption properties of La_{1.5}Sr_{0.5}NiO₄-based nanocomposites, Journal of Alloys and Compounds; Volume 805 (SCI-IF: 4.175, Q1), 1231-1236, 2019.

3. V.T.K. Lien, P.M. Tan, N.T. Hien, V.X. Hoa, T.T.K. Chi, N.X. Truong, V.T.K. Oanh, N.T.M. Thuy, N.X. Ca, Tunable photoluminescent Cu-doped CdS/ZnSe type-II core/shell quantum dots, *Journal of Luminescence* (SCI-IF: 2.961, Q2), 116627, 2019.
4. H.T. Van, N.D. Vinh, P.M. Tan, Thuy U.T.D., N.X. Ca, N.T. Hien, Synthesis and optical properties of tunable dual emission copper doped CdTe_{1-x}Se_x alloy nanocrystals, *Optical Materials* (SCI-IF: 2.687, Q2), 109392, 2019.
5. N. X. Ca, N.T. Hien, P. M. Tan, T. L. Phan, L. D. Thanh, P. V. Do, V. T. K. Lien, and N. Q. Bau, Tunable Dual Emission in Type-I/Type-II CdSe/CdS/ZnSe Nanocrystals, *Journal of Alloys and Compounds*; Volume 791 (SCI-IF: 4.175, Q1), 144-151, 2019.
6. N.X. Ca, N.T. Hien, P.N. Loan, P. M. Tan, U.T.D. Thuy, T.L. Phan and Q.B. Nguyen, Optical and Ferromagnetic Properties of Ni-Doped CdTeSe Quantum Dots, *Journal of Electronic Materials*; Volume 48, Issue 4 (SCI-IF: 1.548, Q2), 2593–2599, 2019.
7. N. X. Ca, N. T. Hien, N. T. Luyen, P. M. Tan, Near-Infrared Emitting Type-II CdTe/CdSe Core/Shell Nanocrystals: Synthesis and Optical Properties, *Proceedings of the International Conference, ICERA 2018*, 398-407, 2019.
8. Van Huu Tap, Nguyen Lan Huong, Kieu Quoc Lap, Do Van Huong, Nguyen Thi Tuyet, Pham Minh Tan, Vu Xuan Hoa and Trinh Van Tuyen, Primary treatment of persistent organic compounds and color from landfill leachate using coagulation for subsequently ozonation process, *Proceedings of Vietnam – Japan Science and Technology Symposium 2019 (VJST2019)*, 66-69, 2019.
9. M. T. Pham, N. X. Ca, P. N. Loan, N. Tran, B. T. Huy, N. T. Dang, T. L. Phan, Electronic Structure and Ferromagnetism in Zincblende Zn_{1-x}Cox S Nanoparticles, *Journal of Superconductivity and Novel Magnetism*, 2018.
10. Hong Nhung Tran, T.H.L. Nghiem, T.T.D. Vu, V.H. Chu, Q.H. Le, T.M.N. Hoang, L.T. Nguyen, D.M. Pham, K.T. Tong, Q.H. Do, D. Vu, T.N. Nguyen, M.T. Pham,... Optical nanoparticles: synthesis and biomedical application, *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology*, 2015.
11. Hong Nhung Tran, T.H.L. Nghiem, T.T.D. Vu, Minh Tan Pham..., Dye-doped silica-based nanoparticles for bioapplications, *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology*, 2013.
12. Chu Viet Ha, J. C. Brochon, Pham Minh Tan, Nghiem Thi Ha Lien and Tran Hong Nhung, Effect of surface plasmon from gold nanoparticles on fluorescence emission of dye-doped nanoparticles, *Advances in optics, photonics, spectroscopy and applications VII*, 561-569, 2013.
13. Minh Tan Pham, Thi Van Nguyen, Thuy Duong Vu Thi, Ha Lien Nghiem Thi,

Kim Thuan Tong, Thanh Thuy Tran, Viet Ha Chu, Jean-Claude Brochon and Hong Nhung Tran, Synthesis, photophysical properties and application of dye doped water soluble silica-based nanoparticles to label bacteria *E. coli* O157:H7, *Advances in Natural Sciences: Nanoscience and Nanotechnology*, 2012.

14. Chu Viet Ha, Emmanuel Fort, Nghiem Thi Ha Lien, Pham Minh Tan, Vu Thi Thuy Duong, Do Quang Hoa and Tran Hong Nhung, Energy transfer between nanoparticles, *Proceedings, The 3rd International Workshop on Nanotechnology and Application - IWNA 2011*, 2011.

15. P.M. Tan, V.T.T Duong, T.T. Trang, T.T. Thuy, L.T.T. Xuan, N.M. Huyen, N.T.H. Lien, C.V. Ha, V. Duong, T.K. Thuan, D.Q. Hoa, L.Q. Huan and T.H. Nhung, Biochemically functionalized fluorescent silica-based Nanoparticles for bioanalysis, *Proceedings, The 3rd International Workshop on Nanotechnology and Application - IWNA 2011*, 2011.

16. Vu Thi Thuy Duong, Chu Viet Ha, Tran Thanh Thuy, Nguyen Thi Van and Pham Minh Tan, Synthesis optical properties and bioapplications of ormosil nanoparticles, *The first academic conference on natural science for master and PhD students from Cambodia – Laos – Vietnam, Laos*, 2011.

17. Nguyễn Xuân Ca, Nguyễn Thị Hiền, Lê Đắc Duẩn, Trần Thị Hồng Gấm, Nguyễn Thị Thảo, Vũ Thúy Mai, Vũ Hồng Tuấn, Phạm Minh Tân, Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của nano tinh thể bán dẫn CdS pha tạp Cu, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*; Tập 190, Số 14, 31-39, 2018.

18. Nguyễn Xuân Ca, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Luyến, Phạm Trường Thọ, Phạm Minh Tân, Vương Thị Kim Oanh, Phan Văn Độ, Chế tạo và nghiên cứu cấu trúc, tính chất quang của các nano tinh thể CdS pha tạp Ni, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*; Tập 190, Số 14, 41-48, 2018.

19. Vũ Xuân Hòa, Phạm Minh Tân, Phạm Thị Thu Hà, Nguyễn Văn Đông, Lô Thị Huế, Nguyễn Mạnh Quyền, Hoàng Cao Nguyên, Phan Thanh Phương, Ảnh hưởng của thời gian chiếu led xanh lên sự phát triển của hạt nano bạc bằng phương pháp phổ hấp thụ plasmon, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*; Tập 190, Số 14, 3-8, 2018.

20. Vũ Xuân Hòa, Emmanuel Fort, Dương Thị Thanh Trà, Nguyễn Văn Hảo, Phạm Thị Thu Hà, Phạm Minh Tân, Xác định các thông số động học của các hạt nano vàng bán nguyệt đơn nhất, *Tạp chí Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Quân sự*, 2017.

21. Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Xuân Ca, Phạm Minh Tân, Nguyễn Trung Kiên, Nguyễn Thị Mây, Vũ Đình Lãm, Mở rộng dải tần từ thẩm âm dựa trên mô hình lai hóa bậc hai cho cấu trúc đối xứng bằng phương pháp mô phỏng, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ*, Đại học Thái Nguyên, 2017.

22. Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Xuân Ca, Nguyễn Thị Mây, Phạm Minh Tân,

Nguyễn Thanh Tùng, Vũ Đình Lâm, Vai trò của tổn hao lớp điện môi lên sự mở rộng vùng có chiết suất âm sử dụng mô hình lai hóa bậc hai, Tạp chí Khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 2017.

23. Nguyễn Xuân Ca, Nguyễn Thị Hiền, Nguyễn Thị Luyến, Phạm Minh Tân, Nguyễn Xuân Trường, Phan Văn Độ, Lương Duy Thành và Vũ Phi Tuyền, Chế tạo và nghiên cứu tính chất quang của các nano tinh thể hợp kim $\text{CdTe}_{1-x}\text{Sex}$ ($0 \leq x \leq 1$), Hội nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ X, 2017.

24. P.M. Tân, T.T. Trang, T.T. Thủy, N.T.H. Liên, V.T.T. Dương, T.K. Thuận, T.H. Nhung, Chế tạo, nghiên cứu tính chất quang của hạt nano ormosil chứa tâm màu có các nhóm chức năng và ứng dụng đánh dấu sinh học, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 2012.

25. V.T.T. Dương, N.T. Vân, N.T.H. Liên, T.T. Thủy, C.V. Hà, P.M. Tân, Đ.Q. Hòa, T.K. Thuận and T.H. Nhung, Synthesis and characterization of dye doped water soluble functionalized organically modified silica nanoparticle for bio-labeling, Proceeding “Hội Nghị Vật lý chất rắn và Khoa học vật liệu toàn quốc lần thứ 6, Đà Nẵng, 2009”, 2010.

26. T.K. Thuận, T.H. Nhung, T.T. Thủy, P.C. Hoạt, P.M. Tân, Jean Claude Brochon, Patrick Tauc and N.T.T. Ngân, Ứng dụng các hạt nano phát quang vào việc đánh dấu tế bào để phát hiện và giám sát các loại vi sinh vật, Tạp chí Công nghệ Sinh học, 2009.

27. T.H. Nhung, T.K. Thuan, J-C. Brochon, N.Q. Liem, P.T. Nga, N.T. Van, P.M. Tan, T. T. Thuy, P. Tauc, L.T. Ngan, Optical properties and the Use of CdSe Quantum Dots for Biolabeling Applications, Communications in Physics, 2008.

28. Phạm Quốc Triệu, Phạm Minh Tân, Nghiên cứu xác định tọa độ đứt đường cáp thông tin liên lạc, Kỷ yếu Hội nghị vật lý toàn quốc lần thứ VI, 2005.

Người khai

Phạm Minh Tân

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
VIETNAM ACADEMY OF SCIENCE AND TECHNOLOGY
THE DIRECTOR
OF THE INSTITUTE OF PHYSICS

confers
**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN PHYSICS**

Upon: (Mr, Ms) *Mr. Pham Minh Tan*
Born on: *July 10th, 1979* in *Thai Nguyen*

Given under the seal of
The Institute of Physics
This April 11th, 2016

Serial number: **005472**
Reference number: **29/2016**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
VIỆN HÀN LÂM KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM
VIỆN TRƯỞNG
VIỆN VẬT LÝ

Cấp
**BẰNG TIẾN SĨ
VẬT LÝ**

Cho: Ông *Phạm Minh Tân*
Sinh ngày: *10/7/1979* tại *Thái Nguyên*

Hà Nội, ngày 11 tháng 04 năm 2016
VIỆN TRƯỞNG



Số hiệu: **005472** GS.TS. *Lê Hồng Khâm*
Số vào sổ cấp bằng: **29/2016**

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Phạm Thị Ngọc Dung

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0919 993 828

E-Mail: ptndung@tnut.edu.vn

Địa chỉ: P Hoàng Văn Thụ, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2002, thạc sỹ, Phương pháp giảng dạy Vật lý, Trường ĐH sư phạm Thái nguyên;

1994, đại học, Vật lý, Trường ĐH sư phạm Việt Bắc.

Quá trình công tác

1994 đến 2007, Phó phòng công tác học sinh, Trường cao đẳng thương mại và Du lịch;

2007 đến 2015; Phó trưởng bộ môn Vật lý; trưởng phòng thí nghiệm khoa học cơ bản và môi trường, Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp;

2015 đến nay, Trưởng bộ môn Vật lý, Trường Đại học kỹ thuật công nghiệp.

Môn học giảng dạy: Vật lý.

Lĩnh vực nghiên cứu: Vật lý.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyễn Văn Khải, Phạm Thị Ngọc Dung, “Trắc nghiệm khách quan trong kiểm tra đánh giá”, Tạp chí khoa học giáo dục, 2002.

2. Hà Thanh Tùng, Phạm Thị Ngọc Dung, Phạm Thị Hồng Anh, “Kiểm toán năng lượng trong các tòa nhà cao tầng và đề xuất phương án sử dụng năng lượng hiệu quả”, Tạp chí khoa học đại học Thái nguyên, 2013.

3. Phạm Thị Hồng Anh, Phạm Thị Ngọc Dung, “Tìm cấu trúc vận hành tối ưu cho lưới điện phân phối huyện Phú Bình – Thái nguyên”, Tạp chí khoa học đại học Thái nguyên, 2016.

4. Nguyễn Thanh Hà, Phạm Thị Ngọc Dung, “ Mô hình tối ưu hóa sử dụng đồng thời nhiều dạng năng lượng cho khu vực đô thị”, Tạp chí khoa học đại học Thái nguyên, 2017.

5. Phạm Thị Hồng Anh, Phạm Thị Ngọc Dung, Hà Thanh Tùng, “ Tối ưu hóa chi

phí năng lượng thông qua mô hình trung tâm năng lượng- Energy Hub”, Tạp chí khoa học đại học Thái nguyên, 2017.

6. Nguyễn Thanh Hà, Phạm Thị Ngọc Dung, “Mạng năng lượng và sự phát triển trong tương lai”, Tạp chí khoa học đại học Thái nguyên, 2018.

Người khai

Phạm Thị Ngọc Dung



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

GIÁO DỤC HỌC (LL & Phương pháp dạy học Vật lý)

Cho bà: *Phạm Thị Ngọc Dung*

Sinh ngày: **20 / 11 / 1973** tại **Thái Nguyên**

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 12 năm 2003
Giám đốc



Số bằng: 0122

Nº A 002903

PGS. TS. Lê Cao Thắng

THE PRESIDENT OF THaingUYEN UNIVERSITY

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mrs. *Phạm Thị Ngọc Dung*
Born: **20 / 11 / 1973** in **Thái Nguyên**

THE DEGREE OF

MASTER OF EDUCATION

(Theory and Methods of Teaching Physics)



Given under the seal of Thainguyen University
this twenty fourth day of December 2003

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Phạm Thị Thu Hằng

Học vị: Thạc sỹ

Bộ môn: Khoa học cơ bản

Tel: 0915215494

E-Mail: phamthuhang0201@gmail.com.

Địa chỉ: P Quang Trung, Tp Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2003, thạc sỹ, Toán giải tích, Trường ĐH sư phạm Thái nguyên;

2000, đại học, Toán, Trường ĐH sư phạm Thái nguyên.

Quá trình công tác

07/2001 – 10/2002, Giảng viên, ĐH Sư phạm – ĐHTN;

11/2002 – 04/2006, Giảng viên, Khoa KH Tự nhiên – ĐHTN;

5/2006 – 3/2007, Giảng viên, ĐHKT Công nghiệp – ĐHTN;

3/2007 – 9/2008, Giảng viên , Phó trưởng Bộ môn Toán, ĐHKT Công nghiệp – ĐHTN;

9/2008 – 01/2014, Giảng viên, Trưởng Bộ môn Toán, ĐHKT Công nghiệp – ĐHTN;

01/2014 – nay, Giảng viên, Phó Trưởng Khoa, Trưởng Bộ môn Toán, ĐHKT Công nghiệp – ĐHTN.

Môn học giảng dạy: Toán .

Lĩnh vực nghiên cứu: Toán.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Phạm Thị Thu Hằng, Trần Thị Huệ, Ứng dụng lý thuyết xác suất thống kê trong bài toán tính tổng của chuỗi, minh họa bằng phần mềm Matlab, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, (Tập 95, số 7), 137-140, 2012.

2. Phạm Thị Thủy, Phạm Thị Thu Hằng, Nghiệm toàn cục cho bài toán Ellipic suy biến, Tạp chí Khoa học và Công nghệ-ĐH Thái Nguyên Tập 88(12), 211-216, 2011.

3. Phạm Thị Thu Hằng, Vũ Hồng Quân, Điểm bất động ánh xạ trong không gian

Metric kiểu nón, Tạp chí Khoa học và Công nghệ-ĐH Thái Nguyên, 211-216, 2015.

4. Dinh Van Tiep, Pham Thi Thu Hang, The convergence of a sub-series of harmonic series, Tạp chí Khoa học và Công nghệ-ĐH Thái Nguyên Tập 162(02), 177-182, 2017.

Người khai

Phạm Thị Thu Hằng



THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. Phạm Thị Thu Hằng

Born: **02 / 01 / 1979** in **Thái Nguyên**

THE DEGREE OF
MASTER OF SCIENCE IN MATHEMATICS
(Analytics)



Given under the seal of Thainguyen University
this twenty fourth day of December 2004



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ
TOÁN HỌC (Giải tích)

Cho bà: *Phạm Thị Thu Hằng*

Sinh ngày: **02 / 01 / 1979** tại **Thái Nguyên**

Thái Nguyên, ngày 24 tháng 12 năm 2004

Giám đốc



Số bằng: 0355

Nº A / 13891

PGS. TS. Lê Cao Thắng

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Cao Xuân Tuyền

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Khoa: Điện

Tel: 0912512068

E-Mail : tuyenkdmd@gmail.com

Địa chỉ: P. Hoàng Văn Thụ- TP



Thái Nguyên – Thái Nguyên

Quá trình đào tạo

- Từ 2004-2008: Tiến sỹ, tự động hóa, tại trường Đại học Bách Khoa Hà Nội;
- Từ 1999 - 2001, Thạc sỹ, ngành Tự động hóa, tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên;
- Từ 1990 – 1995, Kỹ sư điện, tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Quá trình công tác

- 1995/2002: Giảng viên Khoa Điện, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.
- Từ 2002 đến 2009: Phó bộ môn Thiết bị điện, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.
- Từ 2009 đến 2011: Trưởng phòng, Viện NCPT công nghệ cao về KTCN.
- Từ 2011 đến nay: Giảng viên Khoa Điện, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Môn học giảng dạy: Vật liệu điện, Khí cụ điện, Vi xử lý-vi điều khiển

Lĩnh vực nghiên cứu: Tự động hóa

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Cao Xuân Tuyền, Ứng dụng lý thuyết điều khiển mờ trong điều khiển vector động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu gắn trên bề mặt rotor, Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Thái Nguyên 2(26), 69-75. 2003
2. Cao Xuân Tuyền, Các thuật toán phi tuyến trên cơ sở kỹ thuật Backstepping điều khiển máy điện dị bộ nguồn kép trong hệ thống phát điện chạy sức gió, The 6th Vietnam Conference on Automation (6th VICA), 545 – 550. 2005
3. Cao Xuân Tuyền, Kết quả thực nghiệm điều khiển máy điện không đồng bộ nguồn kép trong hệ thống phát điện chạy sức gió áp dụng phương pháp thiết kế phi tuyến backstepping, Tự động hoá ngày nay, chuyên san tháng 12-2006.
4. Cao Xuân Tuyền, Vấn đề khử sai lệch tĩnh và các kết quả thực nghiệm về áp dụng các thuật toán phi tuyến trên cơ sở kỹ thuật Backstepping điều khiển máy điện dị

bộ nguồn kép trong hệ thống phát điện chạy sức gió, Tạp chí khoa học và công nghệ các trường đại học kỹ thuật, (59), 39-44. 2007

5. Cao Xuân Tuyền, Nghiên cứu ảnh hưởng của chế độ làm việc dòng liên tục và gián đoạn máy biến áp đối với bộ nguồn chuyển mạch cao tần, Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Thái Nguyên, 79 – 84. 2016

6. Cao Xuân Tuyền, Áp dụng phương pháp điều khiển Backstepping và bộ điều khiển PID mờ để điều khiển vị trí động cơ chạy thẳng (tuyến tính) xoay chiều bap ha kích thích nam châm vĩnh cửu, Tạp chí khoa học và công nghệ - Đại học Thái Nguyên, 55-60. 2018.

7.

Người khai

Cao Xuân Tuyền



MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of
The Rector of the College of Industrial Engineering
Thai Nguyen University

has conferred on
.....
Mr. Cao Xuân Tuyên.....

the degree of Master of
Engineering



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo đề nghị của

Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
Đại học Thái Nguyên

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤP BẰNG

THẠC SĨ

Kỹ thuật
cho Ông *Cao Xuân Tuyên*

Sinh ngày *25-02-1971* tại *Thanh Hóa*

Hà Nội, ngày *11* tháng *11* năm *2007*.



BỘ TRƯỞNG

THỦ TRƯỞNG

Trần Văn Nhung

Số: *11027*

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee
for the Doctoral Dissertations
held at Hanoi University of Technology

HAS CONFERRED UPON

Mr. Cao Xuân Tuyên
Born 25/02/1971 in Thanh Hoa

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

In Engineering

Given under the seal of the Ministry of Education and Training
this Sixteenth day of July 2008



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước

hợp ngày 25 tháng 03 năm 2008
tại Trường Đại học Bách khoa Hà Nội
CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ

KỸ THUẬT

Cho ông *Cao Xuân Tuyên*
Sinh ngày 25/02/1971 tại Thanh Hoá

Hà Nội, ngày 16 tháng 07 năm 2008
KT: BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Số bảng: **05644**

*Thủ trưởng
Binh Tiến Long*

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Vũ Ngọc Kiên

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Khoa: Điện

Tel: 0976 845 533

E-Mail : kienvn@tnu.edu.vn

Địa chỉ: P. Phan Đình Phùng- TP



Thái Nguyên – Thái Nguyên

Quá trình đào tạo

- Từ 2012-2015: Tiến sỹ tự động hóa, tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên;

- Từ 2008 - 2011, Thạc sỹ ngành Tự động hóa, tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

- Từ 2001 – 2006, Kỹ sư ngành tự động hóa, tại trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên.

Quá trình công tác

- 09/2006 - nay, Giảng viên - Bộ môn Thiết bị điện, Khoa Điện, trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Môn học giảng dạy

- Vật liệu điện
- Khí cụ điện
- Tự động hóa điều khiển thiết bị điện

Lĩnh vực nghiên cứu

- Tự động hóa

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyen Huu Cong, Vu Ngoc Kien, Dao Huy Du, Applying order reduction model algorithm for balancing control problems of two-wheeled mobile robot, Industrial Electronics and Applications (ICIEA), 2013 8th IEEE Conference on, 19-21 June 2013, 1302 - 1307, 2013.

2. Cong Nguyen Huu, Kien Vu Ngoc, Du Dao Huy, Thanh Bui Trung, Researching model order reduction based on Schur analysis, Cybernetics and Intelligent Systems (CIS), IEEE Conference on , 60-65. 2013

3. Cong Huu Nguyen, Kien Ngoc Vu, Hai Trung Do, Model reduction based on triangle realization with pole retention, Applied Mathematical Sciences, Vol. 9, 2015, No. 44, 2187-2196. 2015

4. Nguyễn Hữu Công, Vũ Ngọc Kiên, Đào Huy Du, Nghiên cứu thuật toán giảm bậc theo phương pháp cân bằng, Hội nghị toàn quốc lần thứ III về Ứng dụng Toán học, 2010.
5. Đào Huy Du, Vũ Ngọc Kiên, Vũ Văn Đam, Nguyễn Cường, Nghiên cứu vấn đề giảm bậc mô hình cho hệ thống tuyến tính sử dụng phương pháp cân bằng, Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái nguyên, 97-102. 2010.
6. Nguyễn Hữu Công, Vũ Ngọc Kiên, Đào Huy Du, Nghiên cứu thuật toán giảm bậc mô hình bằng phương pháp cân bằng, Tạp chí khoa học công nghệ các trường đại học kỹ thuật, số 80, 34-39. 2011
7. Vũ Ngọc Kiên, Thiết kế và điều khiển Robot xe đạp tự cân bằng, Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên, tập 162, số 02, 139-145. 2017

Người khai

Vũ Ngọc Kiên

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. Vũ Ngọc Hiến

Born on **07 December 1983** in **Bắc Giang**

THE DEGREE OF

MASTER OF ENGINEERING

Major: Automation



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **02370**

Reference number: **3212**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Tự động hóa

Cho ông *Vũ Ngọc Hiến*

Sinh ngày **07/12/1983** tại **Bắc Giang**

Thái Nguyên, ngày 09 tháng 02 năm 2011
GIÁM ĐỐC



Số bằng: **02370**

Nº. **3212**

GS. TS. Từ Quang Hiến

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Lê Thị Thu Hà

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa: Điện

Tel: 0977 008 928

E-Mail : hahien1977@gmail.com

Địa chỉ: Tổ 10 - P. Trung Thành -

TP Thái Nguyên – Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Năm 2013, Tiến sĩ, ngành đào tạo: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa, Trường đào tạo: Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái nguyên

- Năm 2003, Thạc sĩ, ngành đào tạo: Tự động hóa, Trường đào tạo: Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái nguyên

Từ 1994 - 1999, Kỹ sư ngành Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp, tại Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái nguyên.

Quá trình công tác

- 10/2000 đến 5/2004, Giảng viên, Bộ môn Đo lường và Điều khiển - Khoa Điện - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

- Từ 6/2004 đến 08/2008, Giảng viên, Bộ môn Kỹ thuật điện - Khoa Điện - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

- 9/2008 đến nay, Trưởng bộ môn, Bộ môn Kỹ thuật điện - Khoa Điện - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Môn học giảng dạy

- Cơ sở Lý thuyết mạch 1
- Cơ sở Lý thuyết mạch 2
- Kỹ thuật điện
- Điện dân dụng
- Lý thuyết mạch và tín hiệu

Lĩnh vực nghiên cứu

- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nghiên cứu nâng cao chất lượng hệ truyền động có khe hở, Lê Thị Thu Hà, Đề tài cấp Bộ, 2009.

2. Bài tập Cơ sở Lý thuyết mạch 2 – Nhà xuất bản Khoa học kỹ thuật, 2017.

3. Sử dụng kỹ thuật điều khiển dự báo để cải thiện chất lượng bộ điều khiển PID cho bài toán điều khiển bám bền vững giá trị đặt của các hệ truyền động, Lê Thị Thu Hà, Đề tài cấp Đại học, 2018.

4. Le Thi Thu Ha, Nguyen Hoai Nam, Nguyen Doan Phuoc, PID Adaptive tuning with the principle of receding horizon, Advances in engineering research and application, Proceedings of the International Conference, pp 497-503, 2018.

Người khai

Lê Thị Thu Hà



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

KỸ THUẬT (Tự động hoá)

Cho bà: *Lê Thị Thu Hà*

Sinh ngày: 23 / 03 / 1977 tại Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày 10 tháng 12 năm 2004
Giám đốc



PGS. TS. Lê Cao Thăng

Số bằng: 0313

Nº. A 003085

THE PRESIDENT OF THainguyen UNIVERSITY

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mrs. *Lê Thị Thu Hà*

Born: 23 / 03 / 1977 in *Thai Nguyen*

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
(Automation)



Given under the seal of Thainguyen University
this the tenth day of December 2004

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN ENGINEERING

Upon: Ms. LE THI THU HA

Born on: 23 March 1977 in Thai Nguyen



Given under the seal of Thai Nguyen University

Reference number: 0071

Serial number: 0071

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẰNG TIẾN SĨ
GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đại học
hợp ngày 04 tháng 08 năm 2013 tại Đại học Thái Nguyên

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG
TIẾN SĨ KỸ THUẬT

Cho bà: LÊ THỊ THU HÀ

Sinh ngày: 23 / 03 / 1977 tại Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 11 năm 2013



Quyết định cấp bằng số 1611/QĐ-DHTN

Số vào sổ: 0071

Số bằng: 0071

GS. TS. Đặng Kim Vui

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Đặng Ngọc Trung

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa: Điện

Tel: 0982 252 710

E-Mail: trungcsktd@gmail.com

Địa chỉ: Tổ 8 - P. Đồng Quang -

TP Thái Nguyên – Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Từ 2014 – 2018, Tiến sĩ, Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên.

- Từ 2009 - 2011, Thạc sĩ, Tự động hóa, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên.

- Từ 2002 – 2007, Đại học, Tự động hóa xí nghiệp công nghiệp, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên.

Quá trình công tác

- 8/2007 - nay, Giảng viên - Bộ môn Kỹ thuật điện
- 10/2017 - nay, Phó trưởng Bộ môn Kỹ thuật điện, Khoa Điện

Môn học giảng dạy

- Kỹ thuật điện đại cương
- Cơ sở lý thuyết mạch điện 1
- Logic mờ và ứng dụng
- Trang bị điện thiết bị y tế
- Trang bị điện nhà thông minh

Lĩnh vực nghiên cứu

- Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Đặng Ngọc Trung, Đỗ Trung Hải, Một phương pháp điều khiển Robot dưới tác động của nhiễu bên ngoài, Chuyên san Điều khiển & Tự động hóa, ISSN 1859-0551, số 14, 15-19, 2015.

2. Đặng Ngọc Trung, Đỗ Trung Hải, Đỗ Đức Nam, Tổng hợp bộ điều khiển thích nghi bền vững cho hệ thao tác từ xa với trễ trên kênh truyền là hằng số, Chuyên san điều khiển & Tự động hóa, ISSN 1859 - 0551, số 16, 69-76, 2016

3. Đặng Ngọc Trung, Đỗ Đức Nam, Chiến lược điều khiển Robot chịu ảnh hưởng của nhiễu bất định và các thành phần không mô hình hóa được dựa trên phương pháp

tính momen kết hợp nhận dạng và bù trừ nhiễu, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, Tập 155, số 10, 209-214, 2016.

4. Đặng Ngọc Trung, Phân tích những đặc thù và đề xuất hướng nghiên cứu khi tổng hợp bộ điều khiển hệ Teleoperation SMSS, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, Tập 159, số 14, 187-192, 2016.

5. Đặng Ngọc Trung, Đỗ Trung Hải, Mô hình thực nghiệm điều khiển hệ thao tác từ xa với trễ trên kênh truyền thông là hàng số, Chuyên san Điều khiển & Tự động hóa, ISSN 1859-0551, số 19, 24-30, 2017.

6. Giáo trình Kỹ thuật điện (chủ biên) – Nhà xuất Đại học Thái Nguyên, 2018.

Người khai

Đặng Ngọc Trung

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. Dang Ngoc Trung

Born on **27 October 1984** in **Hoa Binh**

THE DEGREE OF

MASTER OF ENGINEERING

Major: Automation



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **02353**

Reference number: **3225**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Tự động hóa

Cho ông *Dang Ngoc Trung*

Sinh ngày **27 / 10 / 1984** tại **Hoa Binh**

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 02 năm 2011

GIÁM ĐỐC



Số bằng: **02353**

Nº. **3225**

GS. TS. Từ Quang Hiến

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE RECTOR
THAI NGUYEN UNIVERSITY
UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

confers

**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**

IN ELECTRICAL, ELECTRONIC ENGINEERING AND
TELECOMMUNICATION

Control Engineering and Automation

Upon: Mr. DANG NGOC TRUNG

Born on: 27 October 1984

Given under the seal of Thai Nguyen University
University of Technology

Serial number: A 0075

Reference number: 0008

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

cấp

BẰNG TIẾN SĨ

KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ VIỄN THÔNG

Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Cho ông: DẶNG NGỌC TRUNG

Sinh ngày: 27 / 10 / 1984

Thái Nguyên, ngày 30 tháng 11 năm 2017

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: A 0075

Số vào sổ cấp bằng: 0008

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Lê Thị Huyền Linh

Học hàm, học vị: Tiến sĩ

Khoa: Điện

Tel: 0982 847826

E-Mail : huyenlinhktd@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 6 - P. Tích Lương - TP Thái

Nguyên – Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Từ 2009 – 2015, Tiến sĩ kỹ thuật ngành Kỹ thuật Điện khiển và Tự động hóa, tại Trường Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

- Từ 2006 - 2009, Thạc sĩ ngành Tự động hóa, tại Trường Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

- Từ 1999 – 2004, Kỹ sư ngành Điện khí hóa – Cung cấp Điện, tại Trường Đại học Kỹ thuật Công Nghiệp - Đại học Thái Nguyên.

Quá trình công tác

- 11/2004 - 2008, Giảng viên - Bộ môn cơ sở Kỹ thuật Điện

- 2008 – nay, Giảng viên - Bộ môn Kỹ thuật Điện

Môn học giảng dạy

- Cơ sở Lý thuyết Trường Điện từ

- Kỹ thuật Điện Đại Cương

- Cơ sở Lý thuyết mạch 1

- Cơ sở Lý thuyết mạch 2

Lĩnh vực nghiên cứu

- Kỹ thuật Điện, Điều khiển, Thách thức, Nhận dạng

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Lê Thị Huyền Linh, Lại Khắc Lãi, Một phương pháp điều khiển dự báo ứng dụng cho mức nước bao hơi của nhà máy nhiệt điện, Tạp chí Khoa học & Công nghệ, 77 - 81, 2009.

2. Lê Thị Huyền Linh, Nguyễn Thị Mai Hương (2011), "Một phương pháp xây dựng điều khiển dự báo dựa trên mô hình Gauss", *Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, Tập 86, số 10, ISSN 1859 - 2171, tr. 195 – 200.

3. Lê Thị Huyền Linh, Nguyễn Thị Mai Hương (2013), "Sử dụng mô hình mờ Takagi - Sugano để xây dựng mô hình dự báo cho hệ động học phi tuyến", *Tạp*

chí Khoa học Công nghệ - Đại học Thái Nguyên; Tập 102, số 02, ISSN 1859 - 2171, tr. 161 - 167.

4. Lê Thị Huyền Linh, Lại Khắc Lãi, Nguyễn Thị Mai Hương (2013), "Điều khiển

dự báo dựa trên mô hình với tầm dự báo bằng 1", *Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, Tập 112, số 12/2, ISSN 1859 - 2171, tr. 55 - 62.

5. Nguyễn Thị Mai Hương, Lại Khắc Lãi, Mai Trung Thái, Lê Thị Huyền Linh (2013), "Điều khiển dự báo dựa trên ma trận động ứng dụng điều khiển bình phản ứng hóa học có bao làm lạnh (chemical reactor)", *Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, Tập 112, số 12/2, ISSN 1859 - 2171, tr. 49 - 54.

6. N.T Mai Hương, Mai Trung Thái, Lê Thị Huyền Linh, Lại Khắc Lãi (2013), "Nghiên cứu chiến lược tối ưu hóa trong điều khiển dự báo", *Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, Tập 113, số 13, ISSN 1859 - 2171, tr. 115 - 122.

7. . Le Thi Huyen Linh, Lai Khac Lai, Cao Tien Huynh (2014), "A disturbance identification method based on Neural network for a class predictive control system with delay", *Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật*, Tập 101 - ISSN 0868 - 3980, tr. 20 - 24.

8. Lê Thị Huyền Linh, Đặng Ngọc Trung (2014), "Ứng dụng nhận dạng nhiễu trên cơ sở mạng nơron cho bình phản ứng khuấy trộn liên tục", *Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, Tập 122 - số 08, ISSN 1859 - 2171, tr. 137 - 141.

9. Lê Thị Huyền Linh, Lại Khắc Lãi (2014), "Điều khiển dựa trên mô hình dự báo cho một lớp đối tượng có trễ", *Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Thái Nguyên*, Tập 128 - số 11, ISSN 1859 - 2171, tr. 149 - 154.

10. Lê Thị Huyền Linh, Lại Khắc Lãi (2014), "Phương pháp nhận dạng nhiễu phụ thuộc trạng thái trong hệ phi tuyến có trễ", *Chuyên san Điều khiển & Tự động hóa*, số 11, tr. 53 – 57.

11. Ngoc Trung Dang, Huyen Linh Le Thi, A Control Method for Nonlinear Systems Using Combined Sliding Mode Control and RBF Neural Network, SSRG International Journal of Electrical and Electronics Engineering (SSRG-IJEEE) (2018) 11-15

12. Lê Thị Huyền Linh, A Method of Model Reference Adaptive Fuzzy Controller for the Object of Temperature of Resistance Furnace with Changeable Parameters, SSRG International Journal of Electrical and Electronics Engineering (SSRG-IJEEE) -Volume 5 Issue 6 -June 2018 (2019) 1-4

13. Trung Dang Ngoc, Linh Le Thi Huyen, An Improvement of Remote Control Panel for Numerous Electrical Devices in Smart Homes Using RF and Wif, <https://online-journals.org/index.php/i-joe/article/view/11668> (iJOE) - eISSN: 2626-8493

Người khai

Lê Thị Huyền Linh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Ms. *Le Thi Huyền Linh*
Born 01/11/1981 in Thai Nguyen

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
Major: Automation



Given under the seal of Thai Nguyen University
this Twenty fifth day of August 2009

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT
Chuyên ngành: Tự động hóa

Cho bà *Le Thi Huyền Linh*
Sinh ngày 01/11/1981 tại Thái Nguyên

Dân tộc Kinh

Thái Nguyên, ngày 25 tháng 08 năm 2009
Giám đốc



Số bằng: 2132
Nº: 1290

GS. TS. Từ Quang Hiến

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE RECTOR
COLLEGE OF TECHNOLOGY -
THAI NGUYEN UNIVERSITY

confers

**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**

IN ELECTRICAL, ELECTRONIC ENGINEERING AND
TELECOMMUNICATION

Control Engineering and Automation

Upon: Ms. **LE THI HUYEN LINH**

Born on: **01 November 1981**

Given under the seal of College of Technology
Thai Nguyen University

Serial number: **A 0023**

Reference number: **0001**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP -
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

cấp

BẰNG TIẾN SĨ

KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ VIỄN THÔNG

Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Cho bà: **LÊ THỊ HUYỀN LINH**

Sinh ngày: **01 / 11 / 1981**

Thái Nguyên, ngày 11 tháng 12 năm 2015

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **A 0023**

Số vào sổ cấp bằng: **0001**

PGS.TS. Phan Quang Thế

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Dương Quỳnh Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Điện

Tel: 0977 866 253

E-Mail : binhminh11@gmail.com

Địa chỉ: Tổ 5 - P. Tích Lương - TP

Thái Nguyên – Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Từ 2010 - 2013, Thạc sĩ ngành Tự động hóa, tại Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp, Thái Nguyên.

- Từ 2004 – 2009, Kỹ sư ngành Tự động hóa, tại Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp.

Quá trình công tác

- 12/2009 - nay, Giảng viên - Bộ môn Kỹ thuật điện

Môn học giảng dạy

- Kỹ thuật điện đại cương
- Cơ sở lý thuyết trường điện từ

Lĩnh vực nghiên cứu

- Tự động hóa, Kỹ thuật điện

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Dương Quỳnh Nga, Nghiên cứu quá trình điều khiển tần số trong lò trung tần nấu thép sử dụng PLC và biến tần của hãng Siemens, Đề tài cấp cơ sở, 2011.

2. Dương Quỳnh Nga, Thiết kế điều khiển hệ thống điện sử dụng năng lượng mặt trời hòa lưới điện 22kV, Báo cáo Hội nghị khoa học Khoa Điện, 2014.

3. Dương Quỳnh Nga và cộng sự, Mô hình hóa hệ truyền động bánh răng, Báo cáo Hội nghị khoa học Khoa Điện, 2014.

4. Dương Quỳnh Nga, Nghiên cứu quá trình điều khiển tần số trong lò trung tần nấu thép sử dụng PLC và biến tần của hãng Siemens, Báo cáo Hội nghị khoa học Khoa Điện, 2015.

5. Dương Quỳnh Nga, Tổng quan về mức độ giảm thiểu tổn hao trong hệ thống lạnh, Báo cáo Hội nghị khoa học Khoa Điện, 2015.

6. Dương Quỳnh Nga, Thiết kế bộ điều khiển cho hệ thống điện năng lượng mặt trời có dạng điện áp SIN chuẩn đầu ra, Báo cáo Hội nghị khoa học Khoa Điện, 2015.

7. Giáo trình kỹ thuật điện đại cương, Dương Quỳnh Nga (thành viên), Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2018.

Người khai

Dương Quỳnh Nga

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE PRESIDENT OF
THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
Major: Control and Automation Engineering

Upon: Ms. DUONG QUYNH NGA
Born on: 20 November 1985 in Thai Nguyen

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: 4916

Reference number: 5759

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYỄN
Cấp

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Kỹ thuật điều khiển và Tự động hóa

Cho bà: DƯƠNG QUỲNH NGA
Sinh ngày: 20/11/1985 tại Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày 19 tháng 09 năm 2013
GIÁM ĐỐC



Số hiệu: 4916

Số vào sổ cấp bằng: 5759

PGS.TS. Đặng Kim Vui

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Ngô Phương Thanh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Điện tử

Tel: 0915660599

E-Mail: ngophuongthanhdt@tnu.edu.vn

Địa chỉ: Tổ 5 - P. Tích Lương - TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2010 - 2012, Thạc sỹ, Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp, Thái Nguyên.

2010 - 2012, Cử nhân, Viện Đại học mở Hà nội

2000 – 2005, Kỹ sư, Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp, Thái Nguyên.

Quá trình công tác

- 12/2009 - nay, Giảng viên - Bộ môn Kỹ thuật điện

Môn học giảng dạy: Kỹ thuật đo lường điện

Lĩnh vực nghiên cứu

- Tự động hóa, Kỹ thuật điện

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Ngô Phương Thanh

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE PRESIDENT OF
THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
Major: Automation

Upon: Ms. *Ngô Phương Thanh*
Born on: **02 October 1982** in *Thai Nguyen*

Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **3225**

Reference number: **4067**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIÁM ĐỐC
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Cấp

BẰNG THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Tự động hóa

Cho bà: *Ngô Phương Thanh*

Sinh ngày: **02 / 10 / 1982** tại *Thai Nguyen*

Thai Nguyen, ngày 22 tháng 05 năm 2012
GIÁM ĐỐC



Số hiệu: **3225**

Số vào sổ cấp bằng: **4067**

PGS.TS. Đặng Kim Vui

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Phạm Duy Khánh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Điện tử

Tel : 0972992282

E-Mail:

Địa chỉ: P. Trung Thành - TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2010 - 2012, Cử nhân, Viện Đại học mở Hà nội

2005-2007, Thạc sỹ, ĐH Bách Khoa Kyev, Ukraina

2000 – 2005, Cử nhân, ĐH Bách Khoa Kyev, Ukraina

Quá trình công tác

Môn học giảng dạy: Kỹ thuật điện tử số

Lĩnh vực nghiên cứu: Kỹ thuật điện tử

Công bố khoa học tiêu biểu

1 Nguyễn Thị Kim Thoa, Phạm Duy Khánh, Nghiên cứu, chế tạo bộ sạc pin không dây cho điện thoại di động, Tạp chí KH&CN – ĐH Thái Nguyên, 53-58, 2015.

2 Phạm Văn Thiêm, Phạm Duy Khánh, Nguyễn Hoàng Việt HEDGE ALGEBRAS GAIN SCHEDULING OF PID CONTROLLER Tạp chí NCKH và công nghệ quân sự, 61 – 70, 2017.

3 Van Anh Nguyen , Duy Khanh Pham, Van Nam Bach, Phuong Huy Nguyen The design of remote traffic light control system using Raspberry-Pi International Journal of Engineering and Applied Sciences (IJEAS), 68-70, 2018.

4 Duy Khanh Pham, Van Nam Bach The design of multi-function KIT - MULTIBOARDTNUT used at the laboratory of Thai Nguyen University of Technology International Journal of Engineering and Applied Sciences (IJEAS), 39-41, 2018.

Người khai

Phạm Duy Khánh

УКРАЇНА

ДИПЛОМ

МАГІСТРА

ДІ №013261

Цей диплом виданий

Зуї Кань Фам Кань

і засвідчує те, що він (вона) у 2005 році вступив (вступила) до Національного технічного університету України "Київський політехнічний інститут"

і у 2007 році закінчив (закінчила) названий університет

і отримав (отримала) повну вищу освіту за спеціальністю мікроелектроніка і

напівпровідникові прилади

Рішенням Державної екзаменаційної комісії від 14 серпня 2007 року йому/їй

присвоєна кваліфікація магістр з

мікроелектроніки і

напівпровідникових приладів

Даний диплом надає право на самостійне виконання всіх робіт, пов'язаних з отриманою кваліфікацією та спеціальністю.

Державна екзаменаційна комісія

Ректор

Декан факультету

Державний інститут

Державна екзаменаційна комісія

UKRAINE

DIPLOMA

OF MASTER

DI №013261

This is to certify that

Zui Khanh Fam Khanh

was admitted in 2005 to the National Technical University of Ukraine "Kyiv Polytechnic Institute"

and in 2007 completed the above mentioned University

and obtained the complete higher education in speciality Microelectronics and Semiconductor Devices

By the Resolution of the State Examination Commission of June, 14 2007 he/she is

qualified Master of Microelectronics and Semiconductor Devices

He/she is entitled by this Diploma to carry out professional activities of any kind connected with the above-mentioned qualification and speciality.

Chairman of the State Examination Commission

Dean of Faculty

2007

1146

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Bạch Văn Nam

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Điện tử

Tel: 0936665822

E-Mail: bachvannam@tnu.edu.vn

Địa chỉ: P. Tích Lương - TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2008 - 2011, Thạc sỹ, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

2002 – 2007, Kỹ sư, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Quá trình công tác

Môn học giảng dạy: Kỹ thuật điện tử tương tự

Lĩnh vực nghiên cứu: Kỹ thuật điện tử

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Bạch Văn Nam

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY
On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. Bach Van Nam

Born on **10 May 1983** in **Thanh Hoa**

THE DEGREE OF
MASTER OF ENGINEERING
Major: Electronics Engineering



Given under the seal of Thai Nguyen University

Serial number: **02413**

Reference number: **3255**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THAI NGUYỄN
Căn cứ đề nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo, cấp:

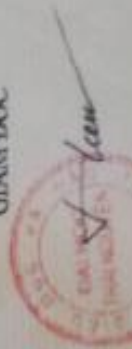
BẰNG THẠC SĨ
KỸ THUẬT

Chuyên ngành: Kỹ thuật điện tử

Cho ông *Bach Van Nam*

Sinh ngày **10/05/1983** tại **Thanh Hóa**

Thai Nguyen, ngày 09 tháng 02 năm 2011
GIÁM ĐỐC



Số bằng: **02413**

Nº: **3255**

GS. TS. Từ Quang Hiến

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Mai Trung Thái

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Khoa: Điện tử

Tel: 0912805540

E-Mail: thaimt@tnu.edu.vn

Địa chỉ: P. Tích Lương - TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2010-2014, Tiến sỹ, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

2010-2012, Cử nhân, Viện Đại học mở Hà nội

2002 - 2005, Thạc sỹ, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

1995 – 2000, Kỹ sư, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

Quá trình công tác

Môn học giảng dạy: Kỹ thuật điện tử tương tự

Lĩnh vực nghiên cứu: Tự động hóa

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Mai Trung Thái, Nguyễn Thị Mai Hương, Điều khiển tối ưu cho một hệ có tham số phân bố sử dụng phương pháp Gradient, Đại học Thái Nguyên 10, 45-52, 2013.
- 2.

Người khai

Mai Trung Thái

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM

THE RECTOR
THAI NGUYEN UNIVERSITY
UNIVERSITY OF TECHNOLOGY

confers

**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**

IN ELECTRICAL, ELECTRONIC ENGINEERING AND
TELECOMMUNICATION

Control Engineering and Automation

Upon: Mr. MAI TRUNG THAI
Born on: 11 May 1977

Given under the seal of Thai Nguyen University
University of Technology

Serial number: A 0154

Reference number: 0013

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

cấp

BẰNG TIẾN SĨ

KỸ THUẬT ĐIỆN, ĐIỆN TỬ VÀ VIỄN THÔNG

Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

Cho ông: MAI TRUNG THAI
Sinh ngày: 11 / 5 / 1977

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2019

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: A 0154

Số vào sổ cấp bằng: 0013

PGS.TS. Nguyễn Duy Cường

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Phương Huy

Học hàm, học vị: Tiến sỹ

Khoa: Điện tử

Tel: 0912488515

E-Mail:

Địa chỉ: P. Trung Thành - TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2007-2014, Tiến sỹ, ĐH Bách Khoa Hà Nội;

2011-2013, Cử nhân, Viện Đại học mở Hà Nội;

2002 - 2004, Thạc sỹ, ĐH Bách Khoa Hà Nội;

1997 – 2002, Kỹ sư, ĐH Bách Khoa Hà Nội.

Quá trình công tác

Môn học giảng dạy: Kỹ thuật điện tử tương tự

Lĩnh vực nghiên cứu: Kỹ thuật viễn thông

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyễn Phương Huy, Ứng dụng logic mờ cho nhận dạng chữ viết tay, Tạp chí Khoa học và Công nghệ ĐH Thái Nguyên (2005) Tr 67-74.
2. Nguyễn Phương Huy, Lê Bá Dũng, Một ứng dụng của hệ di truyền mờ trong bài toán quản lý hàng đợi tích cực Red-AQM, Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Thái nguyên (2010) 68-73.
3. Nguyễn Phương Huy, Lê Bá Dũng, Cải tiến mạng ANFIS bằng giải thuật di truyền, Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Thái nguyên, (2010) 47-51.
4. Nguyễn Phương Huy, Lê Hoàn, Lê Bá Dũng, Ứng dụng giải thuật di truyền mờ trong bài toán quản lý hàng đợi tích cực AQM, Tạp chí khoa học và công nghệ Việt Nam (2010) 13-22.
5. . Nguyễn Phương Huy, Nguyễn Thanh Hà, Ứng dụng kỹ thuật điều chế OFDM (Orthogonal Frequency Division Multiplexing) cho truyền thông trên đường dây điện hạ thế, Tạp chí khoa học công nghệ - Đại học Thái Nguyên 4 (2010) 52-57.
6. Nguyễn Phương Huy, Dương Thị Mai Thương, Một ứng dụng của hệ di truyền mờ trong quản lý hàng đợi tích cực trên mạng TCP/IP, Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự 11 (2012) 212-219.

7. Nguyễn Phương Huy, Nguyễn Thanh Hà, Nghiêm Văn Tính, Xây dựng hệ thống đọc công tơ từ xa qua đường dây điện lực hạ thế AMR _PLC, Tạp chí khoa học công nghệ - Đại học Thái Nguyên 7 (2012) 129-136.

8. Nguyễn Phương Huy, Đào Ngọc Tôn, Nguyễn Thanh Hà, Tích hợp dịch vụ đo và kiểm soát từ xa sử dụng FPGA, Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Thái nguyên 7 (2012) 129-136.

9. Nguyễn Phương Huy, Nguyễn Thanh Hà, Thiết kế hệ thống đọc công tơ từ xa qua đường dây điện lực hạ thế, Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ Quân sự (2012) 132-137.

Người khai

Nguyễn Phương Huy

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Hanoi University of Science and Technology
PRESIDENT

has conferred the Degree of

**DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN TELECOMMUNICATION ENGINEERING**

Upon Mr. *Nguyen Phuong Huy*

Date of Birth: *04 December 1979*

Reference number: TS2014/00184

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

cấp

**BẰNG TIẾN SĨ
KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Cho Ông *Nguyễn Phương Huy*

Ngày sinh: *04/12/1979*

Hà Nội, ngày 28 tháng 8 năm 2014

HIỆU TRƯỞNG



GS. Nguyễn Trọng Trường

Số hiệu: D 000139

Số vào sổ cấp bằng: TS2014/00184

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Văn Chí

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Điện tử

Tel: 0977512217

E-Mail: chinvc@tnu.edu.vn

Địa chỉ: P. Phú Xá - TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2011-2013, Thạc sỹ, ĐH Bách Khoa Hà Nội

2005 – 2010, Kỹ sư, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên

Quá trình công tác

Môn học giảng dạy: Truyền thông công nghiệp và SCADA

Lĩnh vực nghiên cứu:

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Nguyễn Văn Chí

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Hanoi University of Science and Technology
PRESIDENT

has conferred the Degree of

MASTER OF ENGINEERING
IN CONTROL ENGINEERING AND AUTOMATION

Upon Mr. *Nguyen Van Chi*

Date of Birth: *28 August 1985*

Reference number: TH2013/2117

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG

Trưởng Đại học Bách khoa Hà Nội
cấp

BẰNG THẠC SĨ KỸ THUẬT
KỸ THUẬT ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

Cho Ông *Nguyễn Văn Chí*

Ngày sinh: *28/08/1985*

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2013

HIỆU TRƯỞNG



Số hiệu: **MC01217**

Số vào sổ cấp bằng: TH2013/2117

GS. Nguyễn Trọng Giảng

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Nam Trung

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Khoa: Điện tử

Tel: 0978475599

E-Mail:

Địa chỉ: P. Phú Xá - TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2005-2008, Thạc sỹ, ĐH Bách Khoa Hà Nội

2002 – 2006, Cử nhân, Đại học mở Hà Nội

1987-1992, Kỹ sư, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái nguyên

Quá trình công tác

Môn học giảng dạy: Kỹ thuật đo lường điện

Lĩnh vực nghiên cứu:

Công bố khoa học tiêu biểu

- 1 Nguyễn nam Trung, Lại khắc Lãi, Nguyễn văn Hòa, Một phương pháp thiết kế bộ điều khiển thông minh, Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên (2004) 44 - 50 .
- 2 Nguyễn Hữu Công, Nguyễn nam Trung, Nghiên cứu hệ thống đọc Công tơ từ xa AMR, Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên 36 (2005) 42 – 46.
- 3 Nguyễn văn Chí, Nguyễn nam Trung, Một phương pháp thiết kế bộ điều khiển thích nghi kháng nhiễu, Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên 37 (2006) .
- 4 Nguyễn Nam Trung, Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Mạnh Tường, Ứng dụng phương pháp phần tử hữu hạn giải bài toán điều khiển quá trình nung kim loại, Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên (2009) 65-70.
- 5 Nguyễn Nam Trung, Nguyễn Văn Hòa, Nguyễn Mạnh Tường, Phương pháp điều khiển tối ưu cho hệ tham số phân bố có trễ ứng dụng trong công nghiệp nung kim loại, Tạp chí Khoa học & Công nghệ Viện khoa học và Công nghệ Việt Nam 48 (2010) 780-789.

Người khai

Nguyễn Nam Trung



MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the recommendation of
Rector of Hanoi University of Technology

has conferred on

Mr. *Nguyen Nam Trung*

The degree of Master of
Engineering



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo đề nghị của

Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤP BẰNG

THẠC SĨ

Tự thuật

Cho ông *Nguyen Nam Trung*

Sinh ngày 02.01.1971 tại *Đầu Ngòi*

Hà Nội ngày 24 tháng 7 năm 1998

BỘ TRƯỞNG



Số: 8177

THỦ TRƯỞNG
Đinh Ngọc Hải

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Nguyễn Văn Chí

Học hàm, học vị: PGS.TS

Khoa: Điện tử

Tel: 0944122388

E-Mail: ngchi@tnu.edu.vn

Địa chỉ: P. Đồng Quang - TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

2006-2012, Tiến sỹ, ĐH Bách Khoa Hà Nội

2003-2005, Thạc sỹ, ĐH Bách Khoa Hà Nội

1995-2000, Kỹ sư, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái nguyên

Quá trình công tác

Môn học giảng dạy: Truyền thông công nghiệp và SCADA

Lĩnh vực nghiên cứu:

Công bố khoa học tiêu biểu

Người khai

Nguyễn Văn Chí

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Hanoi University of Science and Technology
PRESIDENT

has conferred the Degree of

DOCTOR OF PHILOSOPHY
IN CONTROL ENGINEERING AND AUTOMATION

Upon Mr. *Nguyen Van Chi*

Date of Birth: 13 December 1977

Reference number: TS2012/00059

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



HIỆU TRƯỞNG
Trường Đại học Bách khoa Hà Nội

cấp

BẰNG TIẾN SĨ
ĐIỀU KHIỂN VÀ TỰ ĐỘNG HÓA

Cho Ông *Nguyễn Văn Chí*

Ngày sinh: 13/12/1977

Hà Nội, ngày 29 tháng 06 năm 2012

HIỆU TRƯỞNG



ps. Nguyễn Trọng Giang

Số hiệu: D 000033

Số vào sổ cấp bằng: TS2012/00059

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Mo Eun Young

Giáo sư

Sinh ngày: 27.4.1984

Địa chỉ: 106-506, Woosung Apartment, Baekjedae-ro
13, Wansan-gu, Jeonju, Jeombuk, Republic of Korea.

Tel. 063- 220- 2252

HP: 010- 8601- 3113

E-mail: dmsdud0427@naver.com



Trình độ đào tạo

- 2008 Đại học, Tiếng Trung, Đại học Quốc gia Chonbuk;
- 2013 Thạc sỹ, Tiếng Trung, Đại học Quốc gia Chonbuk;
- 2017 Tiến sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju.

Giấy phép, Giấy chứng nhận

2017 Giấy phép trở thành giáo viên tiếng Hàn được cấp bởi Viện ngôn ngữ quốc gia Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- 2008 – 2012, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Nghệ thuật Yewon;
- 2013 – 2017, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju;
- 2017- nay: Giáo sư chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Choi Kyeong Bok

Giáo sư

Sinh ngày: 8.5.1972

Địa chỉ: 201-1504 Dongsin 2nd Apartment, Wansan-gu, Jeonju, Jeonbuk, Republic of Korea.

Tel. 063- 220- 2385

HP: 010- 2608- 8478

E-mail: diberial53@hanmail.net



Trình độ đào tạo

- 1999 Đại học, Tiếng Trung, Đại học Quốc gia Chonbuk;
- 2013 Thạc sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Quốc gia Kunsan;
- 2018 Tiến sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju.

Giấy phép, Giấy chứng nhận

2013 Giấy phép trở thành giáo viên tiếng Hàn được cấp bởi Viện ngôn ngữ quốc gia Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- 2007 – 2010, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Khoa học Sức khỏe Wonkwang;

- 2014 – 2017, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Quốc gia Kunsan;

Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju;

- 2017 – nay: Giáo sư chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Song Jee Young

Giáo sư

Sinh ngày: 22.9.1984

Địa chỉ: 608-503 Jugong Apartment, 11
Samcheoncheonbyeon 1-gil, Wansan-gu, Jeonju, Jeonbuk,
Republic of Korea.

Tel. 063- 220- 2189

HP: 010- 2631- 5118

E-mail: lemontri@jj.ac.kr



Trình độ đào tạo

- 1997 Đại học, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju.
- 2000 Thạc sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju;
- 2006 Tiến sỹ, Ngôn ngữ và văn học Hàn Quốc, Đại học Jeonju.

Giấy phép, Giấy chứng nhận

1997 Giấy phép trở thành giáo viên tiếng Hàn được cấp bởi Bộ giáo dục tại Hàn Quốc

2016 Giấy phép trở thành giáo viên tiếng Hàn được cấp bởi Viện ngôn ngữ quốc gia Hàn Quốc

Quá trình công tác

- 2003 – 2004, Giảng viên chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Giáo viên Hàn Quốc tại Đại học Maha saralham ở Thái Lan.

- 2004 – 2005, Giảng viên chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Giáo viên Hàn Quốc tại Đại học Nakhon Pathom.

- 2006 – nay: Giáo sư chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Hong Ro Ra

Giáo sư

Sinh ngày: 19.10.1966

Địa chỉ: 209-202 Expo Apartment, 448 Expo-ro,
Jeonmin-dong, Yuseong-gu, Daejeon Metropolitan City,
Republic of Korea.

Tel. 063- 220- 2252

HP: 010- 6888- 9979

E-mail: flora2919@hanmail.net



Trình độ đào tạo

- 2005 Đại học, Văn học Anh, Đại học Paichai.
- 2011 Thạc sỹ, Giáo dục Hàn Quốc, Đại học Paichai;
- 2016 Tiến sỹ, Giáo dục Hàn Quốc, Đại học Paichai.

Giấy phép, Giấy chứng nhận:

2012 Giảng viên đa văn hóa, Tư vấn đa văn hóa

2017 Giáo viên dạy tiếng Hàn được cấp bởi Bộ Giáo dục tại Hàn Quốc

Quá trình công tác

- 2011 – 2012, Giảng viên không chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc và Anh, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Hanmin.
- 2011 – nay, Giảng viên chính thức, Giảng dạy tiếng Hàn Quốc, Trung tâm Giáo dục Ngôn ngữ Hàn Quốc tại Đại học Jeonju.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

In-gab Hwang

Giáo sư

Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử

Tel: +82) 63-220-2656

Tel: +82) 10-2723-2656

E-mail: igh@jj.ac.kr

Quá trình đào tạo

- Tiến sỹ, 1992 Khoa Kỹ thuật Điện, Đại học bang Arizona, Hoa Kỳ;
- Thạc sỹ, 1983 Khoa Kỹ thuật Điện Yonsei Univesity, Hàn Quốc;
- Đại học, 1981 Khoa Kỹ thuật Điện Yonsei Univesity, Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- Giáo sư Đại học Jeonju (1995 ~ hiện tại) ;
- Nghiên cứu viên cao cấp của ETRI, Hàn Quốc (1993 ~ 1995);
- Nghiên cứu viên cao cấp của Samsung Electronics, Hàn Quốc (1984 ~ 1986).

Hoạt động

- Thành viên Viện Kỹ thuật Điện Hàn Quốc;
- Thành viên Viện Kỹ thuật Điện tử Hàn Quốc.

Môn học giảng dạy

Circuit Theory, Electronic Circuit, Semiconductors, Microwaves, Renewable Energy.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Truyền tải điện không dây;
- RFIC.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Yong-seok Jeon

Giáo sư

Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử

Điện thoại: +82) 63-220-2515

Điện thoại: +82) 10-8649-8256

E-mail: yjeon@jj.ac.kr

Quá trình đào tạo

- Ph. D., 1991 Khoa Vật lý Rutgers-Bang NJ-NB, U.S.A;
- Thạc sỹ, 1985 Khoa Vật lý Trường Hunters College/CUNY, Hoa Kỳ;
- Đại học, 1981 Khoa Vật lý Trường Đại học Yonsei, Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- Giáo sư Đại học Jeonju (1992 ~ hiện tại);
- Nghiên cứu viên của Phòng thí nghiệm quốc gia Brookhave. (1991 ~ 1992).

Hoạt động

- Thành viên Hiệp hội Vật lý Hàn Quốc;
- Thành viên của Korean Vacuum Society.

Môn học giảng dạy

General Physics, Digital Electronics, Microcomputer, Electronic Circuit lab., VLSI Design.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Vật lý ứng dụng;
- Vật lý chất rắn;
- Ứng dụng của vi điều khiển.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Joon-Young Choi

Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử

Điện thoại: +82) 63-220-2657

Điện thoại: +82) 10-3677-6263

E-mail: joon@jj.ac.kr

Quá trình đào tạo

- Ph. D., 1994 Khoa Kỹ thuật Điện Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc;
- Thạc sỹ, 1988 Khoa Kỹ thuật Điện Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc;
- Đại học, 1986 Khoa Kỹ thuật Điện Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- Giáo sư Đại học Jeonju (1996 ~ hiện tại);
- Nghiên cứu viên cao cấp của LG Electronics, Hàn Quốc (1994 ~ 1996).

Hoạt động

- Thành viên Viện Kỹ thuật Điện Hàn Quốc;
- Thành viên của IEEE.

Môn học giảng dạy

Power System Engineering, Fundamentals of Engineering Design.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Smartgrid;
- Kinh tế điện lực.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Song-Keun Lee

Giáo sư

Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử

Điện thoại: +82) 63-220-2723

Điện thoại: +82) 10-2943-9774

E-mail: songklee@jj.ac.kr

Quá trình đào tạo

- Ph. D., 1997 Khoa Kỹ thuật Điện Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc;
- Thạc sỹ, 1991 Khoa Kỹ thuật Điện Đại học Quốc gia Seoul, Hàn Quốc;
- Đại học, 1988 Khoa Kỹ thuật Điện Đại học Sao Paulo, Brazil.

Quá trình công tác

- Giáo sư Đại học Jeonju (1997 ~ hiện tại);
- Nghiên cứu viên của Đại học Hokkaido (1994 ~ 1995).

Hoạt động

- Thành viên Viện Kỹ thuật Điện Hàn Quốc.

Môn học giảng dạy

Automatic Control Systems, Modern Control Theory, Programming Language.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Trí tuệ nhân tạo;
- Xe điện.

SƠ YẾU LÝ LỊCH GIẢNG VIÊN

Eun-Soo Kim

Giáo sư

Khoa Kỹ thuật Điện và Điện tử

Điện thoại: +82) 63-220-2906

Điện thoại: +82) 10-8425-7368

E-mail: eskim@jj.ac.kr

Quá trình đào tạo

- Ph. D., 2000 Khoa Kỹ thuật Điện Đại học Chung-Ang, Hàn Quốc;
- Thạc sỹ, 1988 Khoa Kỹ thuật Điện Đại học Chung-Ang, Hàn Quốc;
- Đại học, 1986 Khoa Kỹ thuật Điện Đại học Chung-Ang, Hàn Quốc.

Quá trình công tác

- Giáo sư Đại học Jeonju (2001 ~ hiện tại);
- Nghiên cứu viên cao cấp của KERI, Hàn Quốc (1989 ~ 2001).

Hoạt động

- Thành viên của Viện Điện tử Hàn Quốc.

Môn học giảng dạy

Power Electronics, Power Electronics Application Engineering, Electrical Engineering Basic Lab., Electrical Engineering Lab.

Lĩnh vực nghiên cứu

- Cung cấp năng lượng chuyển đổi chế độ;
- Chuyển đổi điện cho năng lượng tái tạo;
- Hệ thống sạc không dây cho xe điện.

PHỤ LỤC 5: KẾ HOẠCH TUYỂN SINH
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC NGÀNH KỸ THUẬT
ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ GIỮA TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP – ĐH
THÁI NGUYÊN VÀ ĐH JEONJU, HÀN QUỐC
(Dự kiến)

Khóa I: từ 1/9/2020 – 15/7/2024

Thời gian đào tạo từ 1/9/2020 đến ngày 15/7/2024

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
1	Số lượng sinh viên dự kiến tuyển	Người	30	30	30	30	
2	Số lớp dự kiến mở	Lớp	1	1	1	1	
3	Thời gian quảng bá chương trình	Ngày/tháng	1/6	1/4	1/4	1/4	
4	Thời gian dự kiến tuyển sinh	Ngày/tháng	15/8	15/7	15/7	15/7	
5	Thời gian dự kiến sang JJU	Ngày/tháng			1/9		
6	Thời gian dự kiến kết thúc						15/7

1. Đối tượng tuyển sinh và thời gian đào tạo:
 - + Đối tượng: học sinh đã tốt nghiệp THPT hoặc tương đương
 - + Thời gian đào tạo: 04 năm
2. Phạm vi tuyển sinh: xét tuyển trong phạm vi cả nước.
3. Hình thức tuyển sinh:
 - + Xét tuyển đối với những học sinh có kết quả tốt nghiệp THPT.
 - + Xét nguyện vọng đối với những sinh viên học chương trình thường của ĐH Kỹ thuật công nghiệp sau 02 năm học đầu mong muốn tham gia học Chương trình liên kết.
4. Địa điểm đào tạo
 - + 02 năm học đầu: Học tại trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp (666 đường 3/2, Phường Tích Lương, Tp Thái Nguyên, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam; Điện thoại: (84)2083847145; Website: <http://www.tnut.edu.vn>).
 - + 02 năm học cuối: Học tại trường Đại học Jeonju (303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju, Hàn Quốc; Điện thoại: +82-1577-7177; Website: <http://www.jj.ac.kr>).

PHỤ LỤC 6:

DỰ TOÁN KINH PHÍ

**CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC
NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ GIỮA
TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP – ĐH THÁI
NGUYÊN VÀ ĐH JEONJU, HÀN QUỐC**

Dự kiến phần thu (USD)					Tỷ giá hối đoái: 1 USD = 23,400 đồng	
STT	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)	Tỷ lệ (%)
1	Học phí 2 năm đầu tại TNUT	Người	30	1.706	51.180	
2	Học tiếng Hàn	Người	30	320	9.600	
	Tổng thu học phí				60.780	100%
Dự kiến phần chi						
Stt	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (USD)	Thành tiền (USD)	Tỷ lệ (%)
A.	Chi 01 lần/ Khóa đầu tiên					
I.	Lập đề án, đọc sửa, phản biện, và phê duyệt đề án				450	0,7%
1.1	Chi phí lập đề án	Đề án	1	88	88	
1.2	Chi phí viết, dịch mô tả môn học	Học phần	56	4	224	
1.3	Chi phí dịch thuật	Trang	30	3	90	
1.4	Chi phí in ấn Đề án	Cuốn	12	4	48	
B.	Chi thường xuyên					
B1.	Chi phí thường xuyên Giai đoạn I học tập tại TNUT					
I.	Chi cho trực tiếp giảng dạy				13.190	21,7%
2.1	Chi cho giảng viên Việt Nam (quy số tín chỉ ra giờ)	Giờ	1.319	10	13.190	
II.	Chi đi lại, ăn ở cho giảng viên nước ngoài				4.944	8,1%
3.1	Vé máy bay khứ hồi cho giảng viên dạy tiếng Hàn	Lượt	4	650	2.600	
3.2	Lệ phí đi lại ở Việt Nam cho giảng viên JJU	lượt	48	8	384	
3.3	Chi tiền ăn cho giảng viên JJU	tháng	12	155	1.860	
3.4	Bảo hiểm cho giảng viên JJU	người	4	25	100	

3.5	Phòng nghỉ cho giảng viên JJU - Nghỉ tại nhà khách của Trường					
III.	Quản lý				3.039	5,0%
4.1	Nộp ĐH Thái Nguyên (5%)	Khóa	1	3.039	3.039	
IV.	Chi phí khác				16.716	27,5%
5.1	Khai giảng	lượt	1	500	500	
5.2	Tạo nguồn tuyển sinh	sinh viên	30	500	15.000	
5.3	Nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (2%)	Khóa	1	1.216	1.216	
	Tổng chi phí	USD			38.713	
V.	Doanh thu của trường				22.067	36,3%
B2.	Chi phí thường xuyên Giai đoạn II học tập tại JJU (do JJU tính toán)					

PHỤ LỤC 7:

VĂN BẢN PHÁP LÝ

1. Biên bản ghi nhớ giữa Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp và ĐH Jeonju
2. Thỏa thuận hợp tác giữa Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp và ĐH Jeonju
3. Hợp đồng hợp tác đào tạo giữa Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp và ĐH Jeonju
4. Quyết định của Hội đồng chính phủ về việc mở phân hiệu Đại học Bách Khoa tại khu Gang Thép Thái Nguyên
5. Nghị định của chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên
6. Quyết định của Bộ giáo dục về việc thành lập trường ĐH YEONGSAENG
7. Quyết định của Bộ giáo dục về việc đổi tên trường ĐH YEONGSAENG thành JEONJU
8. Chứng nhận chất lượng đào tạo của Đại học Jeonju
9. Chứng nhận kiểm định của trường Đại học Jeonju
10. Chứng nhận chất lượng đào tạo ngành Kỹ thuật Điện và Điện tử
11. Mẫu văn bằng

1. BIÊN BẢN GHI NHỚ GIỮA TNUT VÀ JJU



“Memorandum of Understanding”

Between

Thai Nguyen University of Technology, Vietnam

And

Jeonju University, Republic of Korea



Thai Nguyen University of Technology (hereinafter referred to as “TNUT”) and Jeonju University (hereinafter referred to as “JJU”) in recognition of their common interests in developing a cooperative relationship based on academic pursuit, language acquisition and cultural enrichment agree to establish the following Memorandum of Understanding.

Article I. Scope of Cooperation

This Memorandum of Understanding will generally promote activities in the following principal areas:

1. Exchange of faculty members and students and internship placement
2. Conducting joint professional training
3. Sponsoring cooperative seminars, workshops and other academic meetings on matters of mutual interest with understanding that financial arrangements will be made on an ad hoc basis
4. Promotion of collaborative research
5. Other activities within the scope and mission of both institutions

Article II. Rights and Development

All activities developed under the auspices of this Agreement will respect and align with the corresponding norms, traditions and regulations of each institute.

Article III. Duration and Effective Date

1. This Agreement is established for a period of five (5) years, effective from the date of

signing.

2. In order to enhance the efficacy of their cooperative activities, JJU and TNUT agree that it shall be possible to introduce changes and additions to this Agreement through mutually agreed written clauses.

Article IV. Communication

All communication between JJU and TNUT shall be made through KCL.



Nguyen Duy Cuong
President
Thai Nguyen University of Technology

LEE Ho-In, Ph.D.
President
Jeonju University

BẢN DỊCH BIÊN BẢN GHI NHỚ GIỮA TNUT VÀ JJU



“Biên bản ghi nhớ”

Giữa

Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên, Vietnam

Và

Đại học Jeonju, Hàn Quốc



Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên (TNUT) và Đại học Jeonju (JJU) để ghi nhận lợi ích chung của hai bên trong việc phát triển mối quan hệ hợp tác trên các lĩnh vực học thuật, ngôn ngữ và văn hóa, đồng ý thiết lập Biên bản ghi nhớ sau đây.

Điều I. Phạm vi hợp tác

Biên bản ghi nhớ này sẽ thúc đẩy các hoạt động trong các lĩnh vực chính sau:

1. Trao đổi các giảng viên, nhân viên của khoa, trao đổi sinh viên và các vị trí thực tập
2. Hợp tác liên kết đào tạo
3. Hai bên cùng nỗ lực tìm kiếm nguồn tài chính cho các chương trình hội thảo, tọa đàm, workshop và các buổi trao đổi học thuật chung về các vấn đề hai bên cùng quan tâm.
4. Thúc đẩy các hoạt động nghiên cứu hợp tác
5. Các hoạt động khác trong khả năng của hai bên.

Điều II. Cam kết và điều khoản

Tất cả các hoạt động phát triển của hai bên đều phải tuân theo Thỏa thuận này, và sẽ tôn trọng, phù hợp với các quy tắc, truyền thống và quy định tương ứng của mỗi Trường.

Điều III. Thời hạn và ngày hiệu lực

1. Thỏa thuận này sẽ có hiệu lực trong vòng năm (05) năm, kể từ ngày ký kết.
2. Thỏa thuận này là biên bản ghi nhớ cho việc hợp tác lâu dài giữa hai trường. Những dự án cụ thể và các kế hoạch hoạt động riêng biệt sẽ được thảo luận và

ký kết với từng thỏa thuận pháp lý riêng biệt bởi người đại diện của cả hai trường.

Điều IV. Thông tin liên lạc

Tất cả thông tin liên lạc giữa JJU và TNUT sẽ được thực hiện thông qua KCL.

(Đã ký và đóng dấu)

TS. Nguyen Duy Cuong
Hiệu trưởng
Đại học Kỹ thuật Công nghiệp

(Đã ký và đóng dấu)

TS. LEE Ho-In,
Hiệu trưởng
Đại học Jeonju

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên
Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch
đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của Trần Thị Bích Thảo, cán bộ Trung
tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

2.THỎA THUẬN HỢP TÁC GIỮA TNUT VÀ JJU

PROPOSAL OF GETTING PERMISSION TO IMPLEMENT 2+2 PROJECT

According to the Memorandum of Understanding (MOU) between Jeonju University (JJU) and Thai Nguyen University of Technology (TNUT), dated on, 2019; we would like to ask for the permission of implementing a 2+2 undergraduate program in Electrical and Electronics Engineering, SmartMedia, Mechanical Engineering, and Logistics and International Trade. The curriculum included in this course is compiled by JJU. In this project, students will have to complete their first 2 years at TNUT learning Vietnamese, at the same time, students receive extra Korean language classes (3 hours per day, from Monday to Friday) taught by Korean teachers (from Jeonju University). and then complete their final 2 years at JJU learning Korean. The academic credits obtained at TNUT will be officially recognized and transferred to JJU and will be accepted by JJU. Upon successful completion of the requirements of JJU and TNUT undergraduate program, the students will be awarded a degree in Engineering by JJU.

We would be very grateful if you consider and approve this project, so that TNUT would be able to carry out it as soon as possible.

Thai Nguyen,,2019

Ph.D. Nguyen Duy Cuong

Rector, Thai Nguyen University of Technology

Ph.D. Lee Ho-in

President, Jeonju University

BẢN DỊCH THỎA THUẬN HỢP TÁC GIỮA TNUT VÀ JJU

THỎA THUẬN HỢP TÁC TRIỂN KHAI ĐỀ ÁN 2+2

Căn cứ Biên bản ghi nhớ giữa Đại học Jeonju, Hàn Quốc (JJU) và Đại học Kỹ thuật công nghiệp Thái Nguyên, Việt Nam (TNUT) ký ngày 15 tháng 10 năm 2019, chúng tôi thống nhất đề nghị triển khai chương trình liên kết đào tạo 2+2, trình độ đại học Kỹ thuật Điện và Điện tử, ngành Kỹ thuật cơ khí, ngành Công nghệ thông tin, ngành Logistics và Thương mại quốc tế. Chương trình đào tạo sử dụng chương trình hiện hành của Đại học Jeonju, Hàn Quốc. Theo thỏa thuận, sinh viên theo học chương trình này sẽ dành thời gian 02 năm đầu học các môn đại cương và cơ sở ngành bằng tiếng Việt, đồng thời sinh viên được học thêm tiếng Hàn (ngày 3 tiếng, học từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần) do cô giáo người Hàn (trường đại học Jeonju cử sang) giảng dạy trực tiếp, tại Đại học Kỹ thuật công nghiệp; 02 năm cuối học các môn chuyên ngành bằng tiếng Hàn, tại Đại học Jeonju, Hàn Quốc. Kết quả học tập chuyên môn của sinh viên trong 02 năm đầu tại trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp sẽ được Đại học Jeonju, Hàn Quốc công nhận. Các sinh viên hoàn tất chương trình đào tạo sẽ được Đại học Jeonju, Hàn Quốc cấp bằng tốt nghiệp đại học.

Chúng tôi thống nhất đề nghị các cấp có thẩm quyền quan tâm, phê duyệt và cho phép triển khai đề án này trong thời gian sớm nhất có thể./.

TS. Nguyễn Duy Cường
Hiệu trưởng trường ĐH KTCN

(đã ký)

TS. Lee Ho-in
Hiệu trưởng trường Đại học Jeonju

(đã ký)

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên
Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch
đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của Trần Thị Bích Thảo, cán bộ Trung
tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

3. HỢP ĐỒNG HỢP TÁC ĐÀO TẠO GIỮA TNUT VÀ JJU

MEMORANDUM OF AGREEMENT FOR ARTICULATION PROGRAM

PREAMBLE

The purpose of this Agreement is to establish a program of student articulation in undergraduate studies between Jeonju University(hereinafter "JJU") and Thai Nguyen University of Technology(hereinafter "TNUT"). The Agreement sets out an arrangement whereby students completing recognised courses at "TNUT", having met the required standards, will be granted entry to the appropriate course within the "JJU".

The continued approval of students from "TNUT" to enter a "JJU" course and receive credit from previous studies in accordance with the attached Schedule(s) must be approved by "JJU" and "TNUT" and is dependent upon the demonstrated academic standard of those students from "TNUT" who have already entered "JJU" courses within the life of this Agreement.

At "JJU" the authority to operate this Agreement is vested in the Office of International Affairs. At "TNUT", the authority to operate this Agreement is vested in the Office of International Affairs.

AN AGREED PROGRAM OF STUDENT ARTICULATION

1. TERMS OF THE AGREEMENT

"JJU" and "TNUT" agree to enter this Agreement, commencing April 22, 2020.

2. PROGRAM IMPLEMENTATION

The respective majors for this "MOA" include Mechanical Engineering, Smart Media, Electrical and Electronics Engineering and Trade and Logistics.

3. ACADEMIC YEAR

The academic calendar at "JJU" extends from March to June (Semester 1) and September to December (Semester 2). Students from "TNUT" will be accepted for entry at the beginning of the next semester after the required entry criteria have been met, providing that all necessary immigration, travel and other arrangements can be concluded by the student in time for entry no later than the first teaching day of that semester.

4. NUMBERS OF STUDENTS

4.1 In accordance with this Agreement, "JJU" will grant entry and the appropriate course credit to the minimum thirty (30) to fifty (50) students per "JJU" Academic Year.

4.2 "Parties" may either increase or decrease the target in view of the actual situation.



5. CONDITIONS OF ENTRY

5.1 Entry and the appropriate course credit will be granted to students who have completed the approved program with the required marks/grades (GPA 6.0 out of 10.0). The marks/grades accepted for entry will be those as defined in the relevant regulations and reported on the student's official academic record from "TNUT".

5.2 Applicants for entry must satisfy the Korean Language proficiency requirements specified in the attachment 1.

5.3 "JJU" reconsiders its criteria for eligibility from time to time such that the standard required of international students is no less than that required of Korean students in the same course. This information will be made available to prospective students at "TNUT" in adequate time to suit their future planning.

6. FEES AND CHARGES

6.1 The cost of living in the Republic of Korea will vary depending on students' lifestyle and personal requirements. "JJU" requires students to have access to 12,000,000 Korean Won for two (2) years to meet living costs.

6.2 International students at "JJU" are required to pay an appropriate tuition fees. The amount of tuition fee a student must pay is determined based on the courses in which that student enrolls. Each course has a set tuition fee and the total tuition fees for all enrolled courses in a semester or session are totalled and invoiced.

6.3 "JJU" may charge fees for admission, enrolment, tuition, examination, granting of degrees and such other activities as "JJU" may determine.

6.4 The student obtains and maintains health insurance for the duration of their time in the Republic of Korea. "JJU" may collect the fee for health cover for the entire duration of a students' visa prior to their commencement and this fee is forwarded to the health insurance provider.

6.5 Unless mutually agreed otherwise, each "Party" shall bear its own costs and expenses in connection with entering into of this "MOA" and steps taken in furtherance of the business contemplated by this "MOA" until the date of execution of this "MOA".

7. SCHOLARSHIP

7.1 The objective of the award is to reward academic excellence and to strengthen educational outcomes for students both in terms of skills development and preparation for further study or employment.

7.2 There are a number of scholarships available to "TNUT" students to help with the cost of their studies.

7.3 "JJU" offers eligible students the chance to be officially recognised for their academic achievements and language proficiency, and candidates must meet all program entry requirements to be considered for a scholarship.

7.4 The award is available each semester to prospective "JJU" students who have made an application for admission to an undergraduate program at "JJU" and achieved an excellent level in their academic years.

7.5 The scholarship provides discount of students' tuition fee sponsorship for the duration of an undergraduate program offered by "JJU".

7.6 "JJU" will offer students from "TNUT" an exception benefit for an admission fee payable.

8. RESPONSIBILITIES OF EACH INSTITUTION

"JJU" and "TNUT" agree that the best outcomes from this Agreement will be realised if they cooperate on academic and administrative matters in respect of students' preparation for the program undertaken at "JJU".

8.1 Responsibilities of "JJU".

- (a) "JJU" agrees to accept the agreed number of students from "TNUT" who have applied for entry and have met the required entry criteria.
- (b) "JJU" shall provide sufficient information to enable "TNUT" to perform its duties under this "MOA".
- (c) Depending on the units that have been credited from their study at "TNUT" and their academic progress at "JJU", students will, as far as possible, be enrolled in a program that meets their educational requirements and occupies the appropriate number of consecutive semesters at "JJU", leading to the award of the appropriate degree.
- (d) "JJU" will monitor the progress of students who have entered from "TNUT" and will communicate this information, in general terms, to "TNUT". Academic and other difficulties will be communicated as soon as they are identified.
- (e) Information on individual students will not be communicated without the written permission of the student(s) concerned.

8.2 "JJU" admissions will be responsible for the determination of a student's eligibility for entry to "JJU" under this Agreement, and for all administrative procedures normally associated with the enrolment of international students. In cases where there is difficulty in determining eligibility or any other aspect of an enrolment, the Dean (Academic), or similar officer, will advise the Office of International Affairs as required.

8.3 Responsibilities of "TNUT"

"TNUT" agrees:

- (a) To promote this Agreement both within its existing student body, and in its promotion and advertising for prospective students.
- (b) To counsel students who wish to enter "JJU" under the terms of this Agreement on the application process and the required entry criteria; and to facilitate such applications, as far as possible.
- (c) To provide to its students applying to "JJU" accurate information provided by "JJU" (including information provided electronically), about the campus, resources and facilities, teaching methods, assessment methods, subject content and duration; the local environment, accommodation (on-campus and off-campus) and cost of living in Jeonju at "JJU"; the application process and conditions of the Korean Student Visa; any fees other than tuition payable at "JJU".
- (d) To ensure that any requests for advice on Korean visa applications or migration law are referred to the nearest Korean diplomatic mission.
- (e) To cooperate with "JJU" in any area where students are inadequately prepared for their studies at "JJU", and to implement appropriate changes to programs or arrangements, where necessary.
- (f) To notify "JJU" of all changes to programs covered in this Agreement.

9. RENEWAL, TERMINATION AND AMENDMENT

9.1 This Agreement shall remain in force for a period of four (4) years from the date of the first student cohort entering a course at "JJU", with the understanding that it may be terminated by either party giving ninety (90) days prior notice to the other party in writing. The provision of inaccurate and inappropriate advice on Korean visa applications or migration law may lead to immediate termination of the Agreement.

9.2 The performance of students entering "JJU" from the recognised programs at "TNUT" will be assessed as at 30th July each year during this Agreement. The entry and credit criteria may be changed subsequent to any such assessment. "JJU" will give "TNUT" written notice of any such changes and will discuss the implementation timeline in good faith.

9.3 Should any of the changes imposed under 8.2 be unacceptable to "TNUT" and the parties fail to resolve any disagreement within thirty (30) days of "JJU"'s written notification of the change, then this Agreement will terminate immediately, and students from "TNUT" will be required to apply for entry to "JJU" on a case-by-case basis.

9.4 The Agreement may be extended by mutual written consent of "JJU" and "TNUT".

9.5 This Agreement may be amended by negotiation between "JJU" and Institution "TNUT". Such written amendments, once approved by both parties, will become part of this Agreement.

10. CONFIDENTIALITY AND NOTICE

10.1 Each "Party" shall treat as strictly confidential and not disclose or use any information received or obtained from other "Party" related to this "MOA".

10.2 All notices, requests, demands and other communications hereunder must be in writing (whether required to be made by a "Party" to another "Party" or between them).

11. FORCE MAJEURE

If the performance of either "Party" to this "MOA" or of any obligation hereunder is prevented by reason of force majeure shall upon giving notice to the other to be excused from such performance to the extent that such cause prevents, restricts or interferes with it, provided that it shall use its best endeavour to avoid or remove such cause of non-performance whenever such causes are removed.

12. CONFLICT OF RESOLUTION

Any dispute, controversy, or claim arising out of or in relation to this "MOA", including the validity, invalidity, breach or termination thereof, shall be settled by both "Parties" amicably by a mutual agreement between two representatives of the "Parties". Conflicts that cannot be resolved shall be settled by arbitration.

13. GOVERNING LAW

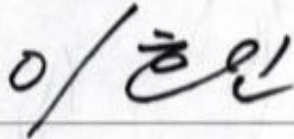
In respect to its performance in Korea, this Agreement is governed by and construed in accordance with the laws of the Republic of Korea. In respect to its performance in Vietnam, this Agreement is governed by and construed

in accordance with the laws of the Socialist Republic of Vietnam. In the case of a dispute between the parties, the parties shall submit the dispute to arbitration by the Singapore International Arbitration Centre.

IN WITNESS THEREOF, the "Parties" hereto have caused this "MOA" to be duly executed, each of which shall be deemed as an original counterpart, by its duly authorized representatives of the "Parties" on the day and year first shown above. Each "Party" will retain a copy thereof and remaining spare copies will be reserved by the "Party" for official purposes or otherwise.

Signed on behalf of

Jeonju University



LEE Ho-In, Ph.D.
President

Date : April 22, 2020

Signed on behalf of

Thái Nguyên University of Technology



Nguyen Duy Cuong, Associate Prof., Ph.D.
Rector

Date : April 22, 2020

ATTACHMENT ONE : KOREAN LANGUAGE COMPETENCY

KOREAN LANGUAGE COMPETENCY

Articulation Agreement between Jeonju University and Thai Nguyen University of Technology

Candidates must satisfy the Korean language competency requirements of the Thai Nguyen University of Technology prior to commencement at Jeonju University. Common tests and qualifications that can be used to meet the Standard Korean requirement are set out below. The complete list is detailed at: <http://m.topik.go.kr/m/cmm/subLocation.do?menuSeq=212010102>

Qualification	Minimum Requirement
Pathway Program	Candidates must successfully complete the required language courses (TOPIK 3 level or equivalent) for admission or acquire TOPIK 3 examined by Jeonju University.
TOPIK (Test of Proficiency in Korean) Note: Results are valid for two years only	Level 3 out of 6
Korean Language Institute in or outside of Korea	At least 600 hours of Korean studies, undertaken and examined by accredited institutions either in or outside Republic of Korea, and assessed by Jeonju University to be equivalent to Korean degree studies.
Korean Language at Thai Nguyen University of Technology	Successfully be granted twelve (12) credits from Korean classes while studying at Thai Nguyen University of Technology for the first two years.

ATTACHMENT TWO : ADMINISTRATIVE RESPONSIBILITIES

ADMINISTRATIVE RESPONSIBILITIES

Articulation Agreement between Jeonju University and Thai Nguyen University of Technology

Each University agrees to appoint an overall Coordinator for the administration of this Agreement. The Coordinators will serve as the contact person on campus, ensuring the necessary approvals are in place.

The Coordinators are:

For Jeonju University

Name: Mr. Jeongsang, Seo
Title: Manager of International Affairs
Address: 303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju-si, Jeollabuk-do, Republic of Korea
Telephone: +82 63 220 2122
Email: westtop@jj.ac.kr

For Thai Nguyen University of Technology

Name: Mr. Minh T. Nguyen
Title: Director of International Training and Cooperation Center
Address: 666 3/2 National Road, Tich Luong Ward, Thai Nguyen City, Vietnam
Telephone: +84 0208 3847 093
Email: nguyentuanminh@tnut.edu.vn



BẢN DỊCH HỢP ĐỒNG HỢP TÁC ĐÀO TẠO GIỮA TNUT VÀ JJU

BIÊN BẢN THỎA THUẬN CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

“LỜI NÓI ĐẦU”

Mục đích của Bản thỏa thuận chương trình hợp tác này là thiết lập một chương trình hợp tác đào tạo bậc đại học giữa Đại học Jeonju (sau đây gọi là JJU) và Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên (sau đây gọi là TNUT). Biên bản này đưa ra một thỏa thuận, theo đó sinh viên hoàn thành các khóa học được công nhận tại TNUT, đáp ứng các tiêu chuẩn bắt buộc, sẽ được ghi danh cho khóa học phù hợp trong JJU.

JJU chấp thuận cho sinh viên từ TNUT tiếp tục tham gia khóa học tại JJU dựa trên kết quả học tập của sinh viên học tại TNUT và công nhận tín chỉ từ các môn học được hoàn thành tại TNUT theo Kế hoạch học tập trong thời hạn của thỏa thuận này.

Tại JJU thẩm quyền điều hành thỏa thuận này được trao cho văn phòng các vấn đề quốc tế. Tại TNUT thẩm quyền để thực hiện thỏa thuận này được trao cho văn phòng các vấn đề quốc tế.

THỎA THUẬN CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC

1. THỜI GIAN THỎA THUẬN

JJU và TNUT đồng ý tham gia thỏa thuận này, bắt đầu ngày 22 tháng 4 năm 2020.

2. CHƯƠNG TRÌNH THỰC HIỆN

Các chuyên ngành tương ứng cho MOA này bao gồm: Kỹ thuật Cơ khí, Công nghệ thông tin, Kỹ thuật Điện và Điện tử, và Logistics và Thương mại quốc tế.

3. NĂM HỌC

Lịch học tại JJU kéo dài từ tháng 3 đến tháng 6 (Học kỳ 1) và tháng 9 đến tháng 12 (học kỳ 2). Những sinh viên từ TNUT được chấp nhận nhập học vào đầu học kỳ kế tiếp sau khi đáp ứng được các tiêu chuẩn đầu vào, với điều kiện là việc nhập cư, đi lại và các sắp xếp khác sinh viên phải hoàn tất không muộn hơn ngày giảng dạy đầu tiên của học kỳ đó.

4. SỐ LƯỢNG SINH VIÊN

4.1. Theo thỏa thuận này, JJU sẽ cấp nhập cảnh và các khóa học phù hợp với tối thiểu từ 30 đến 50 sinh viên mỗi năm học.

4.2. Các bên có thể tăng hoặc giảm số lượng sinh viên tuyển sinh tùy vào tình hình thực tế.

5. NHỮNG ĐIỀU KIỆN ĐẦU VÀO

5.1. Tại JJU, đầu vào và tín chỉ khóa học phù hợp sẽ được cấp cho những sinh viên đã hoàn thành chương trình được phê duyệt đạt điểm yêu cầu (GPA 6.0 – 10.0). Điểm này là những điểm như được xác định trong các quy định có liên quan và được báo cáo trong hồ sơ học tập chính thức của học sinh từ TNUT.

5.2. Ứng viên nhập học phải đáp ứng các yêu cầu về trình độ tiếng Hàn được chỉ định trong Phụ lục 1 (đính kèm).

5.3. JJU xem xét lại các tiêu chí của mình để theo thời gian tiêu chuẩn yêu cầu của sinh viên quốc tế không kém hơn so với yêu cầu của sinh viên Hàn Quốc trong cùng một khóa học. Thông tin này sẽ được cung cấp cho các sinh viên sau này tại TNUT trong thời gian thích hợp để phù hợp với kế hoạch trong tương lai.

6. PHÍ VÀ LỆ PHÍ

6.1. Chi phí sống tại Hàn Quốc phụ thuộc nhiều vào cách sống và yêu cầu cá nhân của mỗi sinh viên. Trung bình sinh viên cần chi trả khoảng 12.000.000 Won cho 02 năm học tại JJU.

6.2. Những sinh viên quốc tế tại JJU phải trả một khoản học phí hợp lý. Tiền học phí được xác định dựa trên số tín chỉ các học phần mà sinh viên đăng ký. Mỗi học phần có một mức học phí và tổng học phí của tất cả các học phần đăng ký trong một kỳ học là học phí sinh viên phải chi trả.

6.3. JJU có thể thu phí nhập học, tuyển sinh, học phí, kiểm tra, cấp bằng và các hoạt động khác.

6.4. Sinh viên đóng và duy trì bảo hiểm y tế trong suốt thời gian ở Hàn Quốc, JJU có thể thu phí bảo hiểm y tế trong toàn bộ thời gian visa của sinh viên trước khi bắt đầu học và phí này được chuyển cho nhà cung cấp bảo hiểm y tế.

6.5. Trừ khi có thỏa thuận khác, mỗi bên sẽ tự chịu chi phí và chi phí liên quan đến việc tham gia MOA và các bước thực hiện MOA này cho đến ngày thực hiện MOA này có hiệu lực.

7. HỌC BỔNG

7.1. Mục tiêu của học bổng là khen thưởng sự xuất sắc trong học tập cả về phát triển kỹ năng và hơn nữa là việc học tập hoặc công việc.

7.2. Có một số học bổng dành cho sinh viên TNUT để giảm chi phí học tập.

7.3. Các sinh viên đủ điều kiện về thành tích học tập và trình độ ngôn ngữ của và đáp ứng tất cả các yêu cầu đầu vào chương trình có thể được xem xét nhận học bổng của JJU.

7.4. Học bổng mỗi học kỳ trao cho các sinh viên đã nộp đơn xin nhập học vào một chương trình đại học tại JJU phải đạt được kết quả học tập xuất sắc trong năm học.

7.5. Học bổng giảm học phí của sinh viên trong suốt thời gian học tập được cung cấp bởi JJU

7.6. JJU sẽ cung cấp cho sinh viên TNUT một lợi ích ngoại lệ đối với phí nhập học.

8. TRÁCH NHIỆM CỦA MỖI BÊN

JJU và TNUT đồng ý rằng kết quả tốt nhất từ thỏa thuận này sẽ được hiện thực hóa nếu hai bên hợp tác trong các vấn đề về học thuật và hành chính liên quan đến sự chuẩn bị của sinh viên cho chương trình học tại JJU.

8.1. Trách nhiệm của JJU:

a. JJU đồng ý chấp nhận số sinh viên từ TNUT đăng ký nhập học và đáp ứng các tiêu chí đầu vào bắt buộc.

b. JJU sẽ cung cấp đầy đủ thông tin để TNUT có thể thực hiện nhiệm vụ của mình theo MOA này.

c. Dựa trên các học phần đã được ghi nhận từ quá trình học tập của sinh viên tại TNUT và tiến bộ học tập của họ tại JJU, sinh viên sẽ được ghi danh vào một chương trình học cao hơn theo mong muốn với số lượng học kỳ phù hợp tại JJU, và được cấp học bổng phù hợp.

d. JJU sẽ theo dõi sự tiến bộ của sinh viên nhập học từ TNUT và sẽ truyền đạt thông tin này, nói chung, đến TNUT. Tình hình học tập và những khó khăn khác của sinh viên sẽ được thông báo kịp thời.

e. Thông tin cá nhân của sinh viên sẽ không được công bố mà không có sự cho phép bằng văn bản của các sinh viên liên quan.

8.2. JJU chịu trách nhiệm về việc xác định tư cách của sinh viên để vào học tại JJU theo MOA này và với tất cả các thủ tục hành chính thường liên quan đến việc tuyển sinh sinh viên quốc tế. Trong trường hợp có khó khăn đối với việc xác định đủ điều kiện hoặc bất kỳ khía cạnh nào khác của tuyển sinh, Trưởng khoa hoặc nhân viên tương đương, sẽ thông báo cho Văn phòng các Vấn đề Quốc tế theo yêu cầu.

8.3. Trách nhiệm của TNUT:

TNUT đồng ý rằng:

a. Để thúc đẩy Hợp tác này, TNUT sẽ đề xuất và quảng cáo chương trình liên kết tới cả sinh viên hiện tại đang học và sinh viên nhập học sau này.

b. Đề tư vấn cho những sinh viên muốn vào học tại JJU theo các điều khoản của Thỏa thuận này, TNUT tạo điều kiện tối đa cho sinh viên về quy trình nộp đơn và các tiêu chí đầu vào bắt buộc.

c. Thông báo cho sinh viên những thông tin chính xác do JJU cung cấp (bao gồm thông tin được cung cấp điện tử), về khuôn viên, tài nguyên và phương tiện, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá, nội dung môn học và thời lượng; môi trường địa phương, chỗ ở (trong trường và ngoài trường) và chi phí sinh hoạt ở Jeonju; quy trình nộp đơn và điều kiện Visa sinh viên Hàn Quốc, mọi khoản phí khác ngoài học phí phải nộp tại JJU.

d. Để đảm bảo rằng các yêu cầu tư vấn về các đơn xin thị thực hoặc luật di trú của Hàn Quốc được chuyển đến cơ quan ngoại giao gần nhất của Hàn Quốc.

e. Hợp tác với JJU trong bất kỳ lĩnh vực mà sinh viên chưa được chuẩn bị đầy đủ cho quá trình học tập tại JJU, có thể thực hiện những thay đổi phù hợp với chương trình hoặc các thỏa thuận, nơi cần thiết.

f. Thông báo cho JJU về tất cả các thay đổi đối với các chương trình trong Thỏa thuận này.

9. ĐỔI MỚI, CHẤM DỨT VÀ SỬA ĐỔI

9.1. Thỏa thuận sẽ có hiệu lực trong thời gian 04 (bốn) năm kể từ ngày nhóm sinh viên đầu tiên tham gia khóa học tại JJU, nó có thể bị chấm dứt bởi một trong hai bên thông báo trước 90 ngày cho bên kia bằng văn bản. Việc cung cấp thông tin không chính xác và không phù hợp về đơn xin thị thực hoặc luật di trú của Hàn Quốc có thể chấm dứt ngay lập tức Thỏa thuận này.

9.2. Việc thực hiện của sinh viên học tại JJU từ các chương trình được công nhận tại TNUT sẽ được đánh giá ở vào ngày 30/7 mỗi năm trong thời gian Thỏa thuận này. Tiêu chí đầu vào và số tín chỉ tiêu chuẩn có thể được thay đổi sau mỗi lần đánh giá như vậy. JJU sẽ thông báo bằng văn bản cho TNUT về bất cứ sự thay đổi nào như vậy và sẽ thảo luận về thời gian thực hiện.

9.3. Nếu bất kỳ thay đổi nào được áp dụng theo 8.2 không được TNUT chấp nhận và các bên không giải quyết sự bất đồng này trong vòng 30 ngày kể từ khi có thông báo bằng văn bản của JJU về thay đổi này, thì Thỏa thuận sẽ chấm dứt ngay lập tức và sinh viên từ TNUT sẽ phải đăng ký tham gia học tại JJU trên cơ sở từng trường hợp.

9.4. Thỏa thuận này có thể được gia hạn khi có sự đồng ý bằng văn bản của JJU và TNUT.

9.5. Thỏa thuận này có thể được sửa đổi bằng cách thương lượng giữa JJU và TNUT. Những sửa đổi bằng văn bản như vậy, khi được cả hai bên chấp thuận, sẽ trở thành một phần của Thỏa thuận này.

10. BẢO MẬT VÀ THÔNG BÁO

10.1. Mỗi Bên sẽ bảo mật tuyệt đối và không tiết lộ hoặc sử dụng bất kỳ thông tin nào nhận được hoặc thu được của Bên khác liên quan đến MOA này.

10.2. Tất cả các thông báo, thắc mắc, yêu cầu và các thông tin liên lạc khác dưới đây phải được viết thành văn bản (cho dù được yêu cầu bởi một Bên cho một Bên khác hay giữa 2 Bên).

11. BẤT KHẢ KHÁNG

Nếu việc thực hiện của một trong hai Bên đối với MOA này hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào dưới đây bị cản trở bởi các lý do bất khả kháng thì phải thông báo trước cho Bên đối tác để được miễn thực hiện; miễn là mỗi Bên sẽ nỗ lực tốt nhất của mình để tránh hoặc loại bỏ nguyên nhân cản trở đó.

12. XUNG ĐỘT VÀ GIẢI QUYẾT

Bất kỳ tranh chấp, tranh cãi hoặc khiếu nại nào phát sinh hoặc liên quan đến MOA này, bao gồm sự hiệu lực, sự vô hiệu, vi phạm hoặc chấm dứt, sẽ được giải quyết bởi cả hai Bên một cách hợp lý giữa hai đại diện của các Bên. Xung đột không thể giải quyết một cách thân thiện sẽ được giải quyết bằng trọng tài.

13. LUẬT CHI PHỐI

Đối với hoạt động tại Hàn Quốc, Thỏa thuận này được điều chỉnh và hiểu theo luật của nước Hàn Quốc. Đối với hoạt động tại Việt Nam, Thỏa thuận này được điều chỉnh và hiểu theo luật của nước Việt Nam. Trong trường hợp có tranh chấp giữa các bên, các bên sẽ đưa tranh chấp ra phân xử bởi Trung tâm phân xử quốc tế Singapore.

Trước sự chứng kiến, “Các Bên” theo đây đã lập “MOA” này để thực thi hợp lệ. Mỗi “Bên” sẽ giữ lại một bản và bản sao dự phòng.

Đại học Jeonju

Đại học Kỹ thuật công nghiệp

– ĐH Thái Nguyên

Đã ký

Đã ký

LEE Ho-In, TS.

PGS.TS Nguyễn Duy Cường

Hiệu trưởng

Hiệu trưởng

Ngày: 22/4/2020

Ngày: 22/4/2020

PHỤ LỤC 1: NĂNG LỰC NGÔN NGỮ TIẾNG HÀN

NĂNG LỰC NGÔN NGỮ TIẾNG HÀN

Thỏa thuận giữa Đại học Jeonju và Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp –ĐH Thái Nguyên

Các ứng viên của TNUT phải thỏa mãn các yêu cầu năng lực tiếng Hàn trước khi bắt đầu học tại JJU. Các bài kiểm tra chung và trình độ chuyên môn có thể được sử dụng để đáp ứng yêu cầu Tiêu chuẩn được đặt ra bên dưới. Danh sách đầy đủ được trình bày chi tiết tại website: <http://m.topik.go.kr/m/cmm/subLocation.do?menuSeq=212010102>

Trình độ chuyên môn	Yêu cầu tối thiểu
Chương trình chuyển tiếp	Ứng viên phải hoàn thành tốt các khóa học ngôn ngữ yêu cầu (TOPIK 3 hoặc tương đương) để nhận vào hoặc có TOPIK 3 được kiểm tra bởi JJU.
TOPIK (Bài kiểm tra khả năng tiếng Hàn) Chú ý: Kết quả bài kiểm tra có giá trị trong vòng 2 năm	Mức 3 đến mức 6
Viện ngôn ngữ Tiếng Hàn trong hoặc ngoài Hàn Quốc	Ít nhất 600 giờ học tiếng Hàn, được thực hiện và kiểm tra bởi các tổ chức được công nhận trong hoặc ngoài nước Hàn Quốc, và được JJU đánh giá là tương đương với các mức độ học tập tại Hàn Quốc
Ngôn ngữ tiếng Hàn tại TNUT	Được cấp 12 tín chỉ từ các lớp tiếng Hàn trong khi học tại TNUT 02 năm học đầu

PHỤ LỤC 2: TRÁCH NHIỆM HÀNH CHÍNH

TRÁCH NHIỆM HÀNH CHÍNH

Thỏa thuận giữa ĐH Jeonju và Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên

Mỗi Trường Đại học đồng ý bổ nhiệm một Điều phối viên tổng thể phụ trách Thỏa thuận này. Các Điều phối viên sẽ có nhiệm vụ như giữ liên lạc của trường, đảm bảo các phê duyệt cần thiết.

Các Điều phối viên là:

Đối với Đại học Jeonju:

Tên : Ông Jeongsang, Seo
Chức vụ : Quản lý Các vấn đề Quốc tế
Địa chỉ : 303 Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju-si, Jeollabuk-do, Hàn Quốc
Điện thoại : +82 63 220 2122
Email : westtop@jj.ac.kr

Đối với Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp – ĐH Thái Nguyên

Tên : Ông Nguyễn Tuấn Minh
Chức vụ : Giám đốc Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế
Địa chỉ : 666. Đường 3/2, Phường Tích Lương, TP Thái Nguyên, Việt Nam
Điện thoại : +84 0208 3847 093
Email : nguyentuanminh@tnut.edu.vn

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác nhận chữ ký của bà Trần Thị Bích Thảo, cán bộ Trung tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

4. QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC MỞ PHÂN HIỆU ĐẠI HỌC BÁCH KHOA TẠI KHU GANG THÉP THÁI NGUYÊN

PHỦ THỦ TƯỚNG	TIÊU CHUẨN I	00096
	Tiêu chí 1.1 (Dương Phúc Tý) Minh chứng [1.1.1.4] Quyết định 164/CP của Thủ tướng chính phủ về việc mở phân hiệu ĐHBK tại Thái Nguyên.	

Số 164/CP

Hà-nội, ngày 17 tháng 8 năm 1965

QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
về việc mở phân hiệu đại học Bách khoa
tại khu gang thép Thái-nguyên

HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ

Xét nhu cầu của Nhà nước về việc đào tạo cán bộ kỹ thuật công nghiệp có trình độ đại học.

Căn cứ nghị định số 171-CP ngày 20 tháng 11 năm 1963 của Hội đồng Chính phủ về quy chế mở trường và lớp đại học và trung học chuyên nghiệp.

Theo đề nghị của ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục.

QUYẾT ĐỊNH :

Điều 1. - Mở phân hiệu đại học Bách khoa tại khu gang thép Thái-nguyên.

Điều 2. - Phân hiệu đại học Bách khoa tại khu gang thép Thái-nguyên có nhiệm vụ đào tạo và bồi dưỡng cán bộ kỹ thuật công nghiệp trình độ đại học. Việc đào tạo và bồi dưỡng này tiến hành theo các hình thức học tập trung (chủ yếu là bằng các lớp chuyên tu) và học tại chức (học ban đêm, học bằng thư), đồng thời phải có những sự chuẩn bị cần thiết để khi có điều kiện thì sẽ thành lập trường đại học của địa phương, tách khỏi trường đại học Bách khoa.

Điều 3. - Phân hiệu chịu sự lãnh đạo chung của Bộ Giáo dục và Bộ Công nghiệp nặng. Bộ Giáo dục chỉ đạo về các mặt nghiệp vụ

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA III
BẢN SAO

chuyên môn, như : mục tiêu đào tạo, nội dung chương trình học, kế hoạch học tập, tuyển sinh, tổ chức thi tốt nghiệp, cung cấp và bồi dưỡng cán bộ giảng dạy, thiết bị học tập ...

Bộ Công nghiệp nặng chịu trách nhiệm về các mặt chỉ tiêu đào tạo, bồi dưỡng, biên chế, tổ chức bộ máy, kinh phí của phân hiệu, quản lý phân hiệu về các mặt tư tưởng, tổ chức, hành chính. Bộ Công nghiệp nặng chỉ định một số cán bộ công tác tại công ty gang thép Thái-nguyên làm giảng viên kiêm chức.

Điều 4. - Phân hiệu đại học Bách khoa do một phân hiệu trưởng phụ trách. Giúp việc phân hiệu trưởng có một hoặc hai phân hiệu phó. Cán bộ lãnh đạo phân hiệu do 2 Bộ Giáo dục và Công nghiệp nặng cung cấp.

Điều 5. - Các ông Bộ trưởng Bộ Giáo dục, Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng, ông Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

T/M HỘI ĐỒNG CHÍNH PHỦ
K/T TƯ TƯỞNG CHÍNH PHỦ
PHÓ TƯ TƯỞNG



Nguyễn-duy-Trình.

TRUNG TÂM LƯU TRỮ QUỐC GIA II
BẢN SAO

5. NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ VỀ VIỆC THÀNH LẬP ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

CHÍNH PHỦ

Số : 31/CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

1270

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 1994

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992

Căn cứ Nghị định 15/CP ngày 12 tháng 3 năm 1993 về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Theo đề trình của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (đề trình số 6395/TC-CP ngày 15 tháng 10 năm 1993) và Bộ trưởng - Trưởng ban Tổ chức cán bộ Chính phủ,

NGHỊ ĐỊNH :

Điều 1.- Thành lập Đại học Thái nguyên trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo trên cơ sở sắp xếp và tổ chức lại các trường: Trường Đại học Sư phạm Việt Bắc, trường Đại học Nông nghiệp 3 Bắc Thái, trường Đại học Công nghiệp Thái Nguyên, trường Đại học Y Bắc Thái và trường Công nhân cơ điện Việt Bắc.

Điều 2.- Đại học Thái nguyên là một trung tâm đào tạo và nghiên cứu khoa học khu vực và đa ngành. Đại học Thái Nguyên có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 3.- Đại học Thái Nguyên có các nhiệm vụ chính sau:

1. Đào tạo cán bộ các ngành khoa học và công nghệ với các trình độ đại học, sau đại học và các cấp học thấp hơn.

2. Nghiên cứu khoa học và công nghệ gắn với giảng dạy, đào tạo, thông tin khoa học và triển khai các kết quả nghiên cứu vào sản xuất và đời sống.

Điều 4.- Cơ cấu tổ chức của Đại học Thái nguyên gồm có:

A- Các tổ chức đào tạo và nghiên cứu khoa học:

1. Trường Đại học Đại cương.
2. Trường Đại học Sư phạm.
3. Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp.
4. Trường Đại học Nông lâm.
5. Trường Đại học Y khoa.
6. Các Trung tâm nghiên cứu khoa học. (Do Giám đốc Đại học Thái Nguyên đề nghị, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập).

B- Các đơn vị phục vụ cho đào tạo và nghiên cứu khoa học :

- 1- Thư viện.
- 2- Trung tâm máy tính.

C- Các phòng chức năng giúp việc Giám đốc (do Giám đốc quyết định sau khi được sự chấp thuận của Bộ Giáo dục và đào tạo).

Điều 5.- Lãnh đạo Đại học Thái Nguyên gồm :

Giám đốc, các Phó Giám đốc do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm. Hiệu trưởng các trường Đại học và Giám đốc các Trung tâm nghiên cứu thuộc Đại học Thái Nguyên do Giám đốc Đại học Thái Nguyên đề nghị, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo bổ nhiệm. Đại học Thái Nguyên có Hội Đồng khoa học và đào tạo làm chức năng tư vấn cho Giám đốc. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và đào tạo quyết định công nhân Chủ tịch và các thành viên của Hội đồng này.

Điều 6.- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì phối hợp với Chủ nhiệm Ủy ban Kế hoạch Nhà nước, Bộ trưởng các Bộ : Xây dựng, Tài chính và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái lập luận chứng kinh tế kỹ thuật cải tạo các cơ sở cũ và xây dựng cơ sở mới cho Đại học Thái Nguyên, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Điều 7.- Nghị định này có hiệu lực kể từ ngày ban hành. Các quyết định trước đây trái với Nghị định này đều bãi bỏ.

Điều 8.- Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, các Bộ trưởng và Thủ trưởng các cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Thái chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này ./.

T/M CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG
Đã ký : Võ Văn Kiệt.

SAO NGUYỄN VĂN BẢN CHÍNH

K/T BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM VPCP
PHÓ CHỦ NHIỆM
Đã ký: Vũ Đình Thuận

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Hà-nội, ngày 25 tháng 4 năm 1994

Số 44 /SL-VP

SAO LỤC

Kính gửi : - Các đơn vị tổ chức thuộc Bộ,
- Các trường đại học và cao đẳng.

T/L BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CHÁNH VĂN PHÒNG

Nơi nhận:
- Như trên.
- Lưu VP



Nguyễn Văn Muôn

6. QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VỀ VIỆC THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐH YEONGSAENG

지 명 서

문고대 1(41.1

1964. 1. 5.

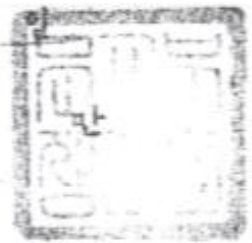
재단법인 영생 학원

1963.10. 26자로 신청한 영생 대학 설립의 일 다음과 같이

인가 함.

1964년 1월 9

문 고 부 장 관 고 광



- | | |
|------------------|----------------|
| 1. 명칭 | 전주 영생 대학 |
| 2. 수업 년한 | 4년 (야간) |
| 3. 위치 | 전주시 노송동 50번지 |
| 4. 설치 학과 및 학생 정원 | |
| 국어 국문 학과 | 80명 (학년당 20명) |
| 영 문 학 과 | 80명 (") |
| 상 학 과 | 80명 (") |
| 법 률 학 과 | 80명 (") |
| 가 정 학 과 | 120명 (학년당 30명) |
| 계 | 440명 |

2. 개교 년 월 일 1964. 3. 3.

6. 학칙 전항 편제에 맞추어서 별표로 인가 절차를 취할것.

7. 유지 방법

재단으로 부터의 전입금과 학교 수입금으로 유지 경영함.

문고대 1041.1

1964. 1.

수 신 재단법인 영생 대학 대표

제 목 전주 영생대학 (2부) 설립인가 신청

1. 1963. 10. 26자로 신청한 전주 영생대학 설립의 일에 관하여
별지 지령서와 같이 인가 하오니 인가 조건을 엄수 할것은 물론 다음 사항
에 특별 유념하시기 바랍니다.

가. 시설 계획서 대로 1964년도 내에 설치학과 운영에 소요되는
제반 시설 설비를 구비 하고 본관의 확인을 받을것.

나. 학교법인의 재산을 증자하는 동시에 미션 고사로 부서의
보조금 수입에 유무없도록 할것.

다. 현재 사용 중인 중고등 학교 시설과 대학에 사용할 시설
을 명확히 구분하고 그 상황을 평면도 및 사진 첨부을 1월 31일까지 보고
할것.

끝.

문 고 부 장 관 고 광 만

BẢN DỊCH QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VỀ VIỆC THÀNH LẬP TRƯỜNG ĐH YEONGSAENG

Mã văn bản 1.041.1

1964.1.9

HỌC VIỆN YEONGSAENG CẤP PHÉP VIỆC THÀNH LẬP ĐẠI HỌC YEONGSAENG THEO ĐĂNG KÝ NGÀY 26/10/1963 NHƯ DƯỚI ĐÂY Ngày 9 tháng 1 năm 1964

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC GO KWANG MAN (Đã ký, và đóng dấu)

1. Tên gọi: Đại học YEONGSAENG
2. Năm học: 4 năm (học tối)
3. Vị trí: Số 90, quận Noh Song, Tp Jeonju
4. Các khoa thành lập và chỉ tiêu tuyển sinh

Khoa quốc ngữ, quốc văn	: 80 người (tuyển 20 người/ năm)
Khoa Anh văn	: 80 người (tuyển 20 người/ năm)
Khoa Thương mại	: 80 người (tuyển 20 người/ năm)
Khoa Luật	: 80 người (tuyển 20 người/ năm)
Khoa Tổng hợp	: 120 người (tuyển 30 người/ năm)
Tổng	: 440 người
5. Ngày thành lập trường: 1964.2.1
6. Tiến hành thủ tục bàn giao theo nội quy trường đại học
7. Phương pháp duy trì: Quản lý điều hành trường thông qua chi phí của đơn vị hỗ trợ và tiền học phí của sinh viên.

Người nhận: Đại diện trường ĐH Yeongsaeng

Đề mục: Xin cấp phép thành lập trường đại học Yeongsaeng (phần 2)

1. Liên quan tới việc thành lập Trường Đại học Yeongsaeng Jeonju đã đăng ký xin cấp phép ngày 26/10/1963 cùng với tờ rời văn bản chỉ thị cấp phép, yêu cầu nghiêm túc tuân thủ điều kiện cấp phép và đặc biệt lưu ý những hạng mục dưới đây:

a. Theo kế hoạch xây dựng, chuẩn bị các trang thiết bị cơ sở hạ tầng cho vận hành Khoa thành lập trong năm 1964 và xin xác nhận từ Trung tâm.

b. Đảm bảo sẽ tăng tài sản trường học và đồng thời sẽ không làm thất thoát khoản tiền hỗ trợ.

c. Đảm bảo phân loại rõ ràng các cơ sở vật chất trung học cơ sở và trung học phổ thông hiện tại đang sử dụng và các cơ sở vật chất đại học sẽ sử dụng, và báo cáo tình hình sơ đồ mặt bằng và hình ảnh đính kèm trước ngày 31 tháng 1

Hết

Bộ trưởng bộ giáo dục

GO GWANG-MAN (*Ký tên, đóng dấu*)

Tôi, Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa Quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác nhận chữ ký của ông Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Kwon Myoung Jae

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

7.QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VỀ VIỆC ĐỔI TÊN TRƯỜNG ĐH YEONGSAENG THÀNH JEONJU

문 고 부

대학 1041.5-1/35

720-3-30

1983. 9. 8.

수신 학교법인 영생학원 이사장

제목 종합대학교 개편에 따른 학교 명칭 변경 인가

1. 관련 : 전주대 교무 1045-107(83.4.7)

2. 귀 법인이 설치, 경영하는 전주 대학을 종합대학교로 개편함에 따른 학교 명칭 변경을 법원과 같이 인가하는 본 인가사항에 따라 학칙 및 법인 정관 변경등 필요한 조치를 취하시게 바라며,

3. 종합대학교 개편에 따른 교원 및 사무직원과 시설, 경비등을 개편이 상 확보하여 교육과정 운영에 차질이 없도록 조치하여 주시기 바랍니다.

첨부 : 인가서 1부. 끝

문 고 부 장

전주대 학	결재	
년 월 일	지	1.定款改正
시	시	2.教員,事務職員,施設確保
사무처장	사	3.供養
담당자	항	198 년
		월 일

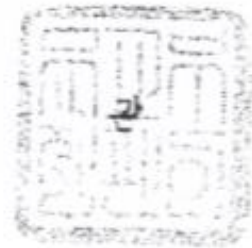
인 가 서

대학 1041.1-1/835

학교법인 영생학원의 전주대학 학교 명칭 변경을 교육법시행령 제55조 제2항의 규정에 의거 다음과 같이 인가함.

1983년 9월 8 일

문 고 부 장



1. 변경내용 : "전주 대학" 을 "전주 대학교" 로 한다.
2. 시행년월일 : 1984년 3월 1일
3. 인가조건
 - 가. 대학 설치기준령이 정하는 시설과 설비를 확보할 것.
 - 나. 교육법시행령과 대학설치기준령이 정하는 교원과 사무직원을 확보할 것. 끝

**BẢN DỊCH QUYẾT ĐỊNH CỦA BỘ GIÁO DỤC VỀ VIỆC ĐỔI TÊN
TRƯỜNG ĐH YEONGSAENG THÀNH ĐẠI HỌC JEONJU
BỘ GIÁO DỤC**

Mã văn bản: 1041.5
1983.9.8.

720-3330

Người nhận: **Chủ tịch học viện Yeongsaeng**

***Tiêu đề:* Cho phép thay đổi tên gọi Trường Đại học**

1. Văn bản liên quan: Học vụ Trường ĐH Jeonju 1045-107 (83.4.7)
2. Cho phép thay đổi tên gọi trường đại học theo cải cách chuyển đổi từ trường đại học đang hoạt động sang đại học tổng hợp, yêu cầu tuân thủ theo các nội quy trường học trong hạng mục cho phép và thực hiện các thay đổi như thay đổi hiệu trưởng... khi cần thiết.
3. Đảm bảo các nguồn lực như trang thiết bị, cơ sở hạ tầng, giáo viên, nhân viên văn phòng ...theo cải cách trường đại học tổng hợp, xử lý các vấn đề để không có sự gián đoạn trong quá trình vận hành đào tạo

Đính kèm: 01 bản giấy cấp phép. Hết

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC (đã ký, đóng dấu)

Giấy cấp phép

Số hồ sơ: 1041.1-1935

Cho phép đổi tên từ trường đại học Yeongsaeng thành Trường đại học Jeonju và tuân thủ theo khoản 2 điều 55 nguyên tắc đào tạo.

Ngày 8 tháng 9 năm 1983

Bộ trưởng bộ giáo dục (Ký tên, đóng dấu)

1. Nội dung thay đổi: “Đại học Jeonju” thay đổi thành “Đại học tổng hợp Jeonju”
2. Ngày hiệu lực: Ngày 3 tháng 1 năm 1984
3. Điều kiện cho phép:
 - a. Đảm bảo trang thiết bị và cơ sở hạ tầng theo tiêu chuẩn xây dựng trường đại học.
 - b. Đảm bảo giáo viên và nhân viên giáo vụ theo lệnh thi hành luật giáo dục và lệnh tiêu chuẩn xây dựng trường đại học. Hết.

Tôi, Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa
Quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn
bản đính kèm

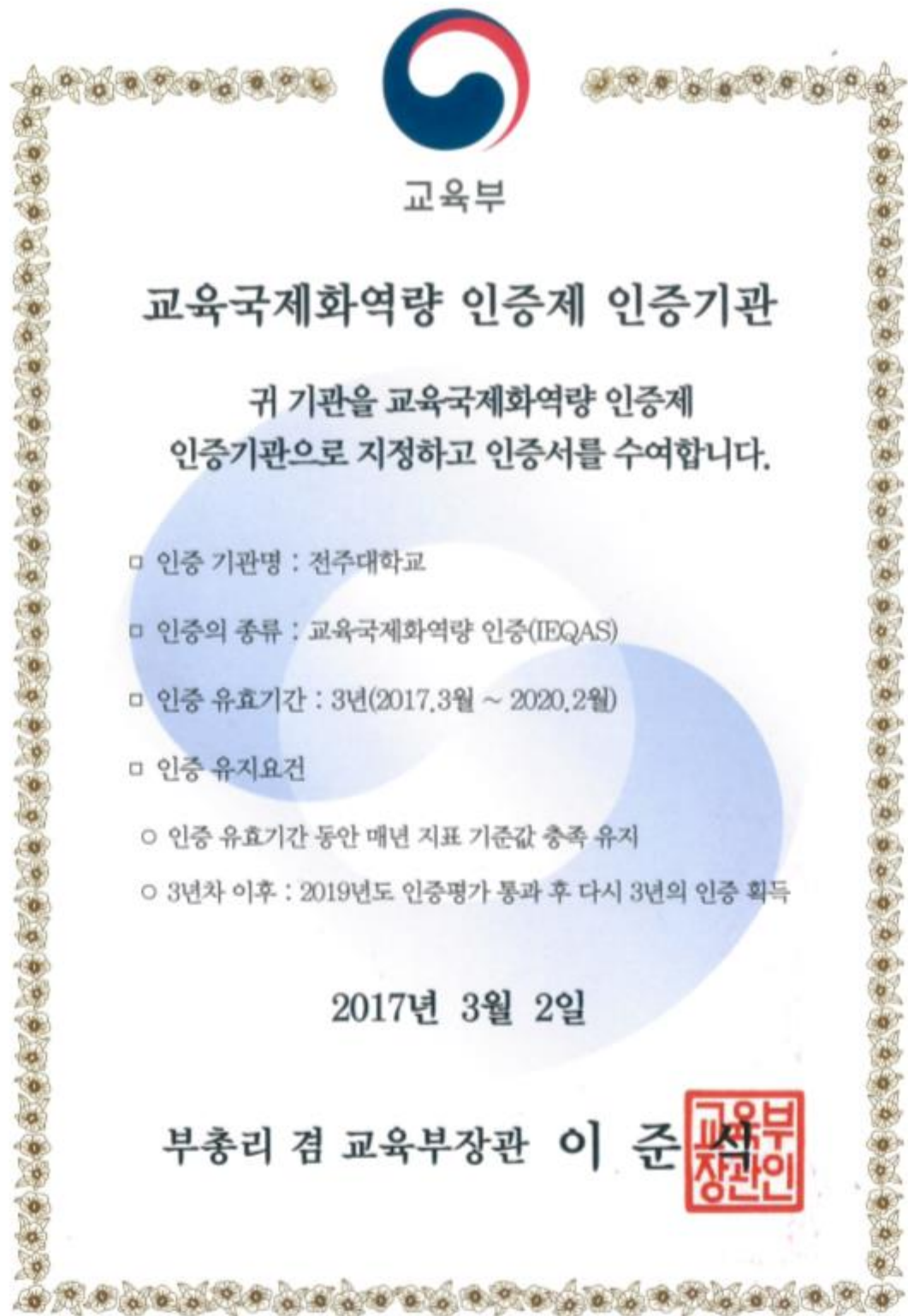
Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của ông Kwon Myoung Jae, giảng viên
khoa Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Kwon Myoung Jae

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

8. CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA ĐẠI HỌC JEONJU



BẢN DỊCH TIẾNG ANH CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA ĐẠI HỌC JEONJU

Certified Institute of International Education Quality Assurance System (IEQAS)

This institution is designated as certified Institute of International Education Quality Assurance System and awarded this certificate.

- Name of certified institute: Jeonju University
- Type of certification: International Education Quality Assurance System (IEQAS)
- Certification valid period: 3 years (2017. March – 2020. February)
- Certification Retention Requirements:
 - + Maintain indicators of reference value annually during certification validity
 - + 3 years later: Recertify for three years after passing the 2019 certification assessment

March 2, 2017

Deputy Prime Minister and Minister of Education

Lee June Seok

Tôi, Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa
Quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn
bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của ông Kwon Myoung Jae, giảng viên
khoa Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Kwon Myoung Jae

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO CỦA ĐẠI HỌC JEONJU

BỘ GIÁO DỤC

VIỆN CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC QUỐC TẾ (IEQAS)

**Tổ chức này được chỉ định là Viện chứng nhận hệ thống đảm bảo chất
lượng giáo dục quốc tế và được trao chứng nhận này.**

- Tên của đơn vị được chứng nhận: Đại học Jeonju
- Loại chứng nhận: Hệ thống đảm bảo chất lượng giáo dục quốc tế (IEQAS)
- Thời hạn chứng nhận: 3 năm (Từ tháng 3 – 2017 đến tháng 2 - 2020)
- Yêu cầu duy trì chứng nhận
 - + Duy trì các chỉ số về giá trị tham chiếu hàng năm trong thời gian hiệu lực chứng nhận
 - + Sau 3 năm: Xác nhận lại sau 3 năm khi vượt qua đánh giá chứng nhận năm 2019

Ngày 2 tháng 3 năm 2017

Phó thủ tướng, bộ trưởng bộ giáo dục LEE JUNE SEOK (đã ký)

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên
Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch
đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của Trần Thị Bích Thảo, cán bộ Trung
tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

**9.CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC
JEONJU**



Certificate of Accreditation

This is to certify that

Jeonju University

is accredited by the Korean University Accreditation
Institute, Korean Council for University Education
which is recognized by the Ministry of Education.



Effective Dates

January 1, 2014 - December 31, 2018

A handwritten signature in black ink, appearing to be 'm m s z', is written above the text.

President,
Korean University Accreditation Institute

**BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH CỦA
TRƯỜNG ĐẠI HỌC JEONJU**



CHỨNG NHẬN KIỂM ĐỊNH

Văn bản này xác nhận

ĐẠI HỌC JEONJU

được kiểm định bởi Viện kiểm định chất lượng trường đại học Hàn Quốc, hội đồng giáo dục đại học Hàn Quốc được công nhận bởi Bộ Giáo dục.

Ngày có hiệu lực

1/1/2014 – 31/12/2018

Viện trưởng – đã ký

Viện kiểm định chất lượng trường đại học Hàn Quốc

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, chuyên viên
Trung tâm HTĐT quốc tế, cam đoan đã dịch
đúng nội dung từ văn bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của Trần Thị Bích Thảo, cán bộ Trung
tâm HTĐT Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG
Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

10. CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ

ABEEK 제176-3호 (인증)



전주대학교 전기전자공학전문프로그램

(Electrical and Electronics Engineering, Jeonju University)

위 프로그램은 2016년 인증평가에 의해 인증 받았습니니다.

2017년 3월 1일

원장 유 기 풍

A handwritten signature in black ink, likely belonging to the Dean of Jeonju University.

이사장 윤 종 용

A handwritten signature in black ink, likely belonging to the President of ABEEK.

ABEEK

(사)한국공학교육인증원
Accreditation Board for Engineering Education of Korea

BẢN DỊCH CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ

CHƯƠNG TRÌNH CHUYÊN NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ - TRƯỜNG ĐẠI HỌC JEONJU

Chương trình này đã đạt chuẩn theo đánh giá đạt chuẩn năm 2016

Ngày 01 tháng 3 năm 2017

Viện trưởng (Đã ký)	Viện đánh giá chuẩn giáo dục và đào tạo Hàn Quốc	Chủ tịch hội đồng (Đã ký)
--------------------------------	---	--------------------------------------

Tôi, Trần Thị Bích Thảo, cán bộ TT
HTĐTQT, cam đoan đã dịch đúng nội dung
từ bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của bà Trần Thị Bích Thảo, cán
bộ TT HTĐTQT là đúng

**T/L. HIỆU TRƯỞNG
GD TRUNG TÂM HTĐTQT**

Trần Thị Bích Thảo

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

11. MẪU VĂN BẰNG

졸업증서번호: 학위증 제 00000 호

학 위 증

성 명 :

생년월일 :

위 사람은 본 대학교 소정의 전 과정을 이수하고 다음과 같은 학사의 자격을 갖추었으므로 이 증서를 수여함

전 공1 전기전자공학과(공학사)

전 공2

부전공

2019년 8월 22일



학위증서부장

이학박사

이



수려스파를 이루는 꽃

전주대학교

JEONJU UNIVERSITY



학위번호:

BẢN DỊCH TIẾNG VIỆT MẪU VĂN BẰNG

Văn bằng số: 00000

BẰNG TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC

TÊN :

NGÀY SINH :

Chứng chỉ này được trao vì bạn đã hoàn thành toàn bộ khóa học của Trường và đủ điều kiện để nhận bằng cử nhân sau:

Chuyên ngành 1 Kỹ thuật Điện và Điện tử

Chuyên ngành 2

Chuyên ngành phụ

Ngày 22 tháng 8 năm 2019

Hiệu trưởng Đại học Jeonju TSKH. Lee Ho In

ĐẠI HỌC JEONJU

(đã đóng dấu)

Số bằng:

Tôi, Kwon Myoung Jae, giảng viên khoa
Quốc tế, cam đoan đã dịch đúng nội dung từ văn
bản đính kèm

Trường Đại học Kỹ thuật công nghiệp xác
nhận chữ ký của ông Kwon Myoung Jae, giảng viên
khoa Quốc tế là đúng.

TL. HIỆU TRƯỞNG

Giám đốc Trung tâm HTĐT Quốc tế

Kwon Myoung Jae

PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh

PHỤ LỤC 8:

BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC ĐẠI HỌC NGÀNH KỸ THUẬT ĐIỆN VÀ ĐIỆN TỬ GIỮA TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP – ĐH THÁI NGUYÊN VÀ ĐẠI HỌC JEONJU, HÀN QUỐC

STT	Họ và tên	Chức vụ	Nhiệm vụ
1	PGS.TS. Nguyễn Duy Cường	Hiệu trưởng	Trưởng ban
2	PGS.TS. Vũ Ngọc Pi	Phó hiệu trưởng	Phó trưởng ban
3	PGS.TS Nguyễn Quốc Tuấn	Trưởng phòng Đào tạo	Ủy viên
4	PGS.TS. Nguyễn Tuấn Minh	Giám đốc TT HTĐTQT	Ủy viên
5	GVC.TS. Nguyễn Thị Mai Hương	Trưởng khoa Điện	Ủy viên
6	TS. Nguyễn Thị Thanh Nga	Trưởng BM Tự động hóa	Ủy viên

Ấn định danh sách 06 người./.

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Nguyễn Duy Cường

Học hàm, học vị: PGS.TS

Chức vụ: Hiệu trưởng Trường ĐH KTCN

Tel: 0987.920.721

E-Mail: nguyenduycuong@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Phường Tích Lương, TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

1979-1984, Đại học, Điện khí hóa xí nghiệp, Trường ĐH KTCN;

1985-2000, Đại học, Công nghệ thông tin, Trường ĐH Bách Khoa, Hà Nội;

1999-2001, Thạc sỹ, Tự động hóa, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

2004-2008, Tiến sỹ, Kỹ thuật điều khiển, Đại học Twente - Vương quốc Hà Lan.

Quá trình công tác

5/1984 – 10/2000, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

10/2000 – 1/2002, Trưởng BM, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

1/2002 – 4/2004, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

4/2004 – 4/2008, Nghiên cứu sinh, Đại học Twente - Vương quốc Hà Lan;

6/2008 – 12/2008, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

12/2008 – 8/2011, Trưởng phòng, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

8/2011 – 4/2016, Trưởng khoa Điện tử, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

4/2016 – 11/2016, Chủ tịch hội đồng Trường, Giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;

11/2016 – nay, Hiệu trưởng, giảng viên, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp.

Lĩnh vực nghiên cứu: Kỹ thuật điều khiển, Tự động hóa.

Công bố khoa học tiêu biểu

- Sách chuyên khảo, giáo trình

1. Advanced Controllers for Electromechanical Motion Systems. PhD thesis, University of Twente, Enschede, The Netherlands, ISBN: 978-90-365-2654-8, 2008.

2. Advanced Controllers for Electromechanical Motion Systems. Theory, Design, and Applications, Science and Technics Publishing House, ISBN: 978-604-67-0288-7, 2014.

- **Bài báo khoa học được công bố trên các tạp chí khoa học**

1. **Duy Cuong Nguyen**, Chemical Metallization of Insulating Polymeric Surfaces through Simple Diazonium-based Covalent Amination, *International Conference on Engineering Research and Applications (ICERA)*, December, 2018, Thai Nguyen, Viet Nam (Scopus), 2018.

2. **Duy Cuong Nguyen**, Electroless nickel plating onto Plexiglas through simple covalent grafting of vinylpyridine seed layer, *Materials and Design*, Vol. 144, pp. 151–158 (SCIE/Scopus).

3. Ngoc Pi Vu, Xuan Truong Duong, Viet Anh Ly, **Duy Cuong Nguyen**, Minh Duc Tran, Quang The Phan, Marek Balazinski, Le Thanh Son, Gul Zeb, Xuan Tuan Le, Electroless nickel plating onto Plexiglas through simple covalent grafting of vinylpyridine seed layer, *Materials and Design*, Vol. 144, pp. 151–158 (SCIE/Scopus).

4. Viet Anh Ly, Vu Ngoc Pi, **Duy Cuong Nguyen**, Xuan Truong Nguyen, Gul Zeb, Xuan Tuan Le, Chemical Metallization of Insulating Polymeric Surfaces through Simple Diazonium-based Covalent Amination, *International Conference on Engineering Research and Applications (ICERA)*, (Springer, Scopus), December, 2018, Thai Nguyen, Viet Nam, 2018.

5. Đặng Văn Huyền, Nguyễn Duy An, **Nguyễn Duy Cường**, "Thiết Kế Hệ Thống Bù Công Suất Phản Kháng Kết Hợp Lọc Sóng Hài Cho Các Hệ Thống Điện Công Nghiệp", *Tạp chí Nghiên cứu KH&CN quân sự*, Số Đặc san ACMEC, 07 - 2017. Page(s): 11 – 18, 2017.

6. Đàm Bảo Lộc, **Nguyễn Duy Cường**, Bù nhiễu tổng cho hệ điện cơ bằng điều khiển huân luyện truyền thẳng, *Tạp chí KHCN-ĐHTN*, 2017.

7. **Duy Cuong Nguyen**, Design of Feedback Combining Learning Feed Forward Control System for Quadcopter Craft. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự*, Viện khoa học và công nghệ quân sự, 2016.

8. **Duy Cuong Nguyen**, Thiết kế bộ điều khiển Feedback kết hợp Feedforward đối với hệ Twin Rotor. *Tạp chí Nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự*, Viện khoa học và công nghệ quân sự, 2016.

9. **Duy Cuong Nguyen**, Improve Control Quality for Two-Wheeled Mobile Robot. Advances in Intelligent and Computing. *Proceedings of the International Conference, ICTA 2016*, Vol. 538, 2016.

10. Đàm Bảo Lộc, Đặng Văn Huyền, **Nguyễn Duy Cường**, Thiết kế bộ điều khiển feed-back kết hợp feed -ward đối với hệ thống twin rotor, *Tạp chí nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự*, số đặc san 07, 2016.
11. Gia Thị Định, **Nguyễn Duy Cường**, Nâng cao chất lượng điều khiển cho robot hai bánh tự cân bằng, *Tạp chí nghiên cứu khoa học và công nghệ quân sự*, số đặc san 07, 2016.
12. **Duy Cuong Nguyen**, Chia tải hai động cơ nối cứng trục, chung tải sử dụng điều khiển thích nghi, *Tạp chí Khoa học và công nghệ, Đại học Thái Nguyên*, 2015.
13. Gia Thị Định, **Nguyễn Duy Cường**, Điều khiển adaptive backstepping cho robot hai bánh tự cân bằng, *Hội thảo cấp trường "Ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào thực tiễn"*, 2015.
14. Đàm Bảo Lộc, **Nguyễn Duy Cường**, Trần Thiện Dũng, Chia tải hai động cơ nối cứng trục, chung tải sử dụng điều khiển thích nghi, *Hội thảo cấp trường "Ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào thực tiễn"*, 2015.
15. Trần Thiện Dũng, **Nguyễn Duy Cường**, Đàm Bảo Lộc, Đặng Văn Huyền, Design of Indirect MRAS – Based Adaptive Control Systems, *Hội thảo cấp trường "Ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào thực tiễn"*, 2015.
16. **Nguyễn Duy Cường**, Nguyễn Thị Tuyết Hoa, Đặng Văn Huyền, Design of an Analog active filter using Operational Amplifiers, *Hội thảo cấp trường "Ứng dụng khoa học kỹ thuật cao vào thực tiễn"*, 2015.
17. Đàm Bảo Lộc, **Nguyễn Duy Cường**, Chia tải hai động cơ nối cứng trục, chung tải sử dụng điều khiển thích nghi, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 137, (07), 2015.
18. Gia Thị Định, **Nguyễn Duy Cường**, Điều khiển adaptive back stepping cho robot hai bánh tự cân bằng, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, tập 137, (07), 2015.
19. **Duy Cuong Nguyen**, An Adaptive LQG Combined with the MRAS - Based LFFC for Motion Control Systems, *Journal of Automation and Control Engineering*, 2014. ISSN: 2301-3702.
20. **Duy Cuong Nguyen**, Learning Feed-Forward Control for a Two-Link Rigid Robot Arm. *International Journal of Electronics and Electrical Engineering*, 2014.
21. **Duy Cuong Nguyen**, MRAS based LFFC for a Two-Link Rigid Robot Arm. *Journal of Automation and Control Engineering*, 2014.
22. **Duy Cuong Nguyen**, Direct MRAS based an Adaptive Control System for a Two-Wheel Mobile Robot. *Journal of Automation and Control Engineering*, 2014.

23. **Duy Cuong Nguyen**, Design of LQG Controller Using Operational Amplifiers for Motion Control Systems. *Journal of Automation and Control Engineering*, 2014.
24. **Nguyen Duy Cuong** , “Learning Feed-Forward Control for a Two-Link Rigid Robot Arm”, *The 2014 2nd International Conference on Control, Robotics and Cybernetics (ICCRC 2014)*, (Singapore).
25. **Nguyen Duy Cuong**, Tran Xuan Minh, “MRAS based LFFC for a Two-Link rigid Robot Arm”, *International Journal of Electronics and Electrical Engineering*, ISSN: 2301-380X, 2014.
26. **Nguyen Duy Cuong**, Tran Xuan Minh, Gia Thi Dinh, “Direct MRAS based an Adaptive Control System for a Two-Wheel Mobile Robot”, *Journal of Automation and Control Engineering*, ISSN: 2301-3702, Vol.3, pp.201 – 207, 2014.
27. **Nguyen Duy Cuong**, Tran Xuan Minh, “Design of Analog MRAS Controller Using Operational Amplifiers for Motion Control Systems”, *The IEEE 2014 International Conference on Information Science, Electronics and Electrical Engineering (ISEEE)*, (Sapporo – Hokkaido – Japan), ISBN: 978-1-4799-3197-2, pp. 904 - 908, 2014.
28. **Nguyen Duy Cuong**, “Design of MRAS-Based Adaptive Controllers for Motion Systems Using Linear Motors”, *The IEEE 2014 International Conference on Information Science, Electronics and Electrical Engineering (ISEEE)*, (Sapporo – Hokkaido – Japan), ISBN: 978-1-4799-3197-2, pp. 1403 – 1407, 2014.
29. **Nguyen Duy Cuong**, Nguyen Van Lanh, Dang Van Huyen, “Design of LQG Controller Using Operational Amplifiers for Motion Control Systems”, *The 2nd International Conference on Intelligent and Automation Systems (ICIAS 2014)*, (Ha Noi – Viet Nam); *Journal of Automation and Control Engineering*, ISSN: 2301 - 3702, pp. 300 – 306, 2014.
30. **Nguyen Duy Cuong**, Nguyen Van Lanh, Gia Thi Dinh, “An Adaptive LQG Combined With the MRAS - Based LFFC for Motion Control Systems”. *The 2nd International Conference on Intelligent and Automation Systems (ICIAS 2014)*, (Ha Noi – Viet Nam); *Journal of Automation and Control Engineering*, ISSN: 2301 - 3702, Vol.3, pp. 273 – 279, 2014.
31. **Nguyen Duy Cuong**, Nguyen Van Lanh, Dam Bao Loc, Tran Que Son, and Ngo Minh Chu, “Design of a PD Controller Combined with a MRAS-based LFFC for a Two – Link Robot Manipulator”, *The 2013 International Conference on Control, Mechatronics and Automation (ICCMA 2013)*, (Sydney – Australia); *Applied Mechanics and Materials Journal*, ISSN: 1660-9336, vol.3, pp. 1102 – 1106, 2013.

32. **Nguyen Duy Cuong**, T.J.A. de Vries, J. van Amerongen, “Application of NN-based and MRAS-based FFC to Electromechanical Motion Systems,” *The EPE’13 ECCE Europe 15th European Conference on Power Electronics and Application*, (Lille – France), ISBN: 978-90-75815-17-7 and 978-1-4799-0114-2, pp. 1 – 10, 2013.

33. **Nguyen Duy Cuong**, “Application of LQG combined with MRAS-based LFFC to Electromechanical Motion Systems”, *The 3rd IFAC International Conference on Intelligent Control and Automation Science (ICONS)*, (Chengdu – China), ISBN: 978-3-902823-45-8, pp. 263 – 268, 2013.

34. **Nguyen Duy Cuong**, Horst Puta, “Design of MRAS Based Control Systems for Load Sharing of Two DC Motors with a Common Stiff Shaft”, *The IEEE 2013 International Conference on Control, Automation and Information Sciences (ICCAIS)*, (Nha Trang – Viet Nam), ISBN: 978-1-4673-0813-7, pp. 243-248, 2013.

35. **Nguyen Duy Cuong**, Nguyen Van Lanh, Dang Van Huyen, “Design of MRAS-based Adaptive Control Systems”, *The IEEE 2013 International Conference on Control, Automation and Information Sciences (ICCAIS)*, (Nha Trang – Viet Nam), ISBN:978-1-4673-0813-7, pp. 79 - 84, 2013.

36. **Nguyễn Duy Cường**, Đào Bá Phong, Theo.J.A. deVries, and Job van Amerongen, “Learning Feed-Forward Controller for Electromechanical Motion Systems,” *Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ 8*, Hà nội – Việt nam, pp. 528 – 540, 2007.

37. **Nguyễn Duy Cường**, Đào Bá Phong, Theo.J.A. deVries, and Job van Amerongen, “An Advanced Controller Applied to Electromechanical Motion Systems,” *Hội nghị Cơ học toàn quốc lần thứ 8*, Hà nội – Việt nam, pp. 515 – 527, 2007.

38. **Nguyen Duy Cuong**, “*Advanced Controllers for Electromechanical Motion Systems*,” PhD thesis, University of Twente, Enschede, The Netherlands, ISBN: 978-90-365-2654-8, 2008.

39. **Nguyễn Duy Cường**, “Cân bằng tải cho 02 động cơ làm việc song song, nối cứng trực”, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ, 2014.

40. **Nguyễn Duy Cường**, Đào Bá Phong, Phan Xuân Minh, Hệ thống điều khiển thích nghi tham chiếu theo mô hình mẫu tuyến tính, Hội nghị Cơ Điện tử toàn quốc, Hà nội – Việt nam, pp. 96 – 104, 2007.

41. **Nguyễn Duy Cường**, Nguyễn Đăng Bình, Bùi Chính Minh, Trương Đức Thiệp, Nguồn xung công suất cho công nghệ mạ, Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Đại học Thái nguyên (ISSN 1859 – 2171), pp. , 2010.
42. **Nguyễn Duy Cường**, Đào Bá Phong, Phan Xuân Minh, Một số phương pháp thiết kế bộ điều khiển, Hội nghị Tự Động hoá, Đại học Bách khoa – Hà nội, 2006.
43. Võ Quang Lạp, **Nguyễn Duy Cường**, Cải tiến hệ thống nâng hạ điện cực lò hồ quang, Thông báo khoa học Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Năm: pp. 73 – 77, 2000.
44. **Nguyen Duy Cuong**, Horst Puta, “Load Sharing of Two DC Motors with a Common Stiff Shaft”, *The 2012 International Symposium on Technology for Sustainability*, pp. 50 - 55, 2012.
45. **Nguyen Duy Cuong**, Electromechanische Controllers werken beter samen, Bits&Chips - The Netherland, pp. 34, 2008.

Người khai

Nguyễn Duy Cường



MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of

The Rector of the College of Industrial Engineering
Thai Nguyen University

has conferred on
Mr. Nguyễn Duy Cường

the degree of Master of
Engineering



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo đề nghị của

Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp...
Đại học Thái Nguyên

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤP BẰNG

THẠC SĨ

Kỹ thuật

cho Ông Nguyễn Duy Cường

Sinh ngày 09-05-1962 tại Đào Bại



Số 2104

THỦ TRƯỞNG
Trần Văn Nh.

Hà Nội, ngày 8 tháng 11 năm 2002



University of Twente
Enschede - The Netherlands

*The Doctorate Board of the University of Twente
under the authority given it by the law admits*

NGUYEN DUY CUONG

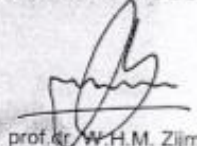
born in Laocai, Vietnam, on May 9th, 1962

to the degree of Doctor (Dr.),
(pursuant to "de Wet op het Hoger Onderwijs en Wetenschappelijk Onderzoek"
(the law on Higher Education and Scientific Research), articles 7.18 and 7.22)

having heard the defence on April 10th, 2008 of the thesis
entitled:

**ADVANCED CONTROLLERS
FOR
ELECTROMECHANICAL MOTION SYSTEMS**

Chairman of the Doctorate Board,



prof. dr. W.H.M. Zijm

Enschede, April, 2008

TRANSLATION OF THE DOCTORAL DIPLOMA

TRƯỜNG ĐẠI HỌC TWENTE
ENSCHDEDE - THE NETHERLANDS

BAN QUẢN LÝ VÀ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ TRƯỜNG ĐẠI HỌC TWENTE

CẤP

BẢNG TIẾN SĨ

BẢN DỊCH

Họ và tên: NGUYỄN DUY CƯƠNG

Sinh ngày: 09/05/1962 tại Lào Cai - Việt Nam

(Căn cứ theo "de Wet op het Hoger Onderwijs en Wetenschappelijk Onderzoek" (quy định pháp luật về Giáo dục đại học và nghiên cứu khoa học, tại Điều 7.18 và 7.22)

Bảo vệ luận án Tiến sĩ ngày: 10/ 04/ 2008

Tên luận án: BỘ ĐIỀU KHIỂN CAO CẤP CHO CÁC HỆ THỐNG
CHUYỂN ĐỘNG CƠ ĐIỆN

Enschede, tháng 4 năm 2008

CHỦ TỊCH BAN QUẢN LÝ VÀ ĐÀO TẠO TIẾN SĨ
Giáo sư, Tiến sĩ: W.H.M. Zijm (đã ký)

My name is Nguyen Thi Mai Lien, who is bearing ID. No. 091077570 and is a collaborator of translation of the Judiciary Department-Dong Hy distric.

I hereby undertake and bear full responsibility of version's accuracy from Vietnamese into English (Vietnamese documents are also attached to)

Thai Nguyen, August 26, 2013

Translator

Nguyễn Thị Mai Liên

Attestation of the signature in the version of Ms. Nguyen Thi Mai Lien, who is bearing ID. No. 091077570 is issued on the 30th December 2003 and signed in the version before my presence.

No (số): 119 Vol. No (Quyển số): 01

Thai Nguyen, August 26, 2013

DEAN OF THE JUDICIARY DEPARTMENT



PHÒNG TƯ PHÁP HUYỆN ĐỒNG HỖ
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Nguyễn Thị Phương Nhiên

HC - TC

1

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2016

CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 04/2008

Do:

Trường Đại học Twente, Hà Lan

Cấp cho:

Nguyễn Duy Cường

Ngày sinh:

09 tháng 5 năm 1962

Nơi sinh:

Lào Cai

Là bằng tốt nghiệp:

Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 3 năm 2016

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 28 tháng 4 năm 2016
Số CT: 202...Quyển...C1.....

CỤC TRƯỞNG



Mai Văn Trinh



PHÓ CHỦ TỊCH
KỶ CHỨC TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Đình Hiệp

Đã vào sổ đăng ký số...00.9.5.67/ CNVB - TS

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Vũ Ngọc Pi

Học hàm, học vị: PGS.TS

Phó hiệu trưởng Trường ĐH KTCN

Tel: 0974905578

E-Mail: ngocpivu@yahoo.com

Địa chỉ: Phường Phú Xá, TP Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

1985, Đại học, Cơ khí, Trường ĐH KTCN

1998, Thạc sỹ, Cơ kỹ thuật, Trường ĐHBK HN

2008, Tiến sỹ, Kỹ thuật cơ khí, Đại học Công nghệ Delft, Hà lan

Quá trình công tác

06/1985 - nay, Cán bộ giảng dạy Đại học, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp; Đại học Thái Nguyên;

1986 - 1988, Phó bí thư Liên chi đoàn khoa Cơ khí, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên;

1988 - 1989, Bí thư Liên chi đoàn khoa Cơ khí, Ủy viên TW Đoàn trường, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên;

1990 - 6/2001, Phó trưởng khoa Cơ khí, Đại học Kỹ thuật Công nghiệp Thái Nguyên;

10/2000 - 04/2002, Trưởng bộ môn Nguyên lý-Chi tiết máy, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

04/2002 - 05/2003, Học tiếng Anh tại Hà nội, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

01/06/2003 - 30/06/2003, Thực tập sinh tại Đại học Suranary Thái lan, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

12/2003 - 06/2008, Nghiên cứu sinh Đại học Công nghệ Delft, Hà lan, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

22/9/2008 - 9/2009, Trưởng Bộ môn Kỹ thuật Cơ khí, Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

5/4/ 2009 - 10/11/2011, Trưởng Khoa Cơ khí, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên;

11/2011 - nay, Phó Hiệu trưởng, Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, Đại học Thái Nguyên.

Hoạt động:

- Hội viên Hội nhà báo Việt Nam
- Thành viên Ban biên tập Tạp chí Cơ khí Việt Nam

Môn học giảng dạy: Chi tiết máy, Đại cương về kỹ thuật, Phương pháp nghiên cứu khoa học

Lĩnh vực nghiên cứu: Thiết kế cơ khí

Công bố khoa học tiêu biểu

- Sách chủ biên

1. Performance Enhancement of Abrasive Waterjet Cutting, NXB Đại học Công nghệ Delft, Hà lan, 2008, Sách chuyên khảo
2. Cơ sở thiết kế máy và chi tiết máy, NXB Trường Đại học Kỹ Thuật Công nghiệp, 2001, Giáo trình

- Sách tham gia biên soạn

1. Các phương pháp gia công tiên tiến, NXB Khoa học Kỹ thuật, 2009, Giáo trình
2. Hoạt động Nghiên cứu khoa học sinh viên, NXB Lao động – Xã hội, 2011, Bài giảng

- Các bài báo và báo cáo khoa học quốc tế

1. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Quoc Tuan, Tran Thi Hong, Le Hong Ky, Nguyen Anh Tuan, Luu Anh Tung, Nguyen Van Tung and Le Xuan Hung, Optimization of grinding parameters for minimum grinding time when grinding tablet punches by CBN wheel on CNC milling machine, *Appl. Sci.* 2019, 9(5), 957; <https://doi.org/10.3390/app9050957>, 2019.

2. Thi-Hong Tran, Anh-Tung Luu, Quoc-Tuan Nguyen, Hong-Ky Le, Anh-Tuan Nguyen, Tien-Dung Hoang, Xuan-Hung Le, Tien-Long Banh and **Ngoc-Pi Vu**, Optimization of exchanged grinding wheel diameter for surface grinding tool steel based on the cost analysis, *Metals* 2019, 9(4), 448; <https://doi.org/10.3390/met9040448>, 2019.

3. Thi-Hong Tran, Xuan-Hung Le, Quoc-Tuan Nguyen, Hong-Ky Le, Tien-Dung Hoang, Anh-Tung Luu, Tien-Long Banh and **Ngoc-Pi Vu**, Optimization of Exchanged Grinding Wheel Diameter for Minimum Grinding Cost in Internal Grinding, *Appl. Sci.* 2019, 9(7), 1363; <https://doi.org/10.3390/app9071363>, 2019.

4. Jiaofei Huo, Shoufa Liu, Yinwei Wang, T. Muthuramalingam, and **Vu Ngoc Pi**, Influence of process factors on surface measures on electrical discharge machined stainless steel using TOPSIS, *Materials Research Express*, Volume 6, Number, <https://doi.org/10.1088/2053-1591/ab1ae0>, 2019.

5. Le Xuan Hung, Vu Thi Lien, **Vu Ngoc Pi**, Banh Tien Long, A Study on Coolant Parameters in Internal Grinding of 9CrSi Steel, *Materials Science Forum*, Vol. 950, pp. 24-31, 2019, 2019
6. Hoang Xuan Tu, **Vu Ngoc Pi**, Gong Jun, A Study on Determination of Optimum Parameters for Lubrication in External Cylindrical Grinding Base on Taguchi Method, *Key Engineering Materials*, Vol. 796, pp. 97-102, 2019, 2019.
7. Xuan Hung Le, **Ngoc Pi Vu**, Anh Tung Luu, Hoang Xuan Tu, Gong Jun and Tien Long Banh, Determination of optimum exchanged grinding wheel diameter when internal grinding alloy tool steel 9CrSi, *IOP Conference Series: Materials Science and Engineering*, Volume 417, conference 1, <https://doi.org/10.1088/1757-899X/417/1/012026>, 2018.
8. Khac Tuan Nguyen, **Ngoc Pi Vu**, Thi Hong Cam Nguyen, Thi Phuong Thao Tran, Ky Thanh Ho, Xuan Hung Le and Thi Tham Hoang, Determining Optimal Gear Ratios of a Two-stage Helical Reducer for Getting Minimal Acreage of Cross Section, *MATEC Web of Conferences* 213, 01008 (2018), 2018.
13. Gul Zeb, Xuan Truong Duong, **Ngoc Pi Vu**, Quang The Phan, Duc Tuong Nguyen, Viet Anh Ly, Siamak Salimy, Xuan Tuan Le, Chemical metallization of KMPR photoresist polymer in aqueous solutions, *Applied Surface Science* 407 (2017), 518–525, 2017.
14. **Vu Ngoc Pi**, Luu Anh Tung, Le Xuan Hung and Banh Tien Long, Cost Optimization of Surface Grinding Process, *Journal of Environmental Science and Engineering A* 5 (2016), 606-611, 2016.
15. **Vu Ngoc Pi**, Le Xuan Hung, Luu Anh Tung, and Banh Tien Long, Cost Optimization of Internal Grinding, *Journal of Materials Science and Engineering B* 6 (11-12) (2016), 291-296, 2016.
16. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Thi Hong Cam, Nguyen Khac Tuan, Optimum Calculation of Partial Transmission Ratios of Mechanical Driven Systems Using a V-belt and a Two-Step Bevel Helical Gearbox, *Journal of Environmental Science and Engineering A* 5 (2016), 566-569, 2016.
17. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Khac Tuan, Optimum Determination of Partial Transmission Ratios of Three-Step Helical Gearboxes for Getting Minimum Cross Section Dimension, *Journal of Environmental Science and Engineering A* 5 (2016) 570-573, 570-573, 2016.
18. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Thi Hong Cam, Optimum Determination of Partial Transmission Ratios of Coupled Planetary Gearboxes, *Journal of Environmental*

Science and Engineering B, Volume 3, Number 4, 224-226, 2014.

19. **Vu Ngoc Pi**, Banh Tien Long, Vu Hong Khiem, Nguyen Hong Quan, Profit Optimization of External Cylindrical Grinding, *Journal of Environmental Science and Engineering B*, Volume 3, Number 5, 227-231, 2014.

20. **Vu Ngoc Pi**, Phan Quang The, Vu Hong Khiem, Nguyen Ngoc Huong, Cost optimization of external cylindrical grinding, *Applied Mechanics and Materials*, Vols. 312, © Trans Tech Publications, Switzerland, 982-989, 2013.

21. **Vu Ngoc Pi**, Hoang Van Chau, Tran Quoc Hung, A study on recycling of Supreme garnet in Abrasive Waterjet Machining, *Applied Mechanics and Materials*, Vol. 248, © Trans Tech Publications, Switzerland, 499-503, 2013.

22. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Thi Hong Cam, Hoang Vi, A study on optimum calculation of partial transmission ratios of coupled planetary gear sets, *Applied Mechanics and Materials*, Vols. 275-277, © Trans Tech Publications, Switzerland, 2417-2420, 2013.

23. **Vu Ngoc Pi**, Pham Hong Thai, Tran Quoc Hung, Profit optimization of steel shot blasting process, *Applied Mechanics and Materials*, Vols. 312, © Trans Tech Publications, Switzerland, 976-981, 2013.

24. **Vu Ngoc Pi**, Phan Chi Chinh, A Study on Cost Optimization of Steel Shot Blasting Systems, *Applied Mechanics and Materials*, Vols. 52-54, © Trans Tech Publications, Switzerland, 568-572, 2011.

25. **Vu Ngoc Pi**, Tran Minh Duc, A study on Multi - objective Optimization of Abrasive Blasting Systems, *Journal of Advanced Materials Research*, Vol. 126 - 128 (2010), © Trans Tech Publications, Switzerland, 29-34, 2010.

26. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Dang Binh, Nguyen Van Du, Phung The Chien, A new study on optimization of abrasive blasting systems, *The international symposium on Mechanical Engineering* (ISME Ho Chi Minh city, Vietnam), 21-23, September, 143-148, 2009.

27. Le Xuan Hung, **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Van Du, Optimal calculation of partial transmission ratios of four-step helical gearboxes with second and fourth-step double gear-sets for minimal mass of gears, *The international symposium on Mechanical Engineering* (ISME Ho Chi Minh city, Vietnam, 21-23, September, 1-5, 2009.

28. **Vu Ngoc Pi**, A.M. Hoogstrate, P. Golfiott, B. Karpuschewski, A study on abrasive recycling and recharging in abrasive waterjet (AWJ) machining, *Int. J. Machining and Machinability of Materials*, Vol. 6, Issue ¾, 2009, ISBN: 1748-5711, 213-233, 2009.

29. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Quoc Tuan, A study on nozzle wear modeling in Abrasive waterjet cutting, *Advanced Materials Research* Vols. 76-78 (2009), ISSN: 1022-6680, 345-350, 2009.
30. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Quoc Tuan, Necessary cutting energy in Abrasive waterjet machining, *Advanced Materials Research* Vols. 76-78 (2009), SSN: 1022-6680, 351-356, 2009.
31. **Vu Ngoc Pi**, Profit optimization of Abrasive blasting systems, *Applied Computing Conference (ACC' 08)*, Istanbul, Turkey, May 27-30, 2008, ISBN: 978-960-6766-67-1; ISSN: 1790-2769, 53-57, 2008.
32. **Vu Ngoc Pi**, Optimal determination of partial transmission ratios for four-step helical gearboxes with first and third step double gear-sets for minimal mass of gears, *Applied Computing Conference (ACC' 08)*, Istanbul, Turkey, May 27-30, 2008, ISBN: 978-960-6766-67-1; ISSN: 1790-2769.
33. **Vu Ngoc Pi**, Optimal calculation of Partial Transmission Ratios of Four-step helical gearboxes for getting minimal gearbox length, *Int. J. of Mathematical, Physical and Engineering Sciences*, Vol.2, No.2, 2008, ISSN 1307-7465, 95-98, 2008.
34. **Vu Ngoc Pi**, A study on Optimal determination of partial transmission ratios of Helical gearboxes with second-step double gear-sets, *Int. J. of Mathematical, Physical and Engineering Sciences*, Vol.2, No.2, 2008, ISSN 1307-7465, 99-102, 2008.
35. **Vu Ngoc Pi**, A study on optimum calculation of the total transmission ratio of four-step helical gearboxes with first and third step double gear-sets, *International Journal of Mathematics and Computers in Simulations*, Issue 1, Vol. 2, 2008, ISSN 1998-0159, 102-108, 2008.
36. **Vu Ngoc Pi**, A new study on optimal calculation of partial transmission ratios of three-step helical reducers, *The 3rd IASME / WSEAS International Conference on CONTINUUM MECHANICS (CM'08)*, Cambridge, UK, February 23-25, 2008, ISBN: 978-960-6766-38-1, 10-13, 2008.
37. **Vu Ngoc Pi**, A study on optimal determination of partial transmission ratios of three-step helical gearboxes with second-step double gear-set, *The 3rd IASME / WSEAS International Conference on CONTINUUM MECHANICS (CM'08)*, Cambridge, UK, February 23-25, 2008, ISBN: 978-960-6766-38-1, 67-70, 2008.
38. **Vu Ngoc Pi**, Optimum determination of partial transmission ratios of three step helical gearboxes, *WSEAS Transactions on Applied and Theoretical Mechanics*, Issue 2, Vol. 1, February, 2008, ISSN 1991-8747, 43-52, 2008.
39. **Vu Ngoc Pi**, A new study on optimal calculation of partial transmission ratios

of helical gearboxes with first-step double gear-sets, *International MultiConference of Engineers and Computer Scientists 2008*, Hong Kong 19-21 March, 2008, ISBN: 978-988-17012-1-3, 1706-1708, 2008.

40. **Vu Ngoc Pi**, Optimal calculation of partial transmission ratios of four-step helical gearboxes for getting minimal cross section dimension, *International MultiConference of Engineers and Computer Scientists 2008*, Hong Kong 19-21 March, 2008, ISBN: 978-988-17012-1-3, 1709-1712, 2008.

41. **Vu Ngoc Pi**, Optimal calculation of partial transmission ratios for four-step helical gearboxes with first and third step double gear-sets for minimal gearbox length, *Proceedings of the AMERICAN CONFERENCE ON APPLIED MATHEMATICS (MATH '08)*, Cambridge, Massachusetts, USA, March 24-26, 2008, ISBN: 978-960-6766-47-3, 29-32, 2008.

42. **Vu Ngoc Pi**, Optimal Determination of Partial Transmission Ratios of Three-Step Helical Gearboxes with First and Third-Step Double Gear-Sets for Minimal Mass Of Gears, *Proceedings of the AMERICAN CONFERENCE ON APPLIED MATHEMATICS (MATH '08)*, Cambridge, Massachusetts, USA, March 24-26, 2008, ISBN: 978-960-6766-47-3, 85-88, 2008.

43. **Vu Ngoc Pi**, Optimal calculation of partial ratios of helical gearboxes with second-step double gear-sets, *The 3rd IASME / WSEAS International Conference on CONTINUUM MECHANICS (CM'08)*, Cambridge, UK, February 23-25, 2008, ISBN: 978-960-6766-38-1, 63-66, 2008.

44. **Vu Ngoc Pi**, A.M. Hoogstrate, Momentum transfer efficiency in abrasive waterjet cutting, *Precision Grinding and Abrasive Technology at SME International Grinding Conference*, Dearborn USA, September 26-28, 2007, ISBN 087263857-7, 591-598, 2007.

45. **Vu Ngoc Pi**, Optimal determination of partial ratios of three-step helical gearboxes with first and third step double gear-sets for getting minimal gearbox length, *International Journal of Mathematics and Computers in Simulations*, Issue 4, Vol. 1, 2007, ISSN 1998-0159, 323-326, 2007.

46. **Vu Ngoc Pi**, A.M. Hoogstrate, Cost Optimization of Abrasive Blasting Systems: A New and Effective Way for Using blasting Nozzles, *Advances in Abrasive Technology IX, Key engineering materials Journal*, Vol. 329 (2007), ISBN: 0-87849-416-2, 323-328, 2007.

47. **Vu Ngoc Pi**, A.M. Hoogstrate, Cost calculation for recycled abrasive and for abrasive selecting in Abrasive Waterjet Machining, *International Journal of Precision*

Technology, Vol. 1, No. 1, 2007, ISSN: 1755-2079, 40-54, 2007.

48. **Vu Ngoc Pi**, M.A. Hoogstrate, Cost calculation for Abrasive Recycling and for Abrasive Comparing for Abrasive Waterjet (AWJ) Cutting Systems, *Conference on Manufacturing Science and Technology (ICOMAST)*, 28-30 August 2006, Malaysia, ISBN 983-42051-1-2, 153-156, 2006.

49. A.M. Hoogstrate, **V.N. Pi**, B. Karpuschewski, Cost optimization for multiple-head AWJ cutting, *18th International Conference on Water Jetting*, Gdansk, Poland, 13-15 September, 2006, ISBN: 1 85598 080-0, 251-264, 2006.

50. **Vu Ngoc Pi**, M.A. Hoogstrate, B. Karpuschewski, Cost optimization and a new and effective way of using AWJ nozzles, *5th International Conference of PhD students, Hungary*, August 14-20, 2005, ISBN 963 661 673 6, 153-165, 2005.

51. **Vu Ngoc Pi**, A new and effective method for optimal calculation of total transmission ratio of two step bevel - helical gearboxes, *International colloquium in mechanics of solids, fluids, structures and interactions*, Nha Trang (2000), 716- 719, 2000.

- Các bài báo và báo cáo khoa học trong nước

1. Trần Thị Phương Thảo, Lê Thị Phương Thảo, **Vũ Ngọc Pi**, Tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hệ dẫn động cơ khí dùng bộ truyền đai, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, số 8, 2015, 35-41, 2015.

2. **Vu Ngoc Pi**, Tran Thi Phuong Thao, Le Thi Phuong Thao, A new study on the optimum calculation of partial transmission ratios of mechanical drive system using a V-belt and two-step helical gearbox, *Vietnam Mechanical Engineering Journal*, No. 10, 2015, 122-127, 2015.

3. Nguyen Thi Hong Cam, Nguyen Van Trang, **Vu Ngoc Pi**, A new study on optimum calculation of partial transmission ratios of coupled planetary gear sets, *Journal of Science and Technology*, Vol.127, No.13; ISSN 1859 - 2178, 2014.

4. Bành Tiến Long, **Vũ Ngọc Pi**, Lưu Anh Tùng, Lê Xuân Hưng, Nghiên cứu xây dựng công thức tính chế độ cắt cho mài phẳng, *Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí*, tháng 4, 2013.

5. Lê Xuân Hưng, Vũ Hồng Khiêm, **Vũ Ngọc Pi**, Trần Quốc Hùng, Thiết kế chế tạo cơ cấu cấp hạt mài kiểu băng tải sử dụng trong gia công tia nước áp suất cao trộn hạt mài, *Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí*, tháng 4, 2013.

6. Nguyễn Thị Hồng Cẩm, **Vũ Ngọc Pi**, Lê Văn Nhất, Xác định tỷ số truyền tối ưu của các cặp bánh răng trong truyền động bánh răng hành tinh hai cấp, *Kỷ yếu hội nghị khoa học và công nghệ toàn quốc về cơ khí*, tháng 4, 2013.

7. **Vũ Ngọc Pi**, Lê Xuân Hưng, Trần Quốc Hùng, Nguyễn Văn Kiên, Nghiên cứu, thiết kế, chế tạo máy sàng rung kiểu cơ khí, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, số 1+2 (2012), 24-26, 2012.
8. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Hồng Khiêm, Phạm Thanh Cường, Xây dựng các công thức tính chế độ cắt cho mài tròn ngoài, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, số 12 (2012), 18-23, 2012.
9. Nguyễn Hồ Quang, Trần Đức Hải, Bùi Thanh Hiền, **Vũ Ngọc Pi**, Tối ưu số cánh turbine cho máy phát điện sức gió kiểu trục đứng, loại cánh thẳng, *Tạp chí Công nghiệp Nông thôn*, số 2 (2011), 31-32, 2011.
10. Lê Xuân Hưng, **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Hồng Khiêm, Trần Quốc Hùng, Nghiên cứu tái chế, bù tái chế hạt mài Supreme Garnet trong gia công tia nước có hạt mài, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, Số 9, tháng 9, 31-37, 2011.
11. Nguyễn Thị Thanh Nga, **Vũ Ngọc Pi**, Một nghiên cứu mới về phân phối tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng trụ răng nghiêng hai cấp khai triển, *Tạp chí Cơ khí Việt Nam*, số 8 (2010), 18-22, 2010.
12. Lê Xuân Hưng, **Vũ Ngọc Pi**, Nghiên cứu cải tiến máy khoan bàn nhằm mở rộng khả năng gia công của máy, *Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái nguyên*, Tập 74, số 12, 34-37, 2010.
13. **Vũ Ngọc Pi**, Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự, Phùng Thế Chiến, Một nghiên cứu mới về tối ưu hóa hệ thống làm sạch bằng phun cát, *Tuyển tập Hội nghị Khoa học và Công nghệ lần thứ 11, Tp. Hồ Chí Minh*, 21-23, 2009.
14. Lê Xuân Hưng, **Vũ Ngọc Pi**, Nguyễn Văn Dự, Tính toán tối ưu tỉ số truyền các cấp cho hộp giảm tốc bốn cấp với cấp thứ hai và thứ tư phân đôi nhằm đạt khối lượng các bộ truyền là nhỏ nhất, *Tuyển tập Hội nghị Khoa học và Công nghệ lần thứ 11, Tp. Hồ Chí Minh*, 21-23, 2009.
15. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đạc, Optimal calculation of partial transmission ratios of worm-helical gear reducers for minimal gearbox length, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật*, Số 61/2007, 73-77, 2007.
16. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đạc, Phân phối tỉ số truyền cho hộp giảm tốc trục vít hai cấp theo chỉ tiêu kết cấu của hộp hợp lý nhất, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái nguyên*, Số 1 (41) 2007, 65-69, 2007.
17. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đạc, Phân phối tỉ số truyền cho hộp giảm tốc trục vít hai cấp theo chỉ tiêu kết cấu của hộp hợp lý nhất, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái nguyên*, Số 1 (41) 2007, 65-69, 2007.
18. **Vũ Ngọc Pi**, Nguyễn Đăng Bình, Vũ Quý Đạc, Phan Quang Thế, Một phương

pháp tính toán tối ưu tỉ số truyền các cấp cho hộp giảm tốc bánh răng trụ răng nghiêng bốn cấp, *Hội nghị Cơ học kỹ thuật và Tự động hóa toàn quốc*, Hà nội, 11-12, tháng 10, 2006, 191-195, 2006.

19. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đặc, Phân phối tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng trụ bốn cấp theo chỉ tiêu khối lượng của các bánh răng nhỏ nhất, *Hội nghị Khoa học toàn quốc Cơ học Vật rắn biến dạng lần thứ 8, Thái Nguyên*, 25-26 /8/2006, 665-672, 2006.

20. **Vũ Ngọc Pi**, Nguyễn Đăng Bình, Vũ Quý Đặc, Phan Quang Thế, Tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng trụ răng nghiêng ba cấp theo chỉ tiêu khối lượng các bánh răng nhỏ nhất, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật*, Số 55/2006, ISSN 0868-3980, 91-93, 2006.

21. **Vũ Ngọc Pi**, Vũ Quý Đặc, Một phương pháp tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng trụ ba cấp, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật*, Số 58/2006, 33-36, 2006.

22. Vũ Ngọc Pi, Vũ Quý Đặc, Tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc trục vít – bánh răng, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái nguyên*, Số 4 (36), Tập 1, 2005, 70-73, 2005.

23. **Vu Ngoc Pi**, Nguyen Dang Binh, Vu Quy Dac, Phan Quang The, Effective method for Optimal splitting of Total transmission ratio of Coaxial helical gearboxes, *School on Computational Sciences and Engineering: Theory and Application*, March 3-5, 2005, Ho Chi Minh City, 96-99, 2005.

24. **Vu Ngoc Pi**, Vu Quy Dac, A new and effective method for Optimum calculation of Total transmission ratio of Two step helical gearboxes, *School on Computational Sciences and Engineering: Theory and Application*, March 3-5, 2004, Ho Chi Minh City, 103-106, 2004.

25. **Vu Ngoc Pi**, A method for optimal calculation of total transmission ratio of two step helical gearboxes, *Proceedings of the First National Conference on Engineering mechanics*, Volume 1. Hanoi, October 12-13, 2001, 133-136, 2001.

26. **Vu Ngoc Pi**, Tính toán tối ưu tỉ số truyền cho hộp giảm tốc bánh răng côn - trụ hai cấp, *Tuyển tập Hội nghị Khoa học Toàn quốc về Cơ học kỹ thuật*, Tập 2, Hà nội 12-13/10/2001, 239-241, 2001.

27. Nguyễn Xuân Quỳnh, Nguyễn Văn Dữ, **Vũ Ngọc Pi**, Hoàng Vị, Trần Vệ Quốc, Ứng dụng CAD trong tự động hóa thiết kế hệ dẫn động cơ khí, *Hội nghị Toàn quốc lần thứ 3 về Tự động hóa (3rd VICA)*, Hà nội, 9-11/4/1998, 659-668, 1998.

28. **Vũ Ngọc Pi**, Trịnh Chất, Về kết cấu và tính toán tối ưu động cơ – hộp giảm

tốc, Tạp chí Khoa học và Công nghệ, *Đại học Thái nguyên*, Số 2 (3) 1997, 43-46, 1997.

- Đề tài nghiên cứu khoa học

1. Ứng dụng CAD tự động hóa thiết kế hệ thống dẫn động cơ khí, Đề tài cấp Bộ, 1997 -2002, Nghiệm thu loại Tốt.

2. Nghiên cứu thiết kế tối ưu hệ dẫn động dùng hộp giảm tốc trục vít hai cấp, Đề tài cấp Bộ, 2001 - 2003, Nghiệm thu loại Tốt.

3. Tuổi bền tối ưu của vòi phun trong công nghệ làm sạch bằng phun cát, Đề tài cấp Bộ, 2009 - 2011, Nghiệm thu loại Tốt.

4. Xây dựng kế hoạch giảng dạy và bài giảng điện tử môn học Đại cương về kỹ thuật theo hướng tích cực hóa nhận thức của người học, Đề tài cấp Đại học, 2009, Nghiệm thu loại Tốt.

5. Tối ưu hóa giá thành trong làm sạch bằng phun bi và tuổi bền tối ưu của vòi phun, Đề tài cấp Trường, 2010, Nghiệm thu loại Tốt.

6. Nghiên cứu, xác định tuổi bền tối ưu của đá mài trong gia công mài tròn ngoài, Đề tài cấp Bộ, 2012 - 2016, Nghiệm thu loại Xuất sắc.

7. Ứng dụng phương pháp gia công tia lửa điện trong quy trình chế tạo chày dập thuốc viên định hình, Đề tài cấp Tỉnh Thái Nguyên, 2016 - 2017, Nghiệm thu loại Xuất sắc.

8. Phân phối tối ưu tỉ số truyền cho hệ dẫn động cơ khí sử dụng hộp giảm tốc trục vít và bộ truyền ngoài, Đề tài cấp Trường, Mã số T2018-B16, 2018 - 2019, Nghiệm thu loại Xuất sắc.

9. Thiết kế tối ưu hệ dẫn động cơ khí sử dụng hộp giảm tốc bánh răng trụ nhiều cấp và bộ truyền ngoài, Đề tài cấp Trường, Mã số T2018-B17, 2018 - 2019, Nghiệm thu loại Xuất sắc.

Xác nhận của cơ quan quản lý

Người khai

Vũ Ngọc Pi



MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of
Rector of Hamam: University of Technology

has conferred on
Mr. Vu Ngoc Di
the degree of Master of
Engineering



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Chí Thiện

Số: 8285

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN SAO

Theo đề nghị của

Hiệu trưởng Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤP BẰNG

CHỨNG NHẬN
SAO ĐÙNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày: 25-03-2003
Số C.C. TP/CC-SCC

THẠC SĨ

Thị thuật
cho ông *Vu Ngoc Di*
Sinh ngày 12-9-1964 tại *Phước Bình*

Hà Nội, ngày 17 tháng 7 năm 1998



THỦ TRƯỞNG
Đào Ngọc Khuê



The Board for Doctorates of Delft University of Technology
declares, under the provisions of art. 9.10 of the Higher
Education and Research Act
(July 2nd, 1997; Staatsblad no. 322),
that

Vu Ngoc Pi

born on September 12, 1964,
in Thai Binh (Vietnam),
having presented and successfully defended a dissertation
entitled

***"Performance Enhancement of Abrasive
Waterjet Cutting",***

with attached theses,
both supervised by

Prof.Dr.-Ing.habil B. Karpuschewski,

has been awarded the Degree of
DOCTOR.

Delft, The Netherlands, May 19, 2008.

On behalf of the Board for the Doctorates
of the Delft University of Technology,


Prof. dr. ir. J.T. Fokkema
Rector Magnificus



BẢN DỊCH

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ DELFT

Theo điều luật 9.10 của Luật Nghiên cứu Khoa học và Giáo dục
cao cấp và (ngày 2/7/1997; Số Staatsblad 322)

HỘI ĐỒNG TIẾN SỸ TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ DELFT

CÔNG BỐ

VŨ NGỌC PI

Sinh vào 12/9/1964 tại Thai Binh, Việt Nam,

đã trình bày và bảo vệ thành công luận án

“Nâng cao hiệu suất của gia công bằng tia nước có hạt mài”,

dưới sự hướng dẫn của Gs.TS. KHKT. B. Karpuschewski,

đã được cấp bằng

TIẾN SỸ

Delft, Hà Lan, ngày 19/5/2008

Thay mặt Chủ tịch Hội đồng Tiến sỹ

của trường Đại học Công nghệ Delft

GS. TS. J.T. Fokkema

Hiệu trưởng danh dự (ký tên và đóng dấu)

Tôi, *Dinh Thị Hương*, Số CMND: 090810757, cấp ngày 6 tháng 3 năm 1999 tại Công an tỉnh Thái Nguyên, cam đoan dịch chính xác giấy tờ văn bản này từ tiếng Anh sang tiếng Việt (I, *Dinh Thị Hương*, bearing ID. No. 090810757 issued on March 6, 1999 and by Thai Nguyen Police Dept., undertake fully that this version is translated correctly from English to Vietnamese)

Người dịch (Translator)

Dinh Thị Hương

Chứng thực bà: *Dinh Thị Hương*, Số CMND: 090810757, cấp ngày 6 tháng 3 năm 1999 tại Công an tỉnh Thái Nguyên đã ký trước mặt tôi (It is hereby to attest to Mrs. *Dinh Thị Hương*, who is bearing ID. No. 090810757 issued by Thai Nguyen Provincial Police Department on the 6th March 1999 and signed the version before my present).

Số/No.: 155 Quyền số/Vol. No.: 01 SCT/CK
Thái Nguyên ngày 6 tháng 6 năm 2011
Phòng tư pháp (Judiciary Department)



PHÒNG TƯ PHÁP TP. THÁI NGUYÊN
KT. TRƯỞNG PHÒNG
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Ngô Văn Điệp

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 24 tháng 3 năm 2016

CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 19/5/2008

Do:

Trường Đại học Công nghệ Delft, Hà Lan

Cấp cho:

Vũ Ngọc Pi

Ngày sinh:

12 tháng 9 năm 1964

Nơi sinh:

Thái Bình

Là bằng tốt nghiệp:

Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 24 tháng 3 năm 2016

CHỨNG THỰC
BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
Ngày 28 tháng 7 năm 2016.
Số CT 202... Quyển 9



TRƯỞNG PHƯƠNG PHỤ XÁ
K/T CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Đình Hiệp

Đã vào sổ đăng ký số... 00.956.01/CNV8-TS



Mai Văn Trinh

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Nguyễn Quốc Tuấn

Học hàm, học vị: PGS.TS

Trưởng phòng Đào tạo

Tel: 0913 364 889

E-Mail: tuannq@tnu.edu.vn

Địa chỉ: TP.Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

1994, Đại học, Công nghệ chế tạo máy, Trường ĐH KTCN

1997, Thạc sỹ, Cơ khí Chế tạo máy, Trường ĐHBK HN

2003, Tiến sỹ, Cơ khí Chế tạo máy, Trường ĐHBK HN

Môn học giảng dạy: Dụng cụ cắt ;Cơ sở chất lượng của quá trình cắt, Thiết kế dụng cụ cắt, Các phương pháp gia công tiên tiến; Phương pháp tạo hình bề mặt; Gia công chính xác.

Lĩnh vực nghiên cứu: Mòn và tuổi bền của dụng cụ cắt; chất lượng bề mặt gia công; độ chính xác gia công; Tính kinh tế của quá trình gia công.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. **Nguyễn Quốc Tuấn**, Mối quan hệ giữa chế độ cắt và tuổi bền của dao phay đầu cầu phủ TiAlN khi cắt ở đỉnh trong trường hợp gia công thép CR12MOV đã tôi, *Tạp chí Khoa học Công nghệ các trường Đại học Kỹ thuật*, 2009.

2. Bành Tiến Long; Nguyễn Hữu Phấn; Ngô Cường; **Nguyễn Quốc Tuấn**, Tối ưu hóa nháp nhô bề mặt thép làm khuôn sau khi gia công bằng tia lửa điện với dung dịch điện môi có trộn bột Ti, *Tạp chí Phát triển khoa học và công nghệ- ĐH Quốc Gia Hồ Chí Minh*, 2016.

3. Đỗ Đức Trung; Ngô Cường; Nguyễn Đình Mẫn; **Nguyễn Quốc Tuấn**, Multi-Objective Optimization of Centerless Grinding Process for 20x- Carbon Infiltration Steel By Genetic And Generalized Reduced Gradient Algorithms, *American Journal of Engineering Research (AJER)*, 2017.

4. Vu Ngoc Pi, **Nguyen Quoc Tuan**, Tran Thi Hong, Le Hong Ky, Nguyen Anh Tuan, Luu Anh Tung, Nguyen Van Tung and Le Xuan Hung, Optimization of grinding parameters for minimum grinding time when grinding tablet punches by CBN wheel on CNC milling machine, *Applied sciences - Switzerland (SCIE)*, 2019.
5. Thi-Hong Tran, Xuan-Hung Le, **Quoc-Tuan Nguyen**, Hong-Ky Le, Tien-Dung Hoang, Anh-Tung Luu, Tien-Long Banh and Ngoc-Pi Vu, Optimization of Replaced Grinding Wheel Diameter for Minimum Grinding Cost in Internal Grinding, *Applied sciences- Switzerland (SCIE)*, 2019.
6. Thi-Hong Tran, Anh-Tung Luu, **Quoc-Tuan Nguyen**, Hong-Ky Le, Anh-Tuan Nguyen, Tien-Dung Hoang, Xuan-Hung Le, Tien-Long Banh and Ngoc-Pi Vu, Optimization of Replaced Grinding Wheel Diameter for Surface Grinding Based on a Cost Analysis, *Metals- Switzerland (scopus)*, 2019.
7. Vũ Văn Đam, Nguyễn Hữu Công, **Nguyễn Quốc Tuấn**, Ngô Quốc Huy, Nguyễn Thanh Toán, Parameter optimization of cutting force in corn stalk chopping, *International Journal of Mechanical and Production Engineering Research and Development (IJMPERD)* - scopus, 2019.

Người khai

Nguyễn Quốc Tuấn

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

THE MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of the National Thesis Examination Committee
for the Doctoral Dissertations
held at Hanoi University of Technology

HAS CONFERRED UPON

Mr. Nguyen Duc Tuan
Born 25/11/1969 in Thai Nguyen

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

In Engineering

Given under the seal of the Ministry of Education and Training
this Twenty Sixth day of September 2003



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
Căn cứ đề nghị của Hội đồng chấm luận án tiến sĩ cấp nhà nước
Họp ngày 26 tháng 09 năm 2003
tại Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG

TIẾN SĨ
KỸ THUẬT

Cho ông *Nguyễn Đức Tuấn*
Sinh ngày 25/11/1969 tại Thái Nguyên

Hà Nội, ngày 26 tháng 09 năm 2003

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO



Nguyễn Minh Đức

Số bảng: 02587

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Nguyễn Tuấn Minh

Học hàm, học vị: PGS.TS

Giám đốc Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế

Giám đốc phòng thí nghiệm mạng truyền thông không dây tiên tiến (AWCN).

Khoa: Quốc tế

Tel: 0912673378

E-Mail: nguyentuanminh@tnut.edu.vn

Địa chỉ: Trung Thành, TP.Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

1996-2001, Kỹ sư, ĐH Giao thông Vận tải, Hà Nội

2005-2007, Thạc sỹ, Học viện Kỹ thuật Quân sự

2010-2015, Tiến sỹ, Đại học Bang Oklahoma, Hoa Kỳ

Quá trình công tác:

2001-2003, Kỹ sư, Công ty công nghiệp, Việt Nam;

2003-2010, Giảng viên, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, Việt Nam;

2010-2015, Nghiên cứu sinh, Đại học Bang Oklahoma, Hoa Kỳ;

2016-2017, Giảng viên, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, Việt Nam;

2017-nay, Giám đốc Trung tâm Hợp tác Đào tạo Quốc tế, Giảng viên Khoa Quốc tế, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp, Việt Nam.

Môn học giảng dạy: Kỹ thuật quang học, Tín hiệu ngẫu nhiên và tạp âm, Điện tử truyền thông.

Lĩnh vực nghiên cứu: Điện tử viễn thông

Công bố khoa học tiêu biểu

- Các bài báo trong nước và quốc tế

1. **M. T. Nguyen** and Q. Cheng, "*Efficient Data Routing for Fusion in Wireless Sensor Networks*", The 25th International Conference on Computer Applications in Industry and Engineering, New Orleans, LA, USA, Nov. 2012.

2. **M. T. Nguyen**, “*Minimizing energy consumption in random walk routing for wireless sensor networks utilizing compressed sensing*,” in 8th International Conference on System of Systems Engineering (IEEE-SoSE2013), Maui, Hawaii, USA, 2013, June 2013.
3. **M. T. Nguyen** and N. Rahnavard, “*Cluster-Based Energy-Efficient data collection in wireless sensor networks utilizing compressive sensing*,” in 2013 - MILCOM 2013 Track 2) Networking Protocols and Performance (MILCOM 2013 Track 2), (San Diego, USA), Nov. 2013.
4. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Tree-based Energy – Efficient Data Gathering in Wireless Sensor Network deploying Compressed Sensing*” in WOCC 2014 - Networks Symposium (Wireless and Optical Communication Conference - WOCC 2014), (NJIT, Newark, New Jersey, U.S.A.), May 2014.
5. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Compressive Sensing Based Data Gathering in Clustered Wireless Sensor Networks*” The 9th IEEE International Conference on Distributed Computing in Sensor Systems 2014 (IEEE DCoSS 2014)", (Marina Del Rey, CA, USA) May 2014.
6. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague and N. Rahnavard, “*Inter-Cluster Multi-hop Routing in Wireless Sensor Networks employing Compressive Sensing*” in 2013 - MILCOM 2014 Track 3) Networking Protocols and Performance (MILCOM 2014 Track 3), (Baltimore, USA), Nov. 2014.
7. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Neighborhood Based Data Collection in WSNs utilizing Compressive Sensing*” The International Conference on Advanced Technologies for Communications 2014 (IEEE-ATC 2014), (Hanoi, Vietnam.), Oct 2014.
8. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Compressive Sensing Based Energy-Efficient Random Routing in Wireless Sensor Networks*” The International Conference on Advanced Technologies for Communications 2014 (IEEE-ATC 2014), (Hanoi, Vietnam.), Oct 2014.
9. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Distributed DCT Based Data Compression in Clustered Wireless Sensor Networks*,” in 2015 11th International Conference on Design of Reliable Communication Networks (DRCN 2015), (Kansas City, Missouri, USA), pp. 253–256, March, 2015.
10. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Random Sampling in Collaborative and Distributed Mobile Sensor Networks utilizing Compressive Sensing for Scalar Field*

Mapping,” in IEEE International Conference on System of Systems Engineering (SoSE) , (San Antonio, TX, USA) pp. 1–6, May, 2015.

11. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Compressive and Cooperative Sensing in Distributed Mobile Sensor Networks*” The Premier International Conference for Military Communications (MILCOM2015), (Tampa, Florida, USA) Oct, 2015.

12. **M. T. Nguyen**, Hung M. La and K. A. Teague, “*Compressive and Collaborative Mobile Sensing for Scalar Field Mapping in Robotic Networks*,” 53rd Annual Allerton Conference on Communication, Control, and Computing (University of Illinois at Urbana-Champaign, USA, September 28 - October 02, 2015).

13. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague, “*Mobile Distributed Compressive Sensing for Data Collection in Wireless Sensor Networks*” in International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC), (Ho Chi Minh city, Vietnam), Oct., 2015.

14. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague and Son Bui “*Compressive Wireless Mobile Sensing for Data Collection in Sensor Networks*” in IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC), (Hanoi, Vietnam), Oct., 2016.

15. Thiem V. Pham, Lai K. Lai, Quynh T. Quynh and **M. T. Nguyen**, “*Disturbance Estimation Combined with New Adaptive RBF Neural Network for Uncertain System with Disturbance*” in IEEE International Conference on Advanced Technologies for Communications (ATC), (Hanoi, Vietnam), Oct., 2016.

16. **Minh T. Nguyen** and Keith A. Teague, “*Optimizing Number of Clusters for Energy Saving Purpose in Wireless Sensor Networks*” ICERA 2018: International Conference on Engineering Research and Applications, December 1-2, 2018 in Thai Nguyen, Vietnam

17. Linh H. Truong, **M. T. Nguyen** “*Artificial Intelligence based Data Processing Algorithm for Video Surveillance*” in the 2019 International Symposium on Industry3.5 and Intelligent Manufacturing (Industry3.5), Taiwan, Sept. 2019 (**Best paper award finalist**)

18. Lanh V. Nguyen, Nam V. Bach, Hai T. Do, **Minh T. Nguyen**, “*ILC combined with a PI regulator for Wastewater Treatment Plants*” The 2019 2nd ICW-TELKOMNIKA conference, Yogyakarta, Indonesia, November 19-21, 2019.

19. Anh Q. Pham, Hung M. La, Kien T. La, **Minh T. Nguyen**, “*A Magnetic Wheeled Robot For Steel Bridge Inspection*” ICERA 2019: International Conference on Engineering Research and Applications, in Thai Nguyen, Vietnam December 1-2, 2019

20. **Minh T. Nguyen**, Thuong T.K. Nguyen, “An Energy-Efficient Combination of Sleeping Schedule and Cognitive Radio in Wireless Sensor Networks utilizing Compressed Sensing” *29th Wireless and Optical Communications Conference (WOCC 2020)*, Newark, New Jersey, USA, May 1 – May 2, 2020
21. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague “Random Walk based Data Collection in Mobile Sensor Networks utilizing Compressed Sensing” *International Journal of Complex Systems – Computing, Sensing and Control* - Vol. 3, No.2, pp. 25707-117, Dec. 2015 Copyright © 2015, TSI® Press Printed in the USA.
22. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague and N. Rahnavard, “CCS: Energy-Efficient Data Collection for Clustered Wireless Sensor Networks utilizing Block-wise Compressive Sensing” *ScienceDirect ELSEVIER Computer Network (COMNET)*. [Volume 106](#), 4 September 2016, Pages 171–185 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)
23. Tan D. Vu, Trung T. Tran, Hoa T. Tran and **Minh T. Nguyen** “Noise Cancellation Methods for Wearable Devices using Microprocessors” *International Journal of Electrical and Electronics Engineering (SSRG-IJEEE)*, ISSN: 2348-8379, Volume 3 Number 10 October 2016
24. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague “Energy-Efficient Data Collection in Clustered Wireless Sensor Networks employing Distributed DCT” *International Journal of Wireless & Mobile Networks (IJWMN)*, ISSN: 0975-3834, Vol. 8, No. 5, October 2016
25. Nghiep V. Dinh, Hien N. Nguyen, Tan D. Vu, Huong T.M. Nguyen, **Minh T. Nguyen** “Exact Linearization Control for Twin Rotor MIMO System” *International Journal of Electrical and Electronics Engineering (SSRG-IJEEE)*, ISSN: 2348-8379, Volume 3 Number 12 December 2016
26. **M. T. Nguyen** and K. A. Teague “Compressive Sensing Based Random Walk Routing in Wireless Sensor Networks” *ScienceDirect ELSEVIER Ad-hoc Networks* , Volume 54, 31 January 2017, Pages 99-110. (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)
27. **M. T. Nguyen** "Energy-Efficient Mobile Sensing in Distributed Multi-Agent Sensor Networks", *Advances in Science, Technology and Engineering Systems Journal*, vol. 2, no. 3, pp. 245-253 (2017). (SCOPUS)
28. **M. T. Nguyen**, H. M. La and K. A. Teague, "Collaborative and Compressed Mobile Sensing for Data Collection in Distributed Robotic Networks" in *IEEE Transactions on Control of Network Systems*, Volume: 5 , Issue: 4, page 1729 - 1740. Dec. 2018 (SCI/ISI/SCOPUS/Q1)

29. **M. T. Nguyen**, H. N. Nguyen and K. A. Teague, "Wavelet-based Energy Efficient Data Collection Algorithm in Wireless Sensor Networks" in *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications (ITCNC)* , vol. 4, no. 2, pp. 3-10, Jun. 2018.
30. **Minh T. Nguyen**, "Compressed Sensing based Data Collection Algorithms in Wireless Ad-hoc/Mobile Sensor" *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications (ITCNC)*, vol. 4, no. 3, pp. 1-4, Sep. 2018.
31. **Minh T. Nguyen**, "Massive MIMO: A Survey of Benefits and Challenges," *ICSES Transactions on Computer Hardware and Electrical Engineering (ITCHEE)*, In Press, pp. 1-4, Nov. 2018.
32. **M. T. Nguyen**, T. H. Nguyen, "Wireless Power Transfer: A Survey of Techniques, and Applications on Communication Networks," *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications (ITCNC)*, vol. 4, no. 4, pp. 1-5, Dec. 2018.
33. Giang Tran, Truong Hoang Linh, Hoa Tran, **Minh T. Nguyen** "A Design of Sensing Data Collection Circuits for Wireless Sensor Networks Utilizing WiFi Technology," *ICSES Transactions on Computer Hardware and Electrical Engineering (ITCHEE)*, pp. 1-5, Dec. 2018.
34. **M. T. Nguyen** "Advanced Flocking Control Algorithms in Mobile Sensor Networks," *ICSES Interdisciplinary Transactions on Cloud Computing, IoT, and Big Data (IITCIB)*, vol. 2, no. 4, pp. 4-9, Dec. 2018.
35. **M. T. Nguyen**, Huy Tran Van, Giap Nguyen Trong, Khoi H. Do, "Wireless Communication Technologies and Applications for Wireless Sensor Networks: A Survey," *ICSES Transactions on Computer Networks and Communications*, vol. 5, no. 1, pp. 1-15, Apr. 2019.
36. **Minh T. Nguyen**, Hien M. Nguyen, Antonino Masaracchia, Cuong V. Nguyen, "Stochastic-Based Power Consumption Analysis for Data Transmission in Wireless Sensor Networks" *EAI Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems* Issue 19, Vol. 6, June 2019
37. **M. T. Nguyen**, "A Frame Work of Energy-Efficient Data Routing for Internet of Things(IoTs)" *EAI Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems* Issue 19, Vol. 6, June 2019
38. A. Masaracchia, D. B. Da Costa, T. Q. Duong, M. Nguyen and **M. T. Nguyen**, "A PSO-Based Approach for User-Pairing Schemes in NOMA Systems: Theory and Applications," in *IEEE Access*, vol. 7, pp. 90550-90564, 2019. doi: 10.1109/ACCESS.2019.2926641(SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)

39. **Minh T. Nguyen**, "Sleeping Schedules for Energy-Efficiency Purpose in Wireless Sensor Network: Benefits and Challenges," ICSES Transactions on Computer Hardware and Electrical Engineering (ITCHEE), vol. 5, no. 3, pp. 1-4, Sep. 2019.
40. Anh M. Le, Linh H. Truong, Toan V. Quyen, Cuong V. Nguyen, **Minh T. Nguyen**, "Wireless Power Transfer Near-field Technologies for Unmanned Aerial Vehicles (UAVs): A Review", EAI Endorsed Transactions on Industrial Networks and Intelligent Systems, Jan 2020
41. Cuong V. Nguyen, Toan V. Quyen, Anh M. Le, Linh H. Truong, **Minh T. Nguyen**, "Advanced Hybrid Energy Harvesting Systems for Unmanned Aerial Vehicles (UAVs)"Advances in Science, Technology and Engineering Systems Journal (ASTESJ), Vol. 5, No. 1, 34-39 (2020) (SCOPUS)
42. **Minh T. Nguyen**, "Distributed compressive and collaborative sensing data collection in mobile sensor networks", *Elsevier Journal: Internet of Things: Engineering Cyber Physical Human Systems*, Volume 9, March 2020 (SCOPUS)
43. **Minh T. Nguyen**, "Control, Communications and Networking for Mobile Sensor Networks" ICSES Transactions on Computer Networks and Communications, Feb. 2020
44. **Minh T. Nguyen**, "Energy Harvesting in Wireless Sensor Networks: Benefits and Challenges" ICSES Interdisciplinary Transactions on Cloud Computing, IoT, and Big Data, Feb. 2020
45. Lanh Van Nguyen, Nam Van Bach, Hai Trung Do, **Minh T. Nguyen** "Combined ILC and PI regulator for wastewater treatment plants" TELKOMNIKA Telecommunication Computing Electronics and Control Vol 18, No 2: April 2020 (SCOPUS/Q2)
46. **Minh T. Nguyen**, Hamid R Boveiri, "Energy-Efficient Sensing in Robotic Networks" Elsevier journal: Measurement 10 March 2020 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)
47. **Minh T. Nguyen**, Cuong V. Nguyen, Linh H. Truong, Anh M. Le, Toan V. Quyen, A. Masaracchia, Keith A. Teague, "Electromagnetic Field Based WPT Technologies for UAVs: A Comprehensive Survey". MDPI Electronics, 9, 461, March 2020 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)
48. Vinh T. Vu, Cuong V. Nguyen, Toan V. Quyen, Anh M. Le, Linh H. Truong, **Minh T. Nguyen**, "Energy Efficient Approaches in Wireless Sensor Networks" ICSES Transactions on Computer Networks and Communications, March 2020
49. **Minh T. Nguyen**, Cuong V. Nguyen, Toan V. Quyen, Anh M. Le, Antonino Masaracchia, Ha T. Nguyen, Huy P. Nguyen, Long D. Nguyen, Hoa T. Nguyen, Vinh

Q. Nguyen “Hybrid Solar-RF Energy Harvesting Systems for Electric Operated Wheelchairs” MDPI Electronics, May 2020 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)

50. Toan V. Quyen, Cuong V. Nguyen, Anh M. Le, **Minh T. Nguyen** “Optimizing Hybrid Energy Harvesting Mechanisms for UAVs” EAI Endorsed Transactions Energy Web (Accepted) April 2020 (SCOPUS/Q4)

51. Linh H. Truong, **M. T. Nguyen**, Trang T. Tran, Chen-Fu Chien, “Artificial Intelligence based Data Processing Algorithm for Video Surveillance to Empower Industry 3.5” Elsevier Computers & Industrial Engineering, (Accepted) April 2020 (SCIE/ISI/SCOPUS/Q1)

52. **M. T. Nguyen**, K. A. Teague “Data collection algorithms in Wireless Sensor Networks employing Compressed Sensing: A Survey” (In progress)

Google Scholar: <https://scholar.google.com/citations?user=Q4Z3KoYAAAAJ&hl=en>

53. **Nguyễn Tuấn Minh**, Đoàn Minh Cảnh, “Tăng cường bảo mật trong hệ thống Iots dựa trên công nghệ lấy mẫu nén” Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, 2018

54. **Nguyễn Tuấn Minh**, “Thuật toán kết hợp phân cụm và lấy mẫu nén làm giảm năng lượng tiêu thụ trong mạng cảm biến không dây” Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên (2017)

55. Nguyễn Trọng Giáp, Đỗ Hữu Khôi, Trần Văn Huy, Trần Thị Hòa, **Nguyễn Tuấn Minh**, “Cấu trúc di động và các công nghệ chủ chốt cho mạng truyền thông không dây 5G”, Hội thảo quốc gia Ứng dụng Công nghệ cao vào thực tiễn – tổ chức tại Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Thái Nguyên 2017

56. Nguyễn Thị Huyền, Đinh Văn Công, Lăng Thị Thùy Trang, **Nguyễn Tuấn Minh**, “Những vấn đề an ninh và bảo mật trong hệ thống Internet of Things (Iots)” Hội thảo quốc gia Ứng dụng Công nghệ cao vào thực tiễn, tổ chức tại Đại học Kỹ thuật Công nghiệp – Thái Nguyên 2017

57. Lâm Văn Đà, **Nguyễn Tuấn Minh**, “Tổng quan mã Turbo”, Tạp chí Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin (2007)

58. Trần Xuân Nam, Đinh Thế Cường, **Nguyễn Tuấn Minh**, Nguyễn Vĩnh Hạnh, “MIMO - Công nghệ truyền dẫn vô tuyến tốc độ cao”, Tạp chí Bưu chính Viễn thông và Công nghệ thông tin (2007).

- **Các báo cáo khoa học**

1. Compressive Sensing for Data Collection in Clustered Wireless Sensor Networks, International Conference on Digital Information Processing, Data Mining, and Wireless Comm.

2. Compressive Sensing Based Data Collection Algorithms for Wireless Sensor Networks, Oklahoma State University 26th Annual Research Symposium, (Oklahoma, USA) February 18.

3. Compressive Sensing based Energy-Efficient Clustering for Data Collection in Wireless Sensor, Electronic Faculty Symposium, Thai Nguyen University of Technology, 5/2016. - (2015) 1.

Người khai

Nguyễn Tuấn Minh



THE RECTOR OF MILITARY TECHNICAL ACADEMY

On the Recommendation of the Scientific and Training Council
has conferred upon

Mr. *Nguyen Tuan Minh*

Born **05/04/1978** in *Thai Nguyen*

THE DEGREE OF

MASTER OF ENGINEERING



Given under the seal of Military Technical Academy
this twentieth day of August 2007



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN KỸ THUẬT QUÂN SỰ
Cơ sở để nghị của Hội đồng Khoa học và Đào tạo
cấp bằng

THẠC SĨ

KỸ THUẬT

Cho ông *Nguyễn Tuấn Minh*

Sinh ngày **05/04/1978** tại **Thái Nguyên**

Hà Nội, ngày 20 tháng 8 năm 2007



Giám đốc HVKTQS

Số bằng: **1488**
Nº. A **0030487**

Trưởng tướng PGS.TS
NGUYỄN ĐỨC LUYỆN

Oklahoma State University

have admitted

Minh Tuan Nguyen

to the degree of
Doctor of Philosophy
Electrical Engineering

*and all the honors, privileges and obligations belonging thereto,
and in witness thereof have authorized the issuance of*

this Diploma duly signed and sealed.

Issued at the Oklahoma State University at Stillwater, Oklahoma on the

twelfth day of December, two thousand fifteen

For the Regents

James S. Sorenson
Regent

Ronald H. White
Regent

William J. Johnson
Regent

For the University

John A. H. H. H.
Chancellor

V. Bruce Hargis
President

Sheryl A. Jackson
Vice President



BẢN DỊCH

Đại học Bang Oklahoma

Đã cấp cho

Nguyễn Tuấn Minh

Bảng

Tiến sĩ Kỹ thuật Điện

cùng tất cả danh dự, quyền và nghĩa vụ kèm theo
và đã cho phép cấp bằng đã được chứng nhận, ký và đóng dấu này

Cấp tại Trường Đại học Bang Oklahoma tại Stillwater, Oklahoma ngày 12 tháng 12 năm 2015.

Hội đồng Quản trị

Chủ tịch
(Đã ký)
Thư ký
(Đã ký)
Giám đốc
(Đã ký)

Trường Đại học

Chủ tịch, Ban Giám hiệu
(Đã ký)
Hiệu trưởng
(Đã ký)
Trưởng Khoa
(Đã ký)



(Đã đóng dấu)



(Đã đóng dấu)



BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2017

CỤC KHẢO THÍ VÀ KIỂM ĐỊNH
CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

CÔNG NHẬN

Văn bằng số:

Ngày cấp: 12/12/2015

Do:

Trường Đại học Oklahoma, Hoa Kỳ

Cấp cho:

Nguyễn Tuấn Minh

Ngày sinh:

05 tháng 4 năm 1978

Nơi sinh:

Thái Nguyên

Là bằng tốt nghiệp:

Tiến sĩ

Đã đăng ký tại Bộ Giáo dục và Đào tạo ngày 06 tháng 02 năm 2017

CỤC TRƯỞNG



Mai Văn Trinh

Đã vào sổ đăng ký số... 0127.14 / CNVB - TS

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Nguyễn Thị Mai Hương

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Điện

Tel: 0912479366

E-Mail: maihuongsdh@tnut.edu.vn

Địa chỉ: P. Hương Sơn - TP Thái Nguyên – Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Từ 2007-2013, Tiến sĩ, Kỹ thuật Điều khiển và Tự động hoá, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp – ĐH Thái Nguyên;
- Từ 2003-2006, Cử nhân, Tiếng Anh, Trường Đại học mở Hà Nội;
- Từ 1998-2001, Thạc sĩ, Tự động hóa, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp – ĐH Thái Nguyên;
- Từ 1991-1996, Kỹ sư, Điện khí hóa xí nghiệp, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp – ĐH Thái Nguyên.

Quá trình công tác

- 1997 - 2004, Giảng viên thuộc bộ môn Tự động hoá XNCN - Khoa Điện, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp;
- 2004 - 11/2006, Giảng viên, Phó trưởng bộ môn Tự động hoá - Khoa Điện, Trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;
- 12/2006 - 1/2010, Phó trưởng Khoa Đào tạo Sau đại học, kiêm Phó trưởng bộ môn Tự động hoá - Khoa Điện, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp;
- 1/2010 - 3/2014, Đảng uỷ viên; Phó Trưởng Phòng Quản lý Đào tạo Sau đại học; Giảng viên bộ môn Tự động hoá - Khoa Điện, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp;
- 4/2014 - 7/2019, Đảng uỷ viên; Trưởng khoa Sư phạm Kỹ thuật, Giảng viên bộ môn Công nghệ Kỹ thuật điện- Khoa Sư phạm Kỹ thuật, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp;
- 7/2019 - nay, Đảng uỷ viên, Trưởng Khoa Điện, giảng viên bộ môn Tự động hoá - Khoa Điện, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp.

Môn học giảng dạy: Trang bị điện cho các máy công nghiệp, Tổng hợp hệ điện cơ, Lý thuyết điều khiển nâng cao.

Lĩnh vực nghiên cứu: Tự động hóa.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Nguyễn Thị Mai Hương và cộng sự, Exact Linearization Control for Twin Rotor MIMO System, SSRG International Journal of Electrical and Electronics Engineering (SSRG-IJEEE) – volume 3 Issue 12–December 2016, 2016
2. Nguyễn Thị Mai Hương và cộng sự, Building a Magnetic Flux Model of Induction Motors and Testing on Hardware Systems Using DSP C2000, International Journal of Engineering Research and Technology. ISSN 0974-3154, Volume 12, Number 1 (2019), pp. 1-7, 2019
3. Bùi Chính Minh, Nguyễn Như Hiên, Nguyễn Mai Hương, Xây dựng cấu trúc bộ điều khiển hệ truyền động SERVO nối khớp mềm, Tạp chí khoa học và công nghệ - ĐHTN, 2007
4. Nguyễn Thị Mai Hương, Đinh Văn Nghiệp, Trần Thị Thanh Hải, Nghiên cứu khả năng trụ lưới không đối xứng của hệ thống phát điện bằng sức gió, Tạp chí khoa học và công nghệ -ĐHTN, 126 – 133, 2010
5. Nguyễn Thị Mai Hương, Đặng Danh Hoàng, Nguyễn Phùng Quang, Nâng cao khả năng khắc phục lỗi lưới không đối xứng của hệ thống phát điện chạy bằng sức gió, Hội nghị toàn quốc lần thứ 5 về Cơ điện tử - VCM, 315 – 320, 2010
6. Ngô Đức Minh, Lê Tiên Phong, Nguyễn Mai Hương, Phân tích sóng hài phát sinh của trạm bù công suất phản kháng kiểu SVC trong lưới truyền tải và đề xuất và đề xuất giải pháp khắc phục, Tạp chí khoa học và Công nghệ các trường ĐH Kỹ thuật, 13 – 18, 2011
7. Nguyễn Mai Hương, Nguyễn Tiến Hưng, Sử dụng LFT trong thiết kế và phân tích ổn định bền vững của hệ thống điều khiển máy phát điện sức gió, Tạp chí khoa học và công nghệ -ĐHTN, 21 – 25, 2011
8. Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Phùng Quang, Nghiên cứu khả năng trụ lưới của hệ thống phát điện chạy sức gió sử dụng máy phát không đồng bộ nguồn kép trong điều kiện điện áp lưới không đối xứng, Tạp chí Tin học và Điều khiển- Viện Khoa học và Công nghệ Việt nam, 374-384, 2011
9. Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Phùng Quang, Sách lược trụ lưới theo phương pháp tổng hợp các thành phần đối xứng trong hệ thống máy phát sức gió, CD Tuyển tập Hội nghị toàn quốc lần thứ nhất về Điều khiển và Tự động hóa, 440 – 447, 2011
10. Nguyễn Mai Hương, Ngô Đức Minh, Nguyễn Như Nghĩa, Một số kết quả

nghiên cứu về trụ lưới không đối xứng sử dụng bộ lọc tích cực điều khiển dòng sin, Tạp chí khoa học và công nghệ -ĐHTN, 2011

11. Vũ Ngọc Huy, Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Tiến Hưng, Robust control of dc motors, Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2014

12. Lê Tiên Phong, Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Tiến Hưng, Control of grid-connected solar power system with interleaved flyback converters, Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2014

13. Vũ Ngọc Huy, Trần Mạnh Tuấn, Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Tiến Hưng, Thyristor-based digital control of dc motors, Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2014

14. Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Tiến Hưng, Sensorless foc of 3-phase induction motors based on the instaspin solution, Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2015

15. Nguyen Tien Hung, Nguyen Thi Mai Huong¹, The application of cross limit control on speed adjustable belt scale systems, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2017

16. Nguyen Tien Hung, Nguyen Thi Mai Huong¹, Combined armature voltage and field flux control for separately excited Dc machines, Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2017

17. Nguyễn Thị Mai Hương, Nguyễn Tiến Hưng, Robustness stability analysis for Hinfinity control of separately excited DC, Tạp chí Khoa học Công nghệ Đại học Thái Nguyên, 2018

Người khai

Nguyễn Thị Mai Hương



MINISTER OF EDUCATION AND TRAINING

On the Recommendation of
The Rector of the College of Industrial Engineering
Thai Nguyen University

has conferred on
Ms. Nguyễn Thị Mai Hương
the degree of Master of
Engineering



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Theo đề nghị của

Hiệu trưởng Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp
Đại học Thái Nguyên

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
CẤP BẰNG

THẠC SĨ

Kỹ thuật

cho *Bà Nguyễn Thị Mai Hương*

Sinh ngày *30-03-1974* tại *Thái Nguyên*

Hà Nội, ngày *1* tháng *11* năm 200*1*.
BỘ TRƯỞNG



Số: *21016*

THỦ TRƯỞNG
Trần Văn Nhung

SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

THE PRESIDENT OF THAI NGUYEN UNIVERSITY

Confers

THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY

In Engineering

Upon: Ms. *Nguyễn Thị Mai Hương*

Born on: 30 March 1974 in Thai Nguyen

Given under the seal of Thai Nguyen University

Reference number: 0063

Serial number: 0063

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẰNG TIẾN SĨ

GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ kết luận của Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ cấp Đại học
hợp ngày 11 tháng 08 năm 2012 tại Đại học Thái Nguyên

CÔNG NHẬN HỌC VỊ VÀ CẤP BẰNG
TIẾN SĨ KỸ THUẬT

Cho bà: *Nguyễn Thị Mai Hương*

Sinh ngày: 30 / 03 / 1974 tại Thái Nguyên

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 02 năm 2013



PGS. TS. Đặng Kim Vui

Quyết định cấp bằng số: 200/QĐ-ĐHTN

Số vào sổ: 0063

Số bằng: 0063

LÝ LỊCH KHOA HỌC BAN QUẢN LÝ CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT

Nguyễn Thị Thanh Nga

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Khoa: Điện

Tel: 0912286055

E-Mail: nguyenthithanhnga-tdh@tnut.edu.vn

Địa chỉ: P. Tích Lương - TP Thái Nguyên – Thái Nguyên



Quá trình đào tạo

- Từ 2008-2013, Tiến sĩ, Tự động hóa, Viện Nghiên cứu Điện tử, Tin học, Tự động hóa;
- Từ 2003-2006, Thạc sĩ, ngành Kỹ thuật điện tử, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp – ĐH Thái Nguyên;
- Từ 2003-2006, Cử nhân, Anh ngữ, Viện Đại học Mở;
- Từ 1998-2003, Kỹ sư, Điện khí hóa - Cung cấp điện, Trường ĐH Kỹ thuật công nghiệp – ĐH Thái Nguyên.

Quá trình công tác

- Từ 2003 - nay, Giảng viên, Khoa Điện, trường ĐH Kỹ thuật Công nghiệp;
- Từ 2011 - 2017, Phó Trưởng BM Tự động hóa, Giảng viên BM TĐH, Bộ môn Tự động hóa – Khoa Điện, trường ĐH KTCN;
- Từ 2017 - nay, Trưởng BM Tự động hóa, Giảng viên BM TĐH, Bộ môn Tự động hóa – Khoa Điện, trường ĐH KTCN.

Môn học giảng dạy: Trang bị điện cho các máy công nghiệp, Tổng hợp hệ điện cơ, Lý thuyết điều khiển nâng cao.

Lĩnh vực nghiên cứu: Tự động hóa.

Công bố khoa học tiêu biểu

1. Sách Logic mờ, Mạng nơ ron và đại số gia tử trong kỹ thuật điều khiển, Nhà xuất bản Đại học Thái Nguyên, 2016, Tham khảo, Đồng biên soạn.
2. Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Thị Thanh Nga, Reseach and Development of an adaptive control system for extremal systems, IFOST 2009, 235-

238, 2009.

3. Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Thị Thanh Nga, Nguyễn Phương Huy, Research on the application of genetic algorithm combined with the “cleft-overstep” algorithm for improving learning process of MLP neural network with special error surface, ICNC'11, 222-227, 2011.

4. Nguyen Thi Thanh Nga, Nguyen Thi Phuong Chi, Nguyen Hong Quang, Study on Controlling Brushless DC Motor in Current Control Loop Using DC-Link Current, American Journal of Engineering Research (AJER), 522-528, 2018.

5. Nguyen Thi Thanh Nga, Design a Hybrid PI – Hedge Algebraic Controller for Controlling Brushless DC Motor, SSRG International Journal of Electrical and Electronics Engineering (SSRG - IJEEE) ISSN:2348 - 8379, 28-33, 2018.

6. Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Thị Thanh Nga, Phạm Văn Hưng, Nghiên cứu ứng dụng mạng hồi quy thời gian liên tục trong nhận dạng và điều khiển hệ thống xử lý nước thải, Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, số 12, 4-8, 2010.

7. Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Thị Thanh Nga, Đồng Văn Ngọc, Research to improve a learning algorithm of neural networks, Tạp chí Khoa học Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, số 5, 53-60, 2012.

8. Nguyễn Hữu Công, Nguyễn Thị Thanh Nga, Vũ Ngọc Huy, Bùi Tuấn Anh, The Influence of Initial Weights During Neural Network Training, Tạp chí Khoa học Công nghệ các Trường Đại học Kỹ thuật, số 93, ISSN 0868-3980, 18-25, 2013.

9. Vũ Đức Tân, Nguyễn Thị Thanh Nga, Comparisons between adaptive fuzzy controller, impedance controller and pid controller for lower extremity rehabilitation exoskeleton, Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên, ISSN 1859-2171, 2015.

10. Nguyễn Thị Thanh Nga, Đặng Hải Hưng, Trần Ngọc Ánh, Bùi Thanh Huyền, Phương pháp tách kênh toàn phần ứng dụng trong hệ thống tháp chưng cất hóa chất, Tạp chí khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên, tập 176 số 16, 2017, ISSN 1859-2171, 103-108, 2017.

11. Nguyen Thi Thanh Nga, Design a Hybrid PI – Hedge Algebraic Controller for Controlling Brushless DC Motor", SSRG International Journal of Electrical and Electronics Engineering (SSRG - IJEEE), V5(6), 28-33 June 2018. ISSN:2348 - 8379. , 28-33, 2018.

12. Nguyen Thithanh Nga, Nguyen Thi Phuong Chi, Nguyen Hong Quang, Study on Controlling Brushless DC Motor in Current Control Loop Using DC-Link Current, American Journal of Engineering Research (AJER), e-ISSN: 2320-0847 p-ISSN :

2320-0936, Volume-7, Issue-5, 522-528, 2018.

13. Dinh Van Nghiep, Nguyen Thi Mai Huong, Ngo Minh Duc, Nguyen Thi Thanh Nga, Nguyen Hong Quang, Building a Magnetic Flux Model of Induction Motors and Testing on Hardware Systems Using DSP C2000, International Journal of Engineering Research and Technology, Volume 12, Number 12 (2019)., 2294-2297, 2019.

Người khai

Nguyễn Thị Thanh Nga

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

DIRECTOR

VIETNAM RESEARCH INSTITUTE OF ELECTRONICS, INFORMATICS
AND AUTOMATION

confers

**THE DEGREE OF
DOCTOR OF PHILOSOPHY**
in ENGINEERING

Upon: Ms. Ms. *Nguyen Thi Thanh Nga*
Born on: 03rd March, 1981

Given under the seal of

Vietnam Research Institute of Electronics, Informatics and Automation
on 08th May, 2014

Serial number: 003076

Reference number: 1405/VDI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VIỆN TRƯỞNG

VIỆN NGHIÊN CỨU ĐIỆN TỬ, TIN HỌC, TỰ ĐỘNG HÓA

Cấp

BẰNG TIẾN SĨ

KỸ THUẬT

Cho: Bà . *Nguyễn Thị Thanh Nga*
Sinh ngày: 03/03/1981

Hà Nội , ngày 08 tháng 5 năm 2014

VIỆN TRƯỞNG



Nguyễn Thế Truyền

Số hiệu: 003076

Số vào sổ cấp bằng: 1405/VDI

PHỤ LỤC 8:

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐỐI TÁC

GIỚI THIỆU VỀ TRƯỜNG ĐẠI HỌC JEONJU, HÀN QUỐC

- Tên trường: Trường Đại học Jeonju

- Địa chỉ: 303, Cheonjam-ro, Wansan-gu, Jeonju, Cheonbuk, Republic of Korea

Trường đại học Jeonju được thành lập năm 1964, với tổng diện tích cơ sở hạ tầng 30ha, nằm tại miền trung Hàn quốc, cách thủ đô Seoul 2h nếu di chuyển bằng xe, 1h di chuyển bằng tàu cao tốc. Trường đại học Jeonju có 8 trường đại học thành viên, hơn 60 khoa, là trường đại học tổng hợp hệ 4 năm với 9 trường đào tạo sau đại học, 68 hệ thạc sĩ, tiến sĩ. Hiện tại có 12000 sinh viên đang theo học, trong đó có 1400 du học sinh nước ngoài đến từ 67 quốc gia trên thế giới, có 600 du học sinh đến từ Việt Nam.

Trường đại học Jeonju tập trung đào tạo về các lĩnh vực đặc thù như Văn hóa truyền thống kết hợp với công nghiệp hiện đại. Đồng thời đang phấn đấu trở thành ngôi trường giáo dục đáng tin cậy bậc nhất về các chương trình đào tạo như i-Class, StarT, giáo dục khởi nghiệp, giáo dục hướng doanh nghiệp

Trường đại học Jeonju là trường đại học đầu tiên trong các trường đại học Hàn quốc đã ký kết với Bộ lao động thương binh xã hội Việt Nam để cùng liên kết nghiên cứu, đào tạo nguồn lao động chất lượng cao cho các doanh nghiệp Hàn quốc đang đầu tư tại Việt Nam. Ngoài ra Trường cũng đã ký kết với rất nhiều các doanh nghiệp lớn tại Hàn quốc để hỗ trợ sinh viên khi ra trường có được công việc ổn định

Trường đại học Jeonju được chính phủ đáng tin cậy, và luôn có chính sách đầu tư lớn vì trường đứng đầu trong việc đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho đất nước.

Trường đại học Jeonju có rất nhiều chế độ học bổng cho sinh viên: Học bổng SuperStar : miễn phí 100% đăng ký học kỳ chính quy (top 5% người có thành tích thi đầu vào đại học cao nhất); Học bổng dành cho sinh viên có thành tích học tập tốt: miễn giảm học phí 100% , 80%, 70% theo học lực của sinh viên; Học bổng của khoa: miễn giảm học phí 65% cho thủ khoa, 30% cho sinh viên ưu tú; Học bổng chăm chỉ; Học bổng doanh nghiệp; Học bổng Topik; Học bổng anh em; Học bổng đặc biệt...Ngoài ra còn có rất nhiều các loại học bổng khác như: học bổng quỹ ưu đãi, học bổng tin lành, học bổng cơ đốc, học bổng Media, học bổng Seomkim, học bổng falimy...

BẢN CAM ĐOAN